



Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



Dự án “Hỗ trợ quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Tài liệu tập huấn “Tăng cường năng lực giải trình cho các doanh nghiệp gỗ trong khuôn khổ các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM với sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam

Xuất bản bởi

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

Thay mặt

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

Văn phòng đăng ký

Bonn và Eschborn, Đức

Dự án

Hỗ trợ quá trình thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

Chịu trách nhiệm

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án

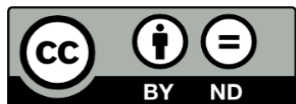
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

Quyền và Giấy phép

Tài liệu và nội dung này được chuẩn bị bởi các Dự án Forest and Biodiversity của Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (BNN&PTNT). Tài liệu này được coi là Tài nguyên Giáo dục Mở (OER) và được cấp phép theo Giấy phép Creative Commons (1)



Giấy phép CC-BY-ND (Trích nguồn – Không phái sinh)

Giấy phép này cho phép người sử dụng sao chép và phân phối tài liệu ở bất kỳ định dạng hoặc phương tiện nào, chỉ với điều kiện không sửa đổi nội dung và phải trích nguồn tác giả. Giấy phép cũng cho phép sử dụng với mục đích thương mại.

CC BY-ND bao gồm các yếu tố sau:



BY: Phải trích rõ nguồn tác giả.

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: GIZ & BNN&PTNT. 2025. *Tài liệu tập huấn “Tăng cường năng lực giải trình cho các doanh nghiệp gỗ trong khuôn khổ các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM với sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam*. Giấy phép: Creative Commons Attribution CC-BY-ND.



ND: Không được phép chỉnh sửa, thay đổi hoặc phái sinh từ tác phẩm gốc

Dịch thuật

Nếu tạo bản dịch của tài liệu này, vui lòng thêm tuyên bố sau cùng với phần trích dẫn nguồn:

Bản dịch này không được thực hiện bởi GIZ & BNN&PTNT và không nên được xem là bản dịch chính thức của GIZ & BNN&PTNT. GIZ & BNN&PTNT không đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, đầy đủ của bản dịch này, và không chịu trách nhiệm về bất kỳ nội dung hoặc lỗi nào trong bản dịch. Phiên bản gốc bằng ngôn ngữ gốc là phiên bản có giá trị pháp lý và xác thực.

Lưu ý về mục đích thương mại

Tài liệu này được phát triển với nguồn tài trợ từ Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ). Do đó, tài liệu không nên được sao chép, sử dụng hoặc bán với mục đích chính là thu lợi thương mại.

Mọi thắc mắc liên quan đến quyền và giấy phép, vui lòng liên hệ Văn phòng GIZ tại Hà Nội qua giz-vietnam@giz.de.

(1) <https://creativecommons.org>

Mục lục

Mục lục	3
Danh mục từ viết tắt	6
Danh mục hình	7
Danh mục Hộp.....	8
Lời mở đầu	9
Thị trường Hoa Kỳ	11
1. Các yêu cầu của thị trường Hoa Kỳ về gỗ hợp pháp và truy xuất nguồn gốc gỗ	12
1.1. Đạo luật Lacey	12
1.2. Thỏa thuận USTR (301).....	16
2. Quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ.....	19
2.1. Cơ sở pháp lý	19
2.2. Các hành vi lẩn tránh thuế	21
2.3. Cơ quan có thẩm quyền liên quan	25
2.4. Quy trình, thủ tục điều tra	26
2.5. Biện pháp áp dụng	39
2.6. Các vụ việc điển hình.....	40
3. Hướng dẫn thu thập thông tin và giải trình	49
3.1. Hướng dẫn tờ khai theo Lacey Act.....	49
3.2. Hướng dẫn sử dụng hệ thống ACCESS.....	50
3.3. Hướng dẫn biểu mẫu, bố cục với các tài liệu cung cấp cho DOC.....	58

3.4. Hướng dẫn nội dung các bản cung cấp thông tin cho Hoa Kỳ	61
3.5. Hướng dẫn thẩm tra tại chỗ	65
3.6. Hướng dẫn tham gia Cơ chế tự chứng nhận	67
Thị trường EU	68
1. Các yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc và quy định chống mất rừng.....	69
1.1. EUTR, EURD	69
1.2. VPA FLEGT	72
2. Quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của EU	75
2.1. Cơ sở pháp lý	75
2.4. Quy trình, thủ tục điều tra	86
2.5. Biện pháp áp dụng	95
2.6. Các vụ việc điển hình (phân tích thông tin vụ việc, loại sản phẩm bị điều tra, loại lẩn tránh bị cáo buộc, diễn biến vụ việc, các yếu tố cần lưu ý).....	95
3. Hướng dẫn thu thập thông tin và giải trình.....	98
3.1. Hướng dẫn Tuyên bố trách nhiệm giải trình	98
3.2. Hướng dẫn sử dụng hệ thống TRON	101
3.3. Hướng dẫn trả lời bản câu hỏi Q&V	105
3.4. Hướng dẫn trả lời các bản câu hỏi tiếp theo của EU.....	106
3.5. Hướng dẫn thẩm tra tại chỗ.....	109
3.6. Hướng dẫn chuẩn bị các bản phản biện và lập luận	118
3.7. Hướng dẫn tham gia cơ chế loại trừ.....	118
3.8. Vận động hành lang.....	119
Thị trường Nhật Bản.....	122

1. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Nhật Bản – Thuận lợi và thách thức	123
2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng/môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ: Luật gỗ sạch 2016	124
Thị trường Hàn Quốc.....	127
1. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc – Thuận lợi và thách thức	128
2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng/môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ: Luật sử dụng gỗ bền vững 2018	128
Thị trường Trung Quốc.....	133
1. Tình hình xuất khẩu gỗ sang Trung Quốc – Thuận lợi và thách thức.....	134
1.1. Kim ngạch xuất khẩu – Những con số đáng chú ý	134
1.2. Thuận lợi	135
1.3. Thách thức.....	135
2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng / môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ.....	137
Phụ lục.....	139
1. Phụ lục 1 – EXPORTER CERTIFICATE.....	139
2. Phụ lục 2 – IMPORT CERTIFICATE	147
3. Phụ lục 3 – CERTIFICATE OF ACCURACY	150
4. Phụ lục 4 – CERTIFICATE OF PUBLIC SERVICE.....	152
5. Phụ lục 5 – CERTIFICATE OF APO SERVICE LIST	153
Tài liệu tham khảo	154

Danh mục từ viết tắt

ACCESS	Cổng thông tin điện tử của DOC
AFA	Dữ liệu sẵn có bất lợi
CBP	Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ
CBPG	Chống bán phá giá
CTC	Chống trợ cấp
CIT	Tòa thương mại Hoa Kỳ
DOC	Bộ Thương mại Hoa Kỳ
EC	Ủy ban châu Âu
EU	Liên minh châu Âu
FWS	U.S Fish and Wildlife Service
GIZ	Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức
ITC	Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ
OLAF	Cơ quan chống gian lận châu Âu
PVTM	Phòng vệ thương mại
Q&V	Bản câu hỏi về lượng và giá trị
SMEs	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
TRAV	Cục Phòng vệ thương mại
USTR	Cơ quan đại diện thương mại Hoa Kỳ
VIFOREST	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

Danh mục hình

Hình 1. Sơ đồ cấu trúc Vụ Thực thi và Tuân thủ

Hình 2. Quy trình rà soát hành chính thuế CBPG/CTC của Hoa Kỳ

Hình 3. Một số mốc thời gian cần lưu ý (Giai đoạn sau khi khởi xướng tới khi ra kết luận sơ bộ)

Hình 4. Bản câu hỏi điều tra Q&V

Hình 5. Giao diện trang web đăng ký tài khoản Guest

Hình 6. Điều khoản sử dụng

Hình 7. Giao diện điền thông tin

Hình 8. Thư xác nhận của DOC

Hình 9. Giao diện trang web đăng ký tài khoản E-filer

Hình 10. Điều khoản sử dụng

Hình 11. Giao diện điền thông tin

Hình 12. Lựa chọn Country Code

Hình 13. Lựa chọn tên tổ chức/ doanh nghiệp

Hình 14. Thư xác nhận của DOC

Hình 15. Hướng dẫn format trong các nội dung gửi Hoa Kỳ

Danh mục Hộp

Hộp 1. Phân biệt chuyển tải – trốn thuế - lẩn tránh thuế

Hộp 2. Những khác biệt về phương pháp trong rà soát hành chính so với điều tra phá giá trong vụ điều tra ban đầu

Hộp 3. Hoạt động lắp ráp trong EU

Hộp 4. Lưu ý đối với doanh nghiệp

Hộp 5. Một số điểm về kỹ thuật cần lưu ý khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra

Hộp 6. Quy trình chuẩn bị Thẩm tra tại chỗ của cán bộ điều tra

Hộp 7. Các loại giấy tờ, chứng từ mà cán bộ điều tra có thể yêu cầu xuất trình

Hộp 8. Phương pháp Thẩm tra tại chỗ của cán bộ điều tra

Hộp 9. Doanh nghiệp nên chuẩn bị như thế nào cho điều tra thực địa?

Hộp 10. Bảy điều “cấm kỵ” trong điều tra thực địa

Lời mở đầu

Gỗ và sản phẩm gỗ là những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam với kim ngạch tăng trưởng ấn tượng trong thập kỷ qua. Theo thống kê của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này tăng từ 3,4 tỷ USD năm 2010 lên 12,371 USD vào năm 2020, đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gỗ lớn thứ 2 ở châu Á và thứ 5 trên thế giới. Năm 2021, ngành gỗ Việt Nam đạt doanh thu xuất khẩu kỷ lục 14,7 tỷ USD bất chấp đại dịch Covid-19. Cả nước hiện có gần 14.000 doanh nghiệp lớn nhỏ tham gia chế biến gỗ, sản xuất đồ nội thất và các sản phẩm từ gỗ khác, tạo ra trên 500.000 việc làm ổn định. Đồng thời, hàng triệu lao động khác sống ở miền núi Việt Nam cũng tham gia trồng rừng sản xuất. Điều này góp phần ổn định an sinh xã hội và phát triển kinh tế bền vững.

Tuy nhiên, mặt hàng gỗ cũng là mặt hàng phải đối mặt với nhiều quy định khắt khe và các rào cản thương mại từ thị trường xuất khẩu, như quy định về truy xuất nguồn gốc gỗ, gỗ hợp pháp, điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM (PVTM). Ví dụ như Liên minh châu Âu (EU), một trong 04 thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam, đã ban hành quy định nghĩa vụ của các bên khi muốn đưa gỗ và các sản phẩm gỗ ra tiêu thụ trên thị trường (gọi tắt là EUTR 995). Đây là một phần của Kế hoạch hành động nhằm thực thi Luật Lâm nghiệp, quản trị và thương mại của EU (hay còn gọi là Kế hoạch hành động FLEGT 2003). Theo đó, từ tháng 3/2013, các nhà nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào thị trường EU phải thực hiện thẩm định để chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gỗ với cơ quan có thẩm quyền của EU trước khi thông quan khi lô hàng vào cảng đầu tiên của EU. Trong bối cảnh đó, Việt Nam và EU đã bắt đầu đàm phán và ký kết Hiệp định VPA/FLEGT vào ngày 19/10/2018. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 1/6/2019. VPA/FLEGT giữa Việt Nam và EU là một hiệp định thương mại có tính ràng buộc về mặt pháp lý nhằm cải thiện quản trị rừng và thúc đẩy thương mại gỗ và sản phẩm gỗ hợp pháp xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường EU.

Một dẫn chứng khác là Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu gỗ lớn nhất của Việt Nam, đã liên tiếp khởi xướng 02 vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM với gỗ dán và tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam. Trong cả 02 vụ việc, Hoa Kỳ đều cáo buộc Việt Nam nhập khẩu các nguyên liệu gỗ từ Trung Quốc, mà các nguyên liệu gỗ này đang phải chịu thuế PVTM của

Hoa Kỳ, do đó, sản phẩm gỗ dán và tủ gỗ của Việt Nam đang lẫn tránh thuế PVTM mà Hoa Kỳ áp với Trung Quốc.

Các rào cản nêu trên đều mang tính phức tạp, gây khó khăn cho việc tuân thủ và thực thi, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp gỗ của Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), năng lực và nguồn lực đều hạn chế. Nhiều doanh nghiệp phải từ bỏ, đánh mất thị trường xuất khẩu do không đáp ứng được các tiêu chí về thu thập và khai báo thông tin của thị trường nước xuất khẩu. Điều này không chỉ gây ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn thu của doanh nghiệp, mà còn có hệ lụy tới nguồn sinh kế của hàng ngàn lao động và người dân.

Trong bối cảnh đó, Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) đã hợp tác với Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) và các cơ quan có liên quan của Chính phủ Việt Nam (FPD, TRAV) xây dựng tài liệu hướng dẫn và tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu gỗ của Việt Nam để đáp ứng được các quy định và tiêu chuẩn của thị trường xuất khẩu, góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu, đóng góp sự tăng trưởng chung của ngành.

Nhóm đối tượng tác động của Dự án gồm các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu gỗ của Việt Nam.

Phạm vi tài liệu nghiên cứu tập trung giới thiệu, phân tích và hướng dẫn quy định về truy xuất gỗ, gỗ hợp pháp và quy định về điều tra chống lẫn tránh thuế của 05 thị trường: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó tập trung phân tích sâu 02 thị trường đầu tiên, và giới thiệu tổng quát về 03 thị trường còn lại.

Tài liệu tập huấn được xây dựng theo phương pháp tổng hợp từ cả lý thuyết và thực tiễn để rút ra các bài học, hướng dẫn cho doanh nghiệp. Cụ thể, tài liệu tập huấn được tập trung vào 03 nội dung chính:

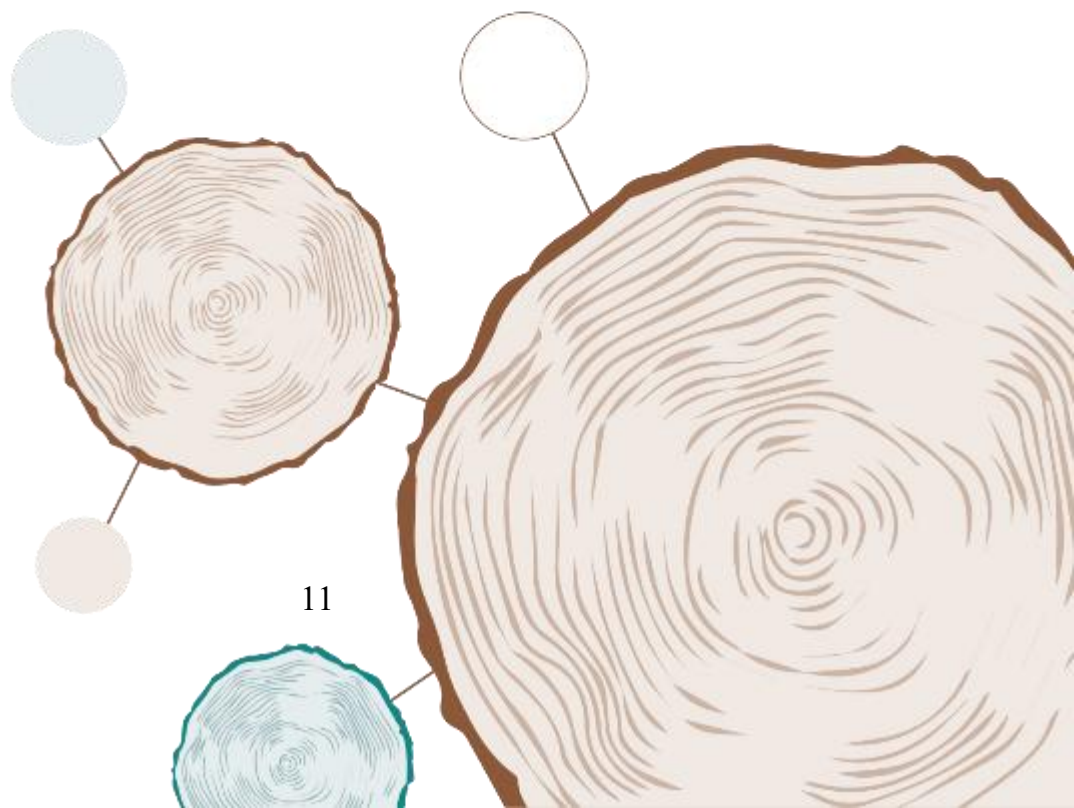
(i) giới thiệu quy định pháp lý: các quy định về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, đặc biệt tập trung

(ii) các vụ việc điển hình;

(iii) trên cơ sở của nội dung (i) và (ii), xây dựng các hướng dẫn với doanh nghiệp, tập trung vào trách nhiệm giải trình.

CHƯƠNG I

Thị trường Hoa Kỳ



1. Các yêu cầu của thị trường Hoa Kỳ về gỗ hợp pháp và truy xuất nguồn gốc gỗ

1.1. Đạo luật Lacey

1.1.1. Giới thiệu Đạo luật Lacey

Đạo luật Lacey được giới thiệu tại Hoa Kỳ vào năm 1900, nhằm cấm vận chuyển động vật bị bắt bất hợp pháp hoặc các sản phẩm từ động vật hoang dã qua các tuyến đường giữa các tiểu bang hay qua biên giới quốc tế.

Vào năm 2008, Quốc hội Hoa Kỳ đã thông qua nội dung sửa đổi với Đạo luật Lacey, theo đó, mở rộng phạm vi sản phẩm, bao gồm gỗ, giấy và các lâm sản khác. Sửa đổi này cũng bổ sung các hình phạt đối với những người bị kết tội mua bán lâm sản bất hợp pháp. Các yêu cầu trong đạo luật này có hiệu lực trong toàn bộ chuỗi cung ứng của Hoa Kỳ. Bất cứ ai trong lãnh thổ Hoa Kỳ nhập khẩu, xuất khẩu, bán, nhận, thu hoặc mua lâm sản từ nguồn bất hợp pháp đều là bất hợp pháp. Giờ đây, Đạo Luật Lacey đã tạo ra một tiền lệ mới trong thương mại toàn cầu về gỗ và các sản phẩm gỗ, công nhận và hỗ trợ nỗ lực của các quốc gia khác trong việc quản lý nguồn tài nguyên của họ và thiết lập các cơ chế khuyến khích mạnh mẽ để các công ty buôn bán những mặt hàng này thực hiện các quy định tương tự như đã đề cập trong đạo Luật Lacey.

1.1.2. Đạo luật Lacey giải quyết vấn đề khai thác gỗ trái phép như nào?

Để giải quyết vấn đề khai thác gỗ trái phép và buôn bán gỗ bất hợp pháp khác, đạo Luật Lacey bao gồm 3 nội dung chính:

- Cấm buôn bán gỗ và các sản phẩm gỗ (ví dụ: đồ gỗ, giấy, hoặc gỗ xẻ) có nguồn gốc bất hợp pháp từ bất kỳ bang nào của Hoa Kỳ hoặc từ bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Vấn đề như thế nào được coi là “bất hợp pháp” được chia sẻ sâu hơn tại phần tiếp theo.
- Yêu cầu các nhà nhập khẩu khai báo nguồn gốc địa danh quốc gia nơi khai thác gỗ và tên loài cây gỗ trong thành phần sản phẩm của họ.
- Áp dụng các hình thức phạt đối với các hành động vi phạm đạo Luật Lacey, bao gồm tịch thu hàng hóa và tàu chở hàng, phạt tiền và bắt giam.

1.1.3. Các hành động vi phạm theo Đạo Luật Lacey

Theo quy định của Đạo luật Lacey, việc khởi tố hành động vi phạm phải có bằng chứng của 2 hành động vi phạm, một hành động vi phạm “luật nước ngoài” và một hành động vi phạm “luật trong nước”. Cụ thể:

Thứ nhất, việc vi phạm “luật nước ngoài” thể hiện ở hành động lấy gỗ, khai thác, sở hữu, vận chuyển, bán hoặc xuất khẩu không tuân thủ theo quy định của luật pháp ở bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới. Việc sửa đổi Đạo luật Lacey đã đưa ra một danh mục dài về các hoạt động vi phạm luật pháp theo hình thức vi phạm “luật nước ngoài”. Danh mục bao gồm các hoạt động vi phạm luật có thể dễ dàng nhận biết như khai thác gỗ trái phép từ các vườn quốc gia. Tuy nhiên, Đạo luật Lacey cũng đề cập đến các hoạt động vi phạm ở mức độ ít rõ ràng hơn, như vận chuyển gỗ vào ban đêm vi phạm quy định giới nghiêm để chống buôn lậu gỗ trái phép. Theo Đạo luật Lacey sửa đổi, hành động vi phạm “luật nước ngoài” bao gồm các hành động vi phạm các điều luật về “bảo vệ cây trồng” hoặc các luật trong đó có quy định:

1. Hành vi ăn trộm gỗ;
2. Lấy gỗ từ vườn quốc gia, khu bảo tồn hoặc các khu vực phòng hộ;
3. Lấy gỗ từ các khu vực được quy hoạch cho mục đích đặc biệt đã được quy định trong luật hoặc văn bản pháp quy của nhà nước.
4. Lấy gỗ khi không có thẩm quyền hoặc trái với thẩm quyền được giao.
5. Không thực hiện, thanh toán nghĩa vụ tài chính, đóng thuế hoặc phí khai thác, vận chuyển hoặc buôn bán; hoặc
6. Các điều luật quy định về xuất khẩu hoặc vận chuyển gỗ, ví dụ như lệnh cấm xuất khẩu gỗ tròn.

Cần lưu ý rằng, vi phạm pháp luật nước ngoài liên quan không nhất thiết phải là một vi phạm hình sự. Vi phạm liên quan không nhất thiết là vi phạm một luật đang có hiệu lực thi hành tại quốc gia nước ngoài đó. Tòa án Hoa Kỳ có quyền diễn giải/giải thích pháp luật nước ngoài liên quan.

Thứ hai, việc vi phạm “luật trong nước” thể hiện ở việc cá nhân hoặc công ty buôn bán gỗ có nguồn gốc trái phép trong phạm vi các liên bang ở Hoa Kỳ hoặc buôn bán quốc tế - theo từ ngữ quy định trong luật, đối tượng này phải “nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển, bán, nhận hoặc mua” các sản phẩm gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp.

Lưu ý, một chủ thể không nhất thiết thực hiện cả hai hành vi: vi phạm luật nước ngoài liên quan có thể được thực hiện bởi một bên thứ ba. Việc kết luận là có tồn tại hành vi vi phạm Đạo luật Lacey không phụ thuộc vào việc chủ thể vi phạm (bao gồm nhà nhập khẩu, người mua, v.v) có biết về hành vi vi phạm này hay không. Tuy nhiên, mức phạt sẽ cao hơn nếu chủ thể vi phạm biết về việc vi phạm của mình. Các hình thức xử lý vi phạm cụ thể sẽ được trao đổi ở phần tiếp theo.

Việc khởi tố phải được thực hiện trong vòng 5 năm kể từ khi vi phạm Đạo luật Lacey.

1.1.4. Các hình phạt quy định trong Đạo luật Lacey

Các hình phạt áp dụng đối với một hành động vi phạm Đạo luật Lacey phụ thuộc vào kiến thức, hiểu biết của Bị đơn về hành vi vi phạm của mình.

Mức phạt khác nhau đối với vi phạm cố ý và vi phạm vô ý. “Cố ý” là hành vi vi phạm mà chủ thể nhận thức thực tế và tính bất hợp pháp của hành vi, không nhất thiết là phải biết về quy định cụ thể mà mình vi phạm.

Mức phạt khác nhau đối với hành vi “cẩn trọng” và “không cẩn trọng”. Trong đó “cẩn trọng” được hiểu là mức độ thận trọng hợp lý mà một người cẩn thận ở mức bình thường sẽ thực hiện trong những tình huống tương tự.

Các hình phạt cụ thể quy định trong Đạo luật Lacey như sau:

Các hình phạt tài chính dân sự: Chính phủ có thể áp đặt các hình thức phạt dân sự nghiêm khắc đối với bất kỳ cá nhân nào vi phạm Đạo luật Lacey. Nếu bị đơn thực sự biết hoặc đáng lẽ ra đã phải biết trong lúc thực hiện hành vi của mình bằng việc lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán cá, gỗ hoặc các loài động, thực vật hoang dã là vi phạm quy định của “luật nước ngoài”, thì Chính phủ có thể đánh giá và áp dụng mức phạt dân sự lên tới 10.000 USD. Ví dụ, Cơ quan Quản lý Không khí và Đại dương quốc gia (NOAA) thường xuyên chứng minh việc “thiếu quan tâm đúng mức” của các nhà nhập khẩu cá bằng cách chỉ ra rằng họ thuộc lĩnh vực kinh doanh cá thương mại.

Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể ban hành một thông cáo về hành vi vi phạm và đánh giá hình thức phạt hành chính dân sự. Nếu bị đơn không thừa nhận hình phạt, cơ quan này phải chứng minh trường hợp này với cơ quan thẩm phán hành chính với những chứng cứ rõ ràng, thuyết phục hơn.

Tịch thu: Cá hoặc động, thực vật hoang dã nhập khẩu mà vi phạm Đạo luật Lacey sẽ là đối tượng bị tịch thu nếu Bị đơn không biết đã vi phạm “luật nước ngoài” (ví dụ: không biết rằng gỗ có nguồn gốc khai thác trái phép). Mặc dù các điều luật hình sự của Hoa Kỳ thường quy định điều khoản về tịch thu hàng hóa nếu hàng hóa bị tịch thu là “hàng lậu hoặc tài sản sở hữu bất hợp pháp”, bao gồm cả các loại hàng hóa được sở hữu bất hợp pháp theo quy định của Đạo luật Lacey. Tàu biển, xe cộ, máy bay hoặc bất kỳ phương tiện vận chuyển nào được sử dụng để thực hiện hành động vi phạm nghiêm trọng Luật Lacey (xem phần dưới) sẽ bị tịch thu sau khi vi phạm, nếu chủ hàng biết hoặc đáng lẽ ra phải biết rằng các phương tiện đó sẽ được sử dụng. Các quy định về luật hải quan về tịch thu hàng hóa áp dụng đối với mọi trường hợp tịch thu.

Phạt tiền và tống giam: Nếu một đối tượng tham gia vào hoạt động buôn lậu trong khi biết rằng hành vi lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán các sản phẩm như cá hoặc động, thực vật hoang dã là vi phạm luật “luật nước ngoài”, thì đối tượng đó sẽ bị truy tố và chịu mức phạt lên tới 250.000 đô la Mỹ (500.000 đô la Mỹ đối với tổ chức) và/hoặc lên tới 5 năm tù giam. *Độc United States v Eisenberg, 496 F Supp 2d 578, 582. (ED Pa 2007)* (khi Quốc hội ban hành 18 U.S.C. § 3571 năm 1984 (và bổ sung 3571(e) năm 1987), và bãi bỏ mức phạt thấp hơn quy định trong Luật Lacey). Nếu đối tượng đã có thể biết hành vi đó là vi phạm luật nếu quan tâm đúng mức thì hành vi vi phạm là coi thường pháp luật và mức phạt lên tới 100.000 đô la Mỹ (\$200.000 đối với tổ chức) và/hoặc tới 1 năm tù giam. Mỗi hành vi phạm pháp được coi là một hình thức phạm tội riêng.

Buôn lậu và rửa tiền: Các nhà nhập khẩu mang theo hàng hóa mà vi phạm Luật Lacey có thể sẽ bị khởi tố tội danh buôn lậu, 18 USC §545, độ nghiêm trọng mức D. Mọi tội danh buôn lậu cũng có thể liên quan đến một tội danh rửa tiền đối với các hoạt động chuyển tiền từ Mỹ sang các nhà bán hàng nước ngoài, với ý định tiếp tục thực hiện 1 hành động phạm pháp cụ thể “bởi vì buôn lậu là một hoạt động vi phạm pháp luật”. Cuối cùng, các yêu cầu khai báo của luật mới có thể dẫn đến việc khai báo giả, 18 USC §1001, quy định một đối tượng biết hoặc cố ý khai báo sai, tạo ra hoặc sử dụng chứng từ, tài liệu giả hoặc che dấu số liệu thực tế, sẽ bị phạt và/hoặc bị bỏ tù lên tới 5 năm.

1.1.5. Cơ quan thực thi của Hoa Kỳ

Với kinh nghiệm chuyên môn trong điều tra các trường hợp nhập khẩu và buôn lậu động vật hoang dã, Cơ quan bảo tồn Cá và Động vật hoang dã (FWS – U.S Fish and Wildlife Service) thuộc Bộ An ninh Nội địa (FWS) và Cơ quan kiểm tra sức khỏe động, thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ - cơ quan chịu trách nhiệm về nhập khẩu thực vật - sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý khai báo và điều tra các trường hợp nhập khẩu gỗ lậu.

Bộ An ninh nội địa (U.S Department of Homeland Security), chịu trách nhiệm kiểm soát hải quan và theo dõi vùng biên giới thông qua Bảo vệ Hải quan và Biên giới sẽ hỗ trợ thực hiện công việc này. Nếu thanh tra liên bang phát hiện hoặc nhận được bằng chứng của hoạt động vi phạm, công tác điều tra sâu sẽ được triển khai. Nếu có đầy đủ bằng chứng rằng sản phẩm đó là phạm pháp, chuyến hàng đó có thể bị giữ. Tại thời điểm đó, trường hợp này sẽ được chuyển tới Bộ Tư pháp và/hoặc có thể tiến hành tịch thu hàng hóa.

1.1.6. Một vài vụ việc vi phạm, điều tra, xử lý Lacey Act, bao gồm quy trình điều tra tố tụng, mức độ xử phạt v.v

Một số ví dụ về hành động vi phạm theo Đạo luật Lacey như sau:

Một công ty ở California nhập khẩu một tàu hàng gỗ ván sàn ở quốc gia X, hàng hóa được sản xuất từ gỗ khai thác không có giấy phép tại quốc gia Y.

Một nhà xuất khẩu cố ý gắn sai nhãn hiệu hàng hóa vận chuyển đến Mỹ bằng tên các loài cây có giá trị thấp hơn thực tế để tránh bị áp mức thuế cao.

Một công ty giấy sử dụng bột giấy có nguồn gốc khai thác trái phép và xuất khẩu sản phẩm cuối cùng tới Mỹ.

Một nhà nhập khẩu gỗ vơ nia không xác định chính xác tên quốc gia (hoặc quốc gia tiềm năng) nơi khai thác các loài gỗ có trong sản phẩm nhập khẩu.

1.2. Thỏa thuận USTR (301)

Theo chỉ đạo của Tổng thống Donald J. Trump, tháng 10 năm 2020, Cơ quan Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) đã tiến hành một cuộc điều tra giải quyết hai vấn đề quan trọng liên quan đến Việt Nam. USTR sẽ điều tra các hành vi, chính sách và thông lệ của Việt Nam

liên quan đến nhập khẩu và sử dụng gỗ khai thác hoặc buôn bán bất hợp pháp, đồng thời sẽ điều tra các hành vi, chính sách và thực tiễn của Việt Nam có thể góp phần vào việc định giá thấp đồng tiền của Việt Nam và hậu quả gây ra cho Thương mại Hoa Kỳ. USTR sẽ tiến hành cuộc điều tra theo Mục 301 của Đạo luật Thương mại 1974.

Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Robert E. Lighthizer cho biết, “Tổng thống Trump cam kết kiên quyết chống lại các hành vi thương mại không công bằng gây hại cho công nhân, doanh nghiệp, nông dân và chủ trang trại của Hoa Kỳ. Sử dụng gỗ bất hợp pháp trong các sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ gây hại cho môi trường và không công bằng đối với công nhân và doanh nghiệp Hoa Kỳ tuân thủ các quy tắc bằng cách sử dụng gỗ được khai thác hợp pháp. Ngoài ra, các hành vi tiền tệ không công bằng có thể gây hại cho công nhân và doanh nghiệp Hoa Kỳ cạnh tranh với các sản phẩm của Việt Nam có thể bị định giá thấp hơn một cách giả tạo do định giá tiền tệ thấp. Chúng tôi sẽ xem xét cẩn thận các kết quả của cuộc điều tra và xác định những hành động nào, nếu có, có thể phù hợp để thực hiện”.

Các cá nhân tổ chức (công chúng) có thể chia sẻ quan điểm của thông qua đề trình bằng văn bản.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, USTR chính thức đưa ra Quyết định cuối cùng về kết quả điều tra ngành gỗ của Việt Nam theo mục 301. Theo đó USTR đã chính thức công bố Quyết định trên trang web của mình, trong đó nêu rõ *“Dựa trên Hiệp định được ký kết giữa Chính phủ Mỹ và Chính phủ Việt Nam về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp, USTR xác định ra không có thêm bất cứ hoạt động nào được thực hiện tại thời điểm này có liên quan tới cuộc điều tra bởi tất cả các vấn đề nằm trong cuộc điều tra này đã được giải quyết thỏa đáng.”*

Đồng thời USTR đã công bố một thỏa thuận ký với Việt Nam nhằm giải quyết các mối quan ngại của Hoa Kỳ trong cuộc điều tra Mục 301 về ngành gỗ Việt Nam. Thỏa thuận nhằm đảm bảo các cam kết giúp ngăn chặn khai thác gỗ hoặc buôn bán bất hợp pháp ra khỏi chuỗi cung ứng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Thỏa thuận đưa ra rất nhiều cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc giảm các rủi ro có liên quan tới khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp. Các nội dung cơ bản mà Việt Nam cam kết trong bản Thỏa thuận này tập trung vào các vấn đề, không đưa gỗ tịch thu

vào sử dụng với mục đích thương mại; Việt Nam tăng cường kiểm tra hải quan và sau thông quan đối với nguồn gỗ nhập khẩu từ nguồn rủi ro, nguồn gỗ CITES nhập; Cam kết sửa Nghị định VNTLAS, để đảm bảo Nghị định này không chỉ bao gồm các doanh nghiệp xuất khẩu mà bao gồm các nhóm đối tượng khác, như các công ty nhập khẩu; Sửa các tiêu chí nhằm phân loại/sắp xếp các quốc gia và vùng địa lý tích cực; Xác minh tính hợp pháp của nguồn gỗ khai thác trong nước; Hợp tác với các quốc gia xuất khẩu gỗ nguyên liệu đặc biệt từ nguồn rủi ro cho Việt Nam. Hợp tác bao gồm các khía cạnh như yêu cầu giấy tờ hợp pháp, kiểm tra giấy tờ trong bộ hồ sơ nhập khẩu, ký kết Biên bản ghi nhớ với các quốc gia cung gỗ rủi ro; Đảm bảo tính hợp pháp của sản phẩm gỗ xuất khẩu vào Mỹ, EU giống như các sản phẩm gỗ xuất khẩu vào bất cứ thị trường nào khác; Xử lý các cá nhân/doanh nghiệp Việt Nam vi phạm luật pháp tại nước thứ ba (nước gỗ khai thác); Thành lập Nhóm Công tác về gỗ cấp Chính phủ giữa Việt Nam và Mỹ để giám sát thực thi Hiệp định, nhóm họp 2 lần/năm và cuộc họp đầu tiên của Nhóm sẽ về vấn đề số liệu thương mại giữa Việt Nam-Lào-Campuchia và Cameroon.

Ngày 1/10, Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan thay mặt Chính phủ Việt Nam ký Thỏa thuận về kiểm soát khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp với Trưởng Cơ quan đại diện thương mại (USTR) của Chính phủ Hoa Kỳ Katherine Tai.

Thỏa thuận này là kết quả của nỗ lực không ngừng nghỉ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan liên quan dưới sự chỉ đạo của Chính phủ Việt Nam trong đàm phán với Hoa Kỳ để khép lại Vụ điều tra 301 của Chính phủ Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ của Việt Nam.

2. Quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ

2.1. Cơ sở pháp lý

Trong quá trình thành lập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), cùng với Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ đã nỗ lực rất nhiều để đưa các quy định về chống lẩn tránh thuế vào Hiệp định về chống bán phá giá của WTO (ADA) tại Vòng đàm phán U-ru-guay. Mặc dù một trong những dự thảo của ADA (Dự thảo Dunkel) có các quy định về chống lẩn tránh thuế, Hoa Kỳ đã không chấp nhận vì cho rằng lời văn không đủ mạnh. Do đó, các quy định này đã không được đưa vào lời văn cuối cùng của ADA. Vì vậy, chỉ có Quyết định cấp Bộ trưởng về Chống lẩn tránh thuế được thông qua, mà Hoa Kỳ coi là một tuyên bố cho phép sự công nhận tính pháp lý của các quy định về chống lẩn tránh thuế của mình.

Trong hệ thống luật pháp của Hoa Kỳ, quy định chính thức đầu tiên về chống lẩn tránh thuế của Hoa Kỳ được đưa ra tại Điều 1321 của Luật Thương mại và Cạnh tranh tổng hợp 1988 (Omnibus Trade and Competitive Act) (Luật Thương mại 1988) với tên gọi “Ngăn chặn việc lẩn tránh lệnh áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp” (được pháp điển tại Điều 781 Luật Thuế Xuất nhập khẩu 1930, Phần 19 Bộ luật Liên bang Hoa Kỳ U.S.C 1677j). Quy định này ra đời một mặt để theo kịp với quy định của EU về chống lẩn tránh thuế được thông qua vào năm 1987 và mặt khác là do quan ngại việc các nhà sản xuất châu Á tham gia vào các hành vi lẩn tránh thuế. Cho tới hiện nay, Điều 781 của Luật Thuế xuất nhập khẩu 1930 vẫn là quy định chính về điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nội dung quy định còn khá sơ sài, chưa có các quy định rõ ràng về quy trình, thủ tục điều tra.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo sửa đổi một số nội dung trong quy định pháp luật về điều tra chống bán phá giá (CBPG) và chống trợ cấp (CTC) của nước này, bao gồm quy định liên quan đến điều tra chống lẩn tránh thuế.

Việc sửa đổi được chính quyền Tổng thống Donald Trump triển khai từ ngày 13 tháng 8 năm 2020 nhằm rà soát quá trình áp dụng quy định, từ đó, đưa ra những điều chỉnh, bổ sung theo hướng tăng cường các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn các hành vi bán phá giá và trợ cấp vào Hoa Kỳ. Tháng 01 năm 2021, DOC đã công bố quy định sửa đổi. Tuy nhiên,

sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Biden đã yêu cầu DOC đình chỉ việc áp dụng quy định sửa đổi nêu trên nhằm rà soát, làm rõ hơn những điểm còn hạn chế và bổ sung các biện pháp tăng cường quản lý, thực thi pháp luật về CBPG/CTC để ngăn chặn hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM của các đối tác khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Đáng lưu ý, các quy định này đã luật hóa hầu hết thực tiễn và quy trình điều tra chống lẩn tránh của DOC vốn chưa được hướng dẫn cụ thể trước đây. Lần sửa đổi này được đánh giá là lần điều chỉnh chính sách đáng kể nhất của chính quyền Hoa Kỳ về PVTM trong vòng 20 năm qua.

Nội dung sửa đổi tập trung vào một số nhóm vấn đề chính sau:

Hoa Kỳ tách riêng việc điều tra xem xét phạm vi sản phẩm (scope ruling) khỏi phạm vi điều tra chống lẩn tránh thuế (anti-circumvention) và quy định cụ thể hơn về quy trình, thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM của DOC. Cụ thể:

- Điều tra xem xét phạm vi sản phẩm

Về bản chất, điều tra xem xét phạm vi sản phẩm nhằm xác định có thể mở rộng Lệnh áp thuế mà Hoa Kỳ đang áp dụng với một nước/vùng lãnh thổ với một số sản phẩm nhập khẩu từ nước/vùng lãnh thổ khác không. Trước đây, điều tra xem xét phạm vi sản phẩm là một phần của điều tra chống lẩn tránh thuế, và không có quy định rõ ràng về quy trình thủ tục đối với nội dung này.

Quy định sửa đổi đã bổ sung thêm các yếu tố rõ hơn về quy trình thủ tục, như: (i) phải khởi xướng điều tra dựa trên đơn kiện chính thức; (ii) DOC có thể tự khởi xướng (self-initiate); (iii) quy định cụ thể về thời hạn điều tra và ra kết luận (120 ngày, có thể gia hạn tới 300 ngày); (iv) loại bỏ quy định cho phép điều tra nhanh - expedited.

Tuy nhiên, điểm thay đổi đáng kể và có tác động lớn nhất là quy định sửa đổi cho phép áp dụng thuế hồi tố (retrospective). Theo đó, quy định sửa đổi cho phép lệnh áp thuế gốc được mở rộng với tất cả các lô hàng chưa thanh khoản, bao gồm cả các lô hàng đã nhập vào Hoa Kỳ trước thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc. Theo quy định cũ, lệnh áp thuế chỉ có thể mở rộng với các lô hàng chưa thanh khoản mà nhập vào Hoa Kỳ vào hoặc sau thời điểm khởi xướng điều tra vụ việc.

Thông thường, Hoa Kỳ sẽ tiến hành thanh khoản hàng hóa trong khoảng 10 tháng kể từ khi hàng hóa nhập vào Hoa Kỳ. Giả sử Hoa Kỳ ra kết luận sơ bộ khẳng định, tính từ thời

điểm ra kết luận sơ bộ, Hoa Kỳ có khả năng thu thuế hồi tố với các lô hàng đã nhập khẩu vào Hoa Kỳ lên tới 10 tháng trước ngày ra quyết định sơ bộ. Điều này khác với quy định trong vụ việc điều tra CBPG/CTC là thời gian hồi tố tối đa 90 ngày trước khi ra quyết định sơ bộ.

- Điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM

Hoa Kỳ quy định chi tiết hơn về quy trình và thủ tục điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM, theo đó: (i) DOC phải quyết định khởi xướng điều tra trong vòng 30 ngày, có thể gia hạn 45 ngày, kể từ khi nhận đơn; (ii) DOC phải ra kết luận cuối cùng trong vòng 300 ngày, có thể gia hạn tới 365 ngày kể từ ngày khởi xướng; (iii) quy định cụ thể cho phép DOC điều tra chống lẩn tránh thuế trên phạm vi quốc gia (country-wide). Hình thức điều tra này cho phép DOC lựa chọn ra một số doanh nghiệp bị đơn bắt buộc để điều tra, nhưng kết quả sẽ áp dụng cho tất cả các nhà sản xuất/xuất khẩu khác; (iv) cho phép DOC áp dụng thuế hồi tố, tương tự như quy định về hồi tố áp dụng với điều tra xem xét phạm vi sản phẩm.

2.2. Các hành vi lẩn tránh thuế

Theo quy định tại Điều 781 của Luật Thuế xuất nhập khẩu 1930, hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM (*bao gồm lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp*) có thể được thực hiện theo một trong bốn trường hợp:

(i) lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ;

(ii) lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác không phải là đối tượng bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp;

(iii) tạo ra những thay đổi không đáng kể đối với hàng hóa và

(iv) phiên bản mới của hàng hóa được phát triển sau khi cơ quan có thẩm quyền khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM.

Đối với trường hợp (i), việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ sẽ bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện: (a) hàng hóa được bán tại Hoa Kỳ và cùng loại với hàng hóa bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp; (b) hàng hóa này được lắp ráp, hoàn thiện bằng các nguyên vật liệu được sản xuất tại quốc gia nơi có hàng hóa bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp; (c) hoạt động lắp ráp, hoàn thiện tại Hoa Kỳ có giá trị không đáng kể; (d) giá trị của các nguyên vật liệu được nêu

tại yếu tố (b) chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng giá trị của hàng hóa. Pháp luật Hoa Kỳ *không đưa ra mức định lượng cụ thể để xác định mức độ “không đáng kể”* trong điều kiện (c) mà chỉ liệt kê các yếu tố cần được xem xét, bao gồm: mức độ đầu tư, nghiên cứu và phát triển tại Hoa Kỳ; bản chất, quy mô và giá trị của hoạt động sản xuất tại Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, các quy định yêu cầu cơ quan điều tra phải xem xét tổng hợp nhiều yếu tố trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, bao gồm đặc điểm thương mại của hàng hóa; mối liên hệ giữa doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nguyên vật liệu và doanh nghiệp lắp đặt, hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ; xu hướng gia tăng việc nhập khẩu nguyên vật liệu khi có quyết định khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM. Khi cơ quan điều tra kết luận việc lắp ráp, hoàn thiện hàng hóa tại Hoa Kỳ sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu từ nước có hàng hóa cùng loại bị áp dụng biện pháp PVTM là hành vi lẩn tránh thì biện pháp PVTM đó sẽ được áp dụng với nguyên vật liệu nhập khẩu.¹

Đối với trường hợp (ii), việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác không phải là đối tượng bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp (“quốc gia khác”) sẽ bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM khi có đủ các điều kiện: (a) hàng hóa nhập khẩu từ quốc gia khác vào Hoa Kỳ cùng loại với hàng hóa nhập khẩu từ một quốc gia là đối tượng chịu thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp; (b) hàng hóa này được lắp ráp hoặc hoàn thiện từ các nguyên vật liệu là đối tượng chịu các loại thuế nêu trên hoặc nguyên vật liệu sản xuất tại các nước có liên quan đến các loại thuế nêu trên; (c) *hoạt động lắp ráp, hoàn thiện tại quốc gia khác có giá trị không đáng kể* và (d) giá trị của các hàng hóa được sử dụng để lắp ráp, hoàn thiện theo yếu tố (b) chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng giá trị của hàng hóa. Tương tự như trường hợp (i), việc xác định các điều kiện cấu thành hành vi lẩn tránh phải dựa trên sự xem xét tổng hợp nhiều yếu tố.² Khi cơ quan điều tra kết luận việc lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác là hành vi lẩn tránh thì biện pháp PVTM sẽ được áp dụng với các hàng hóa này. Tuy nhiên, khác với trường hợp (i), do việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh trong trường hợp (ii) ảnh hưởng tới lợi ích của nhiều

¹ Xem vụ việc Certain Uncoated Paper from Brazil, the People’s Republic of China, and Indonesia: Affirmative Final Determinations of Circumvention of the Antidumping Duty Orders and Countervailing Duty Order for Certain Uncoated Paper Rolls 86 FR 71025 (December 14, 2021).

²² Các yếu tố mà cơ quan điều tra xem xét bao gồm: sự gia tăng nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước bị áp dụng biện pháp PVTM vào nước thứ 3 khi Hoa Kỳ quyết định áp dụng biện pháp PVTM; sự gia tăng nhập khẩu hàng hóa từ nước thứ 3 khi Hoa Kỳ quyết định áp dụng biện pháp PVTM; mối liên hệ giữa doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tại nước bị áp dụng biện pháp PVTM và doanh nghiệp sản xuất, hoàn thiện tại nước thứ 3.

bên, pháp luật Hoa Kỳ cho phép cơ quan điều tra được cân nhắc và quyết định việc áp dụng biện pháp PVTM có phù hợp để ngăn chặn hành vi lẩn tránh hay không.

Theo quy định pháp luật của DOC (Điều 19 CFR 351.225 (j)(1)), khi xem xét yếu tố chuyển đổi đáng kể, DOC đánh giá các yếu tố sau:

- Sản phẩm hạ nguồn có khác loại với sản phẩm thượng nguồn không?
- Đặc tính vật lý của sản phẩm (bao gồm đặc tính về hóa học, đặc tính về không gian, và kỹ thuật);
- Mục đích sử dụng cuối cùng của sản phẩm hạ nguồn;
- Chi phí sản xuất/giá trị gia tăng của việc gia công, sản xuất hàng hóa tại Việt Nam;
- Bản chất và độ phức tạp của quy trình sản xuất sản phẩm tại Việt Nam
- Mức độ đầu tư tại Việt Nam.³

Đối với trường hợp (iii), việc tạo ra những thay đổi không đáng kể đối với hàng hóa là đối tượng của biện pháp PVTM, bao gồm các thay đổi không đáng kể về hình dạng, kiểu dáng có thể bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, ngay cả khi hàng hóa sau khi thay đổi không có cùng phân loại thuế quan với hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM. Quy định này cũng áp dụng đối với trường hợp chế biến các sản phẩm nông nghiệp dạng thô ở mức độ không đáng kể. Đối với trường hợp này, cơ quan điều tra sẽ so sánh giữa hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM và hàng hóa được thay đổi về một số yếu tố bao gồm tính chất vật lý, kỳ vọng của người tiêu dùng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, kênh phân phối thương mại, cách thức quảng cáo và trưng bày; đồng thời xác định giá trị của sự thay đổi so với tổng giá trị của hàng hóa và khối lượng nhập khẩu hàng hóa được thay đổi qua từng thời điểm. Cơ quan điều tra cũng được quyền cân nhắc và quyết định việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh đối với hàng hóa bị thay đổi không đáng kể có cần thiết hay không.⁴

Đối với trường hợp (iv), việc phát triển phiên bản mới của hàng hóa sau khi cơ quan có

³ Xem vụ việc Oil Country Tubular Goods from the People's Republic of China: Final Affirmative Determinations of Circumvention, 86 FR 67443 (November 26, 2021).

⁴ Xem vụ việc Steel Concrete Reinforcing Bar from Mexico: Final Affirmative Determination of Circumvention of the Antidumping Duty Order, 85 FR 35065 (June 8, 2020).

thẩm quyền khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM với hàng hóa ban đầu có thể bị coi là hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM. Tương tự như trường hợp (iii), cơ quan điều tra sẽ so sánh một số yếu tố giữa phiên bản mới của hàng hóa và hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM như tính chất vật lý, kỳ vọng của người tiêu dùng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng,... Ngoài ra, cơ quan điều tra sẽ xem xét việc hàng hóa đó đã được trao đổi thương mại trên thị trường tại thời điểm khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp PVTM hay chưa. Một phiên bản mới của hàng hóa được phát triển sau vẫn có thể bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh dù (a) hàng hóa đó có phân loại thuế quan khác với phân loại được nêu trong đơn yêu cầu điều tra hoặc các thông báo của cơ quan điều tra trong quá trình điều tra hoặc (b) hàng hóa đó có bổ sung thêm các tính năng so với hàng hóa bị áp dụng biện pháp PVTM, trừ khi các tính năng bổ sung này là tính năng chính của hàng hóa và chiếm tỷ trọng đáng kể trong chi phí sản xuất hàng hóa⁵.

Hộp 1. Phân biệt chuyển tải – trốn thuế - lẩn tránh thuế

Cần lưu ý rằng **hoạt động chuyển tải** (transshipment) thông qua quốc gia thứ ba hoặc một số hành vi **trốn thuế** chống bán phá giá/chống trợ cấp (duty evasion) thông qua các hình thức như ghi sai nhãn, giả mạo hóa đơn và các chứng từ liên quan, gian lận xuất xứ không nằm trong phạm vi quy định về điều tra chống lẩn tránh do DOC tiến hành. Các hành vi này được điều chỉnh theo các quy định pháp luật khác của Hoa Kỳ, và thông thường do Cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới Hoa Kỳ (CBP) chịu trách nhiệm xử lý.

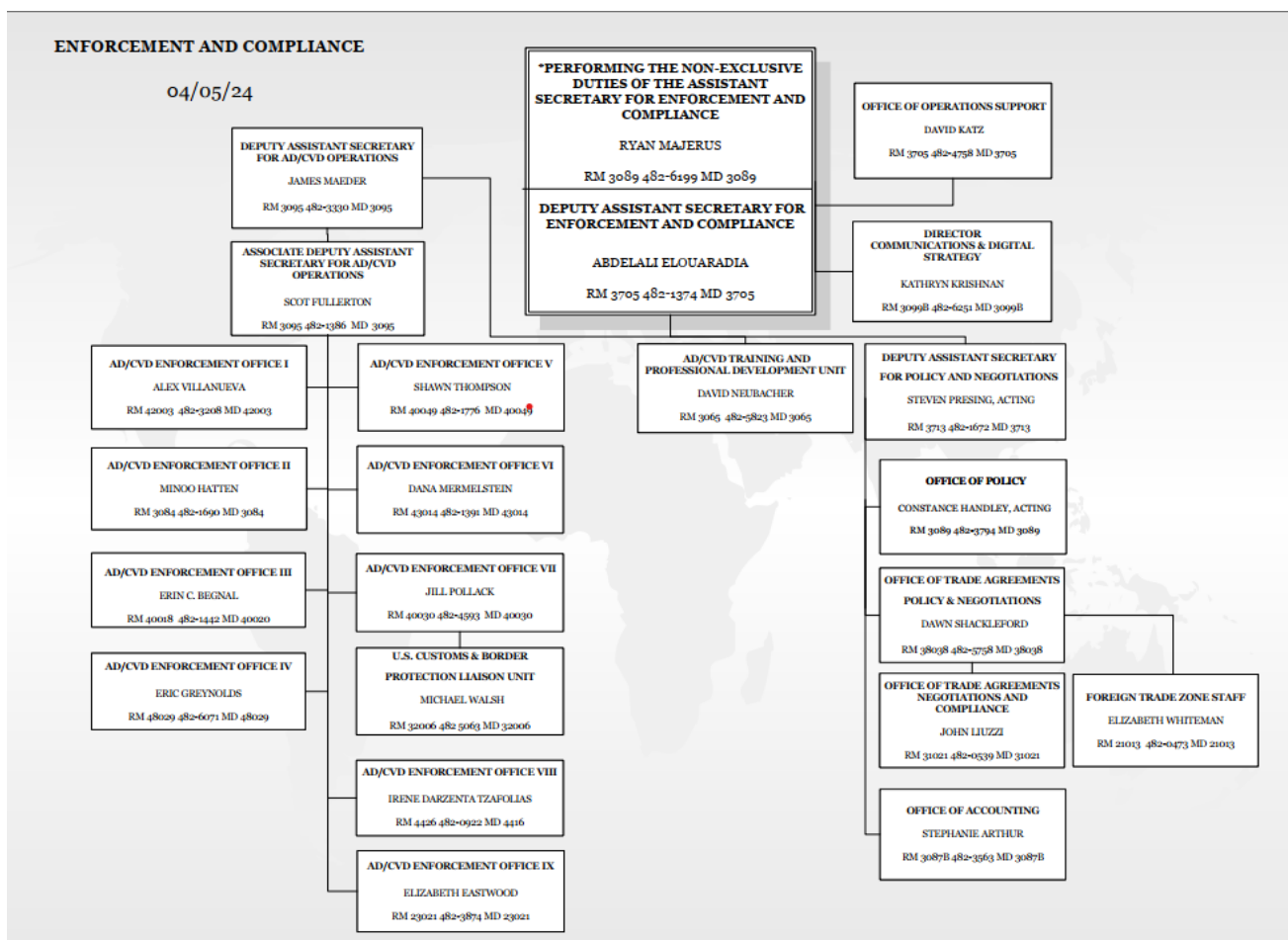
Phán quyết của DOC về hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM có thể có phạm vi điều chỉnh rộng hơn cách thức xác định xuất xứ hàng hóa của cơ quan hải quan Hoa Kỳ (CBP). Một sản phẩm có thể được CBP xác định là có xuất xứ từ một quốc gia không phải là đối tượng bị áp dụng biện pháp PVTM nhưng vẫn có thể bị DOC kết luận là đang lẩn tránh biện pháp PVTM.

⁵ Xem vụ việc Petroleum Wax Candles from the People's Republic of China: Affirmative Final Determination of Circumvention of the Antidumping Duty Order, 72 FR 31053 (June 5, 2007)

2.3. Cơ quan có thẩm quyền liên quan

Cơ quan có thẩm quyền điều tra các vụ việc chống lẩn tránh thuế là Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) và Ủy ban Thương mại quốc tế (USITC), trong đó DOC đóng vai trò chính trong khi USITC chỉ đưa ra ý kiến liên quan đến một số vấn đề. Tại DOC, đơn vị chịu trách nhiệm điều tra là Vụ Thực thi và Tuân thủ (Enforcement and Compliance- E&C) thuộc Tổng vụ Quản lý thương mại quốc tế. Trong đó cơ cấu tổ chức của Vụ Thực thi và Tuân thủ gồm Vụ trưởng (Assistant Secretary), 01 Phó Vụ trưởng thường trực, 01 Văn phòng hỗ trợ điều tra, 02 Phó Vụ trưởng phụ trách 2 lĩnh vực: (i) điều tra CBPG/CTC và (ii) chính sách, đàm phán. Tại mỗi lĩnh vực có các phòng chuyên môn khác nhau: (i) Lĩnh vực điều tra có 8 Phòng điều tra, 01 Phòng Đào tạo, 01 Phòng Quan hệ với hải quan; (ii) Lĩnh vực chính sách, đàm phán: 01 Phòng chính sách, 01 Phòng Chính sách và đàm phán hiệp định thương mại, 01 Phòng Đàm phán và tuân thủ hiệp định thương mại, 01 Phòng Kế toán.

Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Vụ Thực thi và Tuân thủ



(Nguồn: DOC)

2.4. Quy trình, thủ tục điều tra

Các quy định chi tiết về thủ tục điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM được chi tiết hóa tại Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. §351.226.

Một vụ việc điều tra PVTM nói chung và điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM nói riêng thường trải qua 03 giai đoạn chính, gồm: giai đoạn nhận đơn và khởi xướng điều tra vụ việc; giai đoạn ra kết luận sơ bộ; và giai đoạn ra kết luận cuối cùng. Sau khi ra kết luận cuối cùng, giai đoạn tiếp theo là giai đoạn thu thuế và các giai đoạn rà soát sau đó, gồm rà soát hành chính, rà soát nhanh, rà soát nhà xuất khẩu mới, và rà soát hoàng hôn.

Nội dung điều tra cụ thể của từng giai đoạn và các mốc thời gian, các đặc điểm cần lưu ý cho mỗi giai đoạn như sau:

2.4.1. *Giai đoạn nhận đơn và ra quyết định khởi xướng điều tra*

(i) Nhận đơn

Một cuộc điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM có thể được khởi xướng bởi chính DOC hoặc khởi xướng theo yêu cầu của một bên có liên quan, với điều kiện bên yêu cầu phải nộp đơn và cung cấp các thông tin về loại hàng hóa; nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan;⁶ mô tả và chứng cứ chứng minh hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, cũng như quan điểm của bên yêu cầu về việc cuộc điều tra có nên được tiến hành đối với tất cả các chủ thể trên lãnh thổ của quốc gia liên quan hay không.

Các thông tin mà DOC yêu cầu bên liên quan cung cấp nếu bên liên quan muốn đề nghị DOC khởi xướng một cuộc điều tra lẩn tránh bao gồm:⁷

- Các đặc tính hữu hình của sản phẩm;
- Quốc gia hoặc các quốc gia nơi sản phẩm được sản xuất và/hoặc xuất khẩu;
- Phân loại thuế quan của sản phẩm và các mục đích sử dụng của sản phẩm;

⁶ Theo Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (c), bên yêu cầu không nhất thiết phải liệt kê đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan đến hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM mà có thể cung cấp một số ví dụ trong trường hợp không thể xác định được đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu thuộc nhóm này.

⁷ Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (c)

- Tên, địa chỉ của các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm;
- Các thông tin bổ trợ như bản vẽ kỹ thuật, quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn, ảnh chụp, tài liệu marketing; và
- Các thông tin khác liên quan đến hành vi lẩn tránh bị cáo buộc và đề cập đến các yếu tố liên quan được liệt kê tại Điều 781 của Luật Thuế xuất nhập khẩu 1930 (chẳng hạn như giải thích về việc tại sao hoạt động hoàn thiện hoặc lắp ráp tại Hoa Kỳ hoặc một quốc gia thứ ba bị cáo buộc là nhỏ hoặc không đáng kể).

Tất cả các yêu cầu này dựa trên tiêu chuẩn “khả năng thu thập hợp lý” do trong thực tế khách quan, một số bên liên quan (chẳng hạn như các đối thủ cạnh tranh hoặc ngành sản xuất trong nước) sẽ không thể có đầy đủ thông tin về sản phẩm như thông tin mà doanh nghiệp sản xuất hoặc doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm đó có được.

Một đơn yêu cầu sẽ được xem xét trong thời hạn 30 ngày, và có thể gia hạn thêm 15 ngày theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Sau khi nhận được đơn yêu cầu đáp ứng đầy đủ các quy định về hình thức và nội dung, Bộ trưởng Bộ Thương mại sẽ quyết định và công bố khởi xướng điều tra.⁸

(ii) Khởi xướng điều tra và Bình luận về việc khởi xướng điều tra

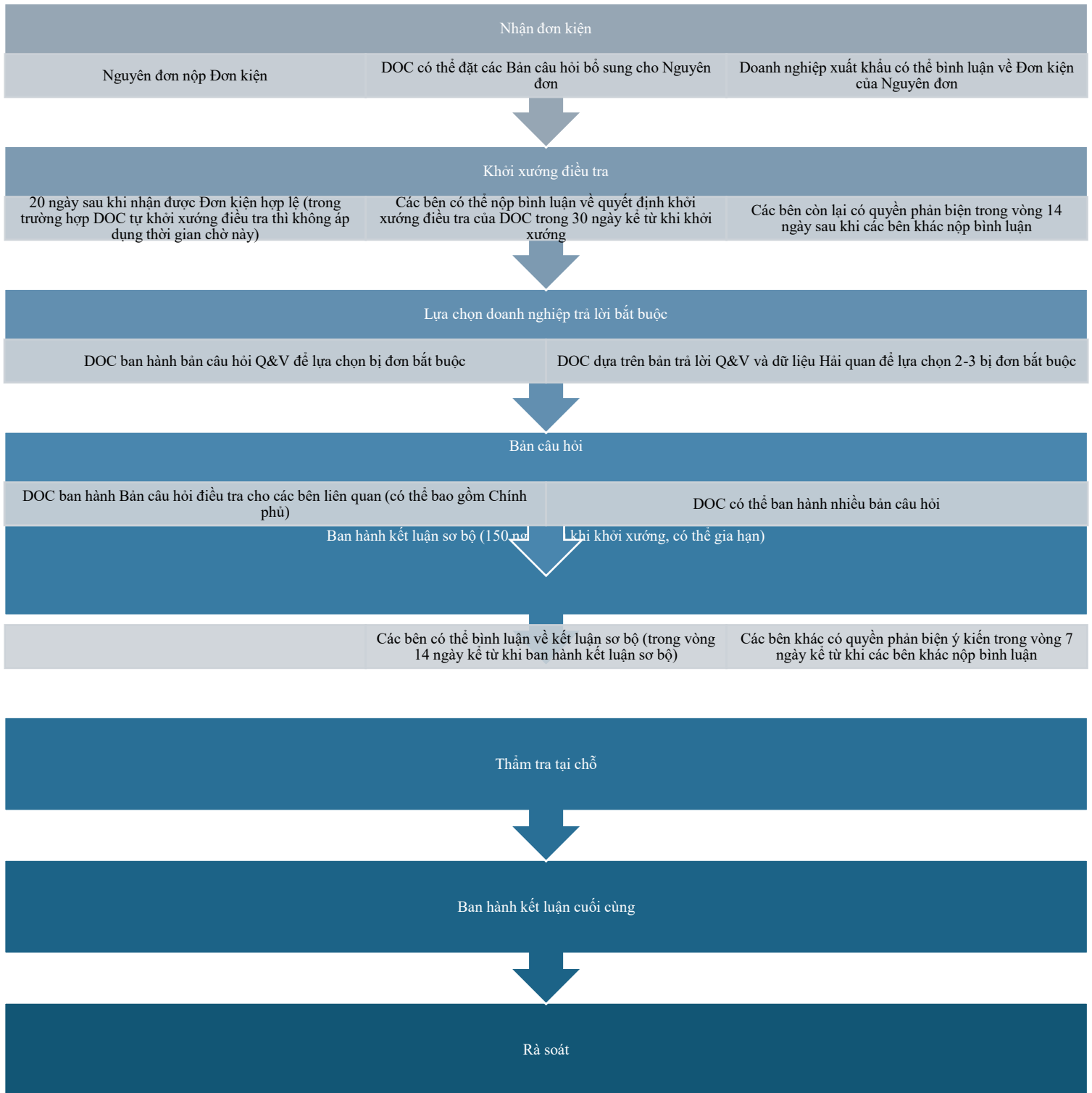
Trong vòng 30 ngày sau khi quyết định tự khởi xướng điều tra của DOC được công bố, các bên quan tâm có cơ hội để nộp *các bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế liên quan đến quyết định tự khởi xướng điều tra của DOC hoặc đề nghị điều tra lẩn tránh của bên yêu cầu điều tra.*

Đồng thời, trong vòng 14 ngày sau khi các bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế được nộp cho DOC, bất kỳ bên liên quan nào cũng có thể nộp *bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế mới để phân bác, làm rõ hoặc đính chính* thông tin thực tế mà các bên liên quan khác đã nộp.

2.4.2. Giai đoạn sau khi khởi xướng tới khi ra kết luận sơ bộ

⁸ Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. §351.226 (b), (d)

Hình 3. Một số mốc thời gian cần lưu ý



(Nguồn: tự tổng hợp)

Sau giai đoạn khởi xướng điều tra cho tới khi ra kết luận sơ bộ, vụ việc sẽ trải qua một số mốc thời gian đáng chú ý như sau:

(i) Lựa chọn bị đơn bắt buộc: nếu số lượng doanh nghiệp có liên quan của vụ việc lớn, DOC có quyền chỉ lựa chọn một số doanh nghiệp để điều tra. Việc lựa chọn này căn cứ trên thông tin số liệu nhập khẩu do Cơ quan Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ (CBP) cung cấp và dựa trên thông tin trả lời *Bản câu hỏi về lượng và giá trị xuất khẩu (Bản câu hỏi Q&V)* của các doanh nghiệp.

+ Sau khi khởi xướng điều tra, DOC sẽ ban hành Bản câu hỏi Q&V tới các doanh nghiệp bị nêu trên trong Đơn kiện (Known Exporters). Known Exporters là một danh sách các nhà xuất khẩu mà Bị đơn biết được và lập ra. Danh sách này có thể bao gồm cả những nhà xuất khẩu không liên quan tới vụ việc (*không xuất khẩu sản phẩm bị điều tra hoặc không xuất khẩu sản phẩm bị điều tra sang Hoa Kỳ trong giai đoạn điều tra*).

Doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các nội dung trong Đơn kiện và Thông báo khởi xướng điều tra của DOC, đặc biệt là các nội dung về phạm vi sản phẩm (*Scope of the Orders* hoặc *Merchandise subject to the Circumvention Inquiries*), để xác định liệu mình có liên quan tới vụ việc không?

+ Nếu có liên quan, doanh nghiệp cần chủ động theo dõi sát diễn biến của vụ việc; phối hợp và tham vấn hướng dẫn từ Hiệp hội VIFOREST và các cơ quan có liên quan của Chính phủ, đặc biệt là TRAV.

+ Nếu không liên quan, doanh nghiệp có thể gửi Thư tới DOC để thông báo và đề nghị DOC loại doanh nghiệp của mình ra khỏi phạm vi điều tra của vụ việc.

+ Theo thông lệ, DOC thường lựa chọn 2-3 nhà xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam làm bị đơn bắt buộc.

+ Doanh nghiệp được lựa chọn làm bị đơn bắt buộc có thể từ chối tham gia vụ việc.

Hình 4. Bản câu hỏi điều tra Q&V

Barcode: 4276411-01 A-570-106 CIRC - Anti-Circumvention for Duties on Wood Cabinets and Vanities and Components Thereof from the People's Republic of China

UNITED STATES DEPARTMENT OF COMMERCE
International Trade Administration
Washington, DC 20230

A-570-106, C-570-107
Scope Inquiries
From Vietnam
Public Document
E&C/OI: NC

August 19, 2022

MEMORANDUM TO: The File

FROM: Nicholas Czajkowski *NC*
International Trade Compliance Analyst
AD/CVD Operations, Office I

SUBJECT: Notification of Issuance of Quantity and Value Questionnaires to
Certain Vietnamese Companies

On March 25, 2022, the Department of Commerce (Commerce) initiated circumvention inquiries with respect to the antidumping and countervailing duty orders on wooden cabinets and vanities and components thereof (WCV) from the People's Republic of China (China).¹ As noted in the Initiation Notice, Commerce intends to base respondent selection on responses to quantity and value questionnaires. We selected the companies to which we issued the quantity and value questionnaire based on the U.S. Customs and Border Protection (CBP) entry data for U.S. imports of WCV from Vietnam based on the list of primary Harmonized Tariff Schedule of the United States (HTSUS) subheadings listed in the scope of WCV from China orders from April 1, 2019, through December 31, 2022.

Based on the above information, we issued quantity and value questionnaires to the following companies. For companies for which an entry of appearance has not been filed on the record of the circumvention inquiries, we transmitted the quantity and value questionnaire to the company by Federal Express. Where applicable, we relied upon the addresses provided by the petitioner (American Kitchen Cabinet Alliance (AKCA)) in its April 22, 2022, circumvention inquiry request.² Where an address was not provided by the petitioner, we used the address found in Appendix. Companies which filed an entry of appearance can access the quantity and value questionnaire in ACCESS.

¹ See Memorandum, "Wooden Cabinets and Vanities and Components Thereof from the People's Republic of China: Initiation of Circumvention Inquiries on the Antidumping Duty and Countervailing Duty Orders" dated June 6, 2022.
² See AKCA Letter "Wooden Cabinets and Vanities and Components Thereof from the People's Republic of China - Scope Ruling Application and Request for Circumvention Inquiry Concerning Imports of Wooden Cabinets and Vanities and Components Thereof from Vietnam", dated April 22, 2022.

Filed By: Nicholas Czajkowski, Filed Date: 8/19/22 4:34 PM, Submission Status: Approved

(ii) Bản câu hỏi điều tra:

- Sau khi lựa chọn bị đơn bắt buộc của vụ việc, DOC sẽ ban hành các Bản câu hỏi điều tra cho các doanh nghiệp này. Lưu ý các bản câu hỏi này có thể không chỉ giới hạn ở 01 bản, mà có thể có nhiều bản câu hỏi bổ sung khác nhau.

Nội dung các bản hỏi sẽ nhằm làm rõ các yếu tố liên quan đến hành vi lẩn tránh thuế bị cáo buộc của doanh nghiệp. Ví dụ các câu hỏi về quy trình sản xuất của doanh nghiệp, các báo cáo về nguyên vật liệu đầu vào, công suất, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, v.v.

Khi trả lời bản câu hỏi của Hoa Kỳ, doanh nghiệp cần lưu ý đảm bảo tất cả các nội dung khai báo trung thực, phù hợp, và có các giấy tờ chứng minh. Ngoài ra, cần tuân thủ đúng các cách thức trình bày, biểu mẫu theo quy định của DOC.

- Nếu DOC ban hành các bản câu hỏi và nhận được các bản trả lời, các bên liên quan có 14 ngày sau khi bản trả lời được nộp để nộp bình luận/ý kiến và các thông tin thực tế nhằm phản bác, làm rõ hoặc đính chính các thông tin thực tế trong bản trả lời. Sau đó, bên nộp bản trả lời có 7 ngày để nộp bình luận/ý kiến và thông tin thực tế nhằm phản bác, làm rõ hoặc đính chính đối với ý kiến của các bên liên quan khác đối với bản trả lời của mình.

Trong trường hợp cuộc điều tra lần tránh liên quan đến một nền kinh tế phi thị trường, các bên liên quan cần nộp đề xuất về trị giá thay thế. Thông thường việc này được thực hiện sau khi các bản trả lời câu hỏi ban đầu đã được nộp.

- Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thể áp dụng nguyên tắc phân tích thông tin được quy định tại Điều 776 Luật Thuế xuất nhập khẩu 1930. Theo nguyên tắc này, cơ quan điều tra sẽ chỉ phân tích dựa trên các nguồn thông tin khác có thể tiếp cận được trong trường hợp (i) cơ quan điều tra không được cung cấp, tiếp cận trực tiếp các thông tin cần thiết trong quá trình điều tra hoặc (ii) một chủ thể bất kỳ thực hiện một trong các hành vi (a) cố ý không cung cấp thông tin mà cơ quan điều tra yêu cầu; (b) không cung cấp thông tin trong thời hạn, hình thức, cách thức mà cơ quan điều tra yêu cầu; (c) cản trở nghiêm trọng quá trình điều tra hoặc (d) cung cấp thông tin nhưng thông tin này không thể được kiểm chứng.⁹ Bên cạnh đó, khi một chủ thể được yêu cầu cung cấp thông tin không hợp tác bằng việc “hành động trong khả năng cao nhất”, cơ quan điều tra sẽ phân tích dựa trên các nguồn thông tin khác có thể tiếp cận được theo hướng bất lợi đối với chủ thể này. Cụ thể, cơ quan điều tra có thể dựa vào (i) thông tin cung cấp bởi nguyên đơn; (ii) thông tin liên quan đến kết luận cuối cùng đối với vụ việc điều tra gốc với nước mà Hoa Kỳ đang cáo buộc sản phẩm gỗ nhập khẩu từ Việt Nam lần tránh thuế PVTM áp dụng với nước đó; (iii) thông tin từ các cuộc rà soát trước đây; (iv) bất kỳ thông tin nào được ghi nhận trong quá trình điều tra nhằm đưa ra quyết định áp dụng bất lợi đối với chủ thể không hợp tác.¹⁰

- Ngoài doanh nghiệp, Hoa Kỳ có thể ban hành các Bản câu hỏi cho Chính phủ Việt

⁹ Phần 19 Bộ luật Liên bang Hoa Kỳ U.S.C. 1677e (a)

¹⁰ Phần 19 Bộ luật Liên bang Hoa Kỳ U.S.C. 1677e (b)

Nam để thu thập thêm thông tin. Trong vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế với gỗ dán, DOC đã ban hành bản câu hỏi dành cho Chính phủ.

(iii) Kết luận sơ bộ:

Theo quy định, Hoa Kỳ ra kết luận sơ bộ trong vòng 150 ngày kể từ ngày khởi xướng. Kết luận sơ bộ có thể theo hướng khẳng định (affirmative), phủ định (negative), hoặc chỉ xác định một phần.

Ví dụ trong vụ việc Hoa Kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế với gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam do cáo buộc lẩn tránh thuế CBPG/CTC Trung Quốc, trong số 05 trường hợp lẩn tránh mà DOC cáo buộc, DOC sơ bộ kết luận chỉ có 02 trong số 05 trường hợp là có hành vi lẩn tránh thuế. Cụ thể, DOC đã kết luận gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ bị áp dụng thuế CBPG và CTC như đang áp dụng với gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc. Gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc sản xuất tại Việt Nam hoặc tại các nước khác không bị áp dụng thuế CBPG và CTC.

Căn cứ kết luận sơ bộ này, DOC sẽ đề nghị CBP tiếp tục dừng thanh khoản và yêu cầu nhà nhập khẩu nộp tiền đặt cọc bằng mức thuế chống lẩn tránh tạm tính đối với các lô hàng nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ.

Tại giai đoạn này, DOC và CBP có thể cho phép các nhà xuất khẩu Việt Nam cũng như các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ tham gia cơ chế tự xác nhận để được loại trừ khỏi biện pháp lẩn tránh. Cơ chế tự xác nhận này sẽ không áp dụng đối với các doanh nghiệp mà DOC đánh giá là không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của DOC trong quá trình điều tra.

(iv) Bình luận về Kết luận sơ bộ

Khi công bố kết luận sơ bộ, cơ quan điều tra cũng sẽ công bố trình tự thủ tục cụ thể để các bên quan tâm nộp tài liệu trình bày ý kiến về kết luận sơ bộ. Sau khi DOC ban hành Kết luận sơ bộ, các bên liên quan có 14 ngày để nộp *các bình luận/ý kiến đối với kết luận* và có 7 ngày tiếp theo để *nộp bình luận/ý kiến đối với ý kiến đối với kết luận mà các bên liên quan khác đã nộp*. Cần lưu ý rằng nếu DOC không có quyết định khác, *các thông tin*

thực tế được cung cấp thêm trong giai đoạn này sẽ không được xem xét.¹¹

(v) Bản Tóm tắt vụ việc (Case Brief)

Sau khi DOC ban hành Kết luận sơ bộ của vụ việc, các bên liên quan có quyền nộp Bản tóm tắt vụ việc. Lưu ý bản tóm tắt này nhằm mục đích trình bày tất cả các lập luận mà người gửi cho rằng có liên quan đến quyết định cuối cùng hoặc kết quả cuối cùng của Bộ trưởng, bao gồm mọi lập luận được đưa ra trước ngày công bố quyết định sơ bộ hoặc kết quả sơ bộ. Là một phần của bản tóm tắt vụ việc, các bên được khuyến khích cung cấp bản tóm tắt các lập luận không quá năm trang và một bảng quy chế, quy định và các trường hợp được trích dẫn. Thời hạn để nộp Case Brief thường trong vòng 50 ngày kể từ khi thông báo kết luận sơ bộ.

Sau khi các bên nộp Bản tóm tắt vụ việc, các bên khác có quyền phản biện trong vòng 05 ngày.

2.4.3. Giai đoạn sau khi ra kết luận sơ bộ tới khi ra kết luận cuối cùng

Sau khi ban hành Kết luận sơ bộ, DOC có thể tiến hành thẩm tra tại chỗ trước khi ban hành Kết luận cuối cùng.

(i) Thẩm tra tại chỗ:

Thẩm tra tại chỗ là hoạt động bắt buộc mà DOC sẽ tiến hành trong quá trình điều tra nhằm xác minh tính chính xác, đầy đủ và phù hợp của các thông tin mà phía Việt Nam cung cấp cho DOC. Trên cơ sở báo cáo thẩm tra tại chỗ, DOC sẽ đưa ra kết luận có chấp thuận hay không chấp thuận những thông tin mà các bên đã cung cấp.

Trong trường hợp DOC kết luận phía Việt Nam không cung cấp thông tin chính xác, che giấu thông tin, có sự mâu thuẫn với thông tin đã cung cấp và/hoặc không hợp tác đầy đủ trong quá trình thẩm tra, DOC sẽ không chấp thuận những thông tin Việt Nam đã cung cấp, sử dụng các “dữ liệu sẵn có bất lợi” và thường đẩy biên độ trợ cấp cuối cùng lên rất cao.

Quy trình thẩm tra tại chỗ thông thường như sau:

+ DOC thông báo và thống nhất lịch thẩm tra dự kiến với các doanh nghiệp có liên

¹¹ Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (f) (4), (5)

quan;

- + DOC ban hành nội dung và lịch trình thẩm tra chi tiết;

- + DOC tiến hành thẩm tra tại chỗ.

- + DOC ban hành Báo cáo thẩm tra. Các bên tham gia thẩm tra có quyền bình luận về nội dung báo cáo này;

- + Ngoài ra, trong một số trường hợp, DOC có thể ban hành bản câu hỏi đề nghị cung cấp bổ sung một số thông tin phát sinh trong quá trình thẩm tra.

Một số lưu ý trong quá trình thẩm tra như sau:

- Trước khi buổi thẩm tra đầu tiên bắt đầu, DOC sẽ cho phép sửa đổi thông tin trong trường hợp các bên pháp hiện sai lệch so với thông tin đã nộp.

- Trong quá trình thẩm tra nếu DOC phát hiện các sai lệch so với thông tin và tài liệu đã nộp, trường hợp xấu nhất là DOC sẽ bác bỏ toàn bộ thông tin đã nộp và áp dụng tình tiết bất lợi sẵn có (AFA), trừ khi các sai lệch được báo với DOC trước buổi thẩm tra như đã nêu ở trên.

- DOC yêu cầu người tham gia thẩm tra là cán bộ phụ trách và nắm rõ thông tin liên quan đến vụ việc điều tra.

- Các tài liệu mà DOC yêu cầu trong Đề cương thẩm tra cần phải được chuẩn bị đầy đủ trước thẩm tra. Thông thường DOC yêu cầu 03 bản copy của mỗi tài liệu.

- Trong quá trình thẩm tra, cán bộ được hỏi cần nhớ các nội dung mà Chính phủ đã nộp cho DOC và cần trả lời thống nhất với thông tin đã nộp. Trường hợp DOC hỏi ngoài nội dung đã nộp, cán bộ phụ trách có thể trả lời DOC là thông tin này tôi cần xem xét lại và sẽ trả lời DOC sau. Sau đó, cán bộ phụ trách có thể trao đổi lại với luật sư về câu trả lời.

(ii) Ban hành kết luận cuối cùng

Kết luận cuối cùng sẽ được đưa ra trong thời hạn 300 ngày, có thể được gia hạn thêm tối đa 65 ngày, nếu DOC xác định rằng vụ việc “hết sức phức tạp”, kể từ ngày khởi xướng điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM. Trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, DOC có nghĩa vụ thông báo với Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC) và tham gia tham vấn khi có yêu cầu của USITC. Việc tham vấn được tiến hành nhằm đảm bảo kết luận cuối cùng về hành vi lẩn tránh của DOC phù hợp với những kết luận của USITC về thiệt hại của

ngành sản xuất trong nước được sử dụng làm cơ sở để áp dụng biện pháp PVTM.¹²

- Nếu DOC xác định việc thực hiện là hợp lý, DOC có thể điều chỉnh thời hạn của cuộc điều tra lẫn tránh cho khớp với thời hạn của các cuộc điều tra khác đang được tiến hành (chẳng hạn như điều tra rà soát hành chính hàng năm) để thời hạn của các cuộc điều tra rà soát cũng áp dụng với cuộc điều tra lẫn tránh thay vì các thời hạn được quy định như trên.

2.4.4. Giai đoạn sau khi ra kết luận cuối cùng

- Sau khi DOC ban hành kết luận cuối cùng, DOC sẽ thông báo tới CBP về kết luận cuối cùng và hướng dẫn CBP cách thu thuế và tiến hành thanh khoản với gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

- Trong đó, có lưu ý về Cơ chế tự xác nhận. Hướng dẫn cụ thể được nêu tại Phần 3.6.

- Nếu các bên không đồng ý với kết luận của DOC, có thể xem xét khởi kiện ra các cơ chế khác, như Tòa thương mại quốc tế CIT hoặc WTO.

2.4.5. Rà soát Lệnh áp thuế

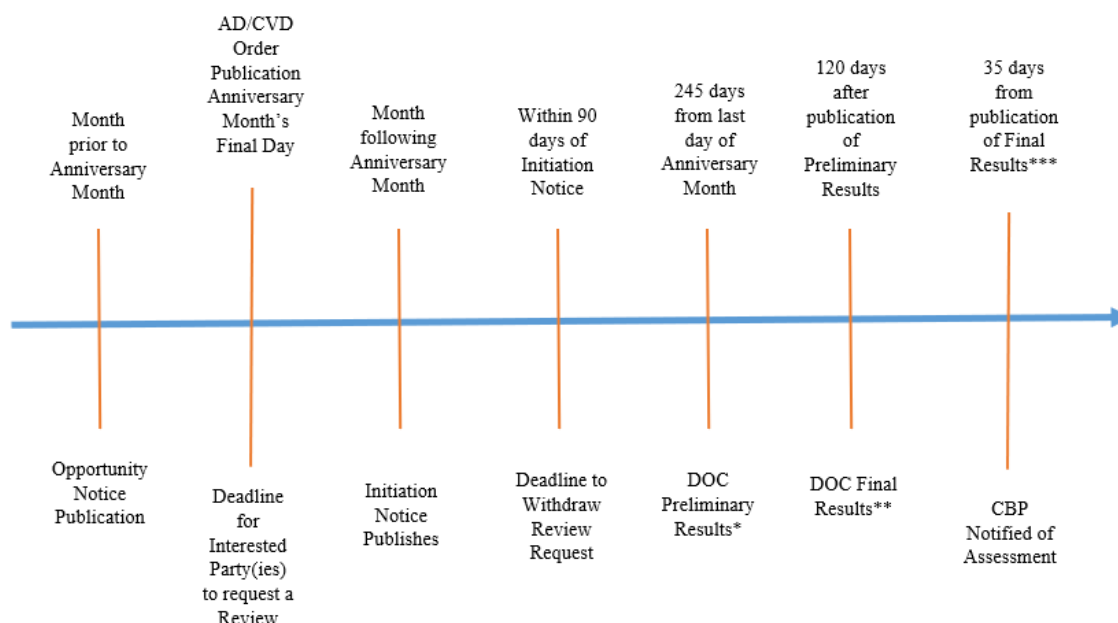
Vì biện pháp chống lẫn tránh thuế là biện pháp mở rộng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đang áp dụng, nên việc rà soát lệnh áp thuế chống lẫn tránh sẽ được lồng ghép vào rà soát hành chính với lệnh áp thuế gốc. Do đó, quy trình thủ tục sẽ tương tự như rà soát thông thường với lệnh áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp.

Về cơ bản, cơ hội để thay đổi mức thuế của doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào rà soát hành chính.

Thủ tục rà soát hành chính gần giống với điều tra ban đầu về phá giá. Rà soát hành chính chỉ là điều tra về biên độ phá giá, không bao gồm điều tra về thiệt hại như trong điều tra ban đầu.

¹² Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (e) (2), (g) (2)

Hình 2. Quy trình rà soát hành chính thuế CBPG/CTC của Hoa Kỳ



(Nguồn: DOC)

Việc rà soát hành chính được tiến hành trên thực tế như sau:

- Thời điểm:

Rà soát hành chính được tiến hành vào tháng tròn từng năm áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

- Điều kiện:

Rà soát hành chính chỉ được DOC thực hiện khi có yêu cầu rà soát của một trong các bên của vụ điều tra ban đầu. Đây được xem như một hình thức “hạn chế” việc rà soát hành chính (so với quy định rà soát tự động trước đây). Nếu không có bên nào yêu cầu rà soát, DOC sẽ sử dụng mức thuế tạm thời đã tính trước đó làm mức thuế chính thức cho năm liên quan, và sử dụng mức thuế này làm mức thuế tạm thời cho năm kế tiếp. Trên thực tế, bên nguyên đơn thường yêu cầu rà soát hành chính.

- Thời hạn:

Rà soát hành chính thường được thực hiện trong khoảng 1 năm kể từ ngày có quyết định tiến hành rà soát. Trên thực tế DOC thường chậm trễ trong việc rà soát, có những rà soát kéo dài cả vài năm (trong thời gian đó doanh nghiệp phải nộp thuế tạm thời theo mức

thuế được xác định trong đợt điều tra/rà soát liền trước đó). Rất may là gần đây những rà soát của DOC đã được thực hiện nhanh hơn;

- Thủ tục:

Về nguyên tắc, việc rà soát được thực hiện như thủ tục điều tra phá giá ban đầu. Trên thực tế thủ tục này thường ít được lưu ý, và do đó không chặt chẽ như thủ tục điều tra ban đầu. Gần đây các rà soát của DOC đã chặt chẽ hơn về thủ tục so với trước đây;

- Phương pháp:

DOC sử dụng các phương pháp xác định biên độ phá giá như trong điều tra ban đầu với một số khác biệt nhỏ liên quan đến phương pháp so sánh, zeroing và ghép mẫu (Xem Hộp 2 dưới đây);

- Khả năng thoát khỏi vụ điều tra:

Theo quy định của Hoa Kỳ, doanh nghiệp nào đạt được biên độ phá giá/trợ cấp tối thiểu (chú ý là biên độ tối thiểu trong rà soát lại là 0,5% - so với 2% của điều tra ban đầu) trong 3 lần rà soát hành chính liên tiếp thì sẽ được “thoát” hoàn toàn khỏi thuế này. Tuy nhiên, trên thực tế, không dễ đạt được điều kiện này (bởi nguyên đơn và cơ quan điều tra có nhiều cách để khiến doanh nghiệp không thể đáp ứng điều kiện này).

Hộp 2. Những khác biệt về phương pháp trong rà soát hành chính so với điều tra phá giá trong vụ điều tra ban đầu

- Phương pháp so sánh

Khi tính toán mức phá giá, DOC tiến hành so sánh giá thông thường bình quân gia quyền với giá xuất khẩu của từng giao dịch (trong khi trong điều tra gốc DOC có thể lựa chọn một trong ba phương pháp so sánh).

- Phương pháp zeroing

Sau khi bị phán quyết vi phạm Hiệp định chống bán phá giá của WTO trong một số vụ tranh chấp, Hoa Kỳ đã phải chấp nhận bỏ phương pháp zeroing trong điều tra gốc. Tuy nhiên, Hoa Kỳ vẫn duy trì phương pháp này trong điều tra rà soát hành chính.

- Phương pháp ghép mẫu

DOC vẫn sử dụng phương pháp ghép mẫu CONNUM trong điều tra rà soát hành chính như trong điều tra gốc. Tuy nhiên, khác với điều tra gốc (không có quy định gì về thời điểm của các lô hàng có sản phẩm ghép mẫu), trong điều tra rà soát hành chính, DOC chỉ thực hiện việc ghép mẫu trong 3 tháng liền trước và 3 tháng liền sau giao dịch được xem xét.

Lưu ý đối với doanh nghiệp

Như đã trình bày, mục tiêu của rà soát hành chính là xác định biên độ phá giá trong năm liên quan, từ đó xác định mức thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp chính thức của năm đó cho các nhà xuất khẩu liên quan. Phương pháp tính thuế “hồi tố” này của Hoa Kỳ dựa trên logic rằng mức thuế trong lệnh áp thuế chỉ dựa trên biên độ phá giá được xác định cho giai đoạn điều tra, tức là thời gian trước khi có đơn kiện; vì vậy chúng chỉ có thể là căn cứ tạm thời để thu thuế chống bán phá giá; còn mức thuế thực phải được xác định dựa trên biên độ phá giá của chính giai đoạn sau khi áp thuế. Đây có vẻ là một logic đúng, tuy nhiên nó lại gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu bởi:

- Doanh nghiệp không thể chắc chắn về mức thuế mà hàng hóa của mình phải chịu, và do đó sẽ rất khó để xác định một chiến lược cạnh tranh, đặc biệt là chiến lược về giá dài hơi và ổn định;

- Quá trình rà soát hành chính được thực hiện trong thời gian tương đối dài (ít nhất là 1 năm), vì vậy doanh nghiệp xuất khẩu có thể luôn bị đặt trong tình thế phải tham gia liên tiếp các cuộc rà soát giá gói đầu từ năm này qua năm khác.

Đây là một trong nhiều lý do khiến các vụ điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp trở thành gánh nặng lớn và lâu dài đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, ngay cả khi quá trình điều tra ban đầu đã kết thúc và lệnh áp thuế đã có hiệu lực. Doanh nghiệp nếu được lựa chọn làm bị đơn bắt buộc trong các cuộc rà soát hành chính cần tham gia với luật sư và tất cả những lưu ý như đối với cuộc điều tra ban đầu mới hy vọng có thể giảm thiểu thiệt hại (với mức thuế thấp nhất có thể).

Ngoài ra, doanh nghiệp cần đặc biệt chú ý đến khả năng có thể thoát hoàn toàn khỏi thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp liên quan nếu đạt được biên độ không đáng kể trong 3 lần rà soát hành chính liên tiếp. Khả năng này tuy không lớn nhưng lợi ích nếu đạt được rất ý nghĩa đối với doanh nghiệp nên doanh nghiệp cần chú ý để có chiến lược

phù hợp.

2.5. Biện pháp áp dụng

2.5.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Phạm vi áp dụng biện pháp

- Biện pháp có thể áp dụng trên cơ sở doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp sản xuất hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của các phương thức này, hoặc
- Biện pháp có thể được áp dụng cho toàn bộ các lô hàng nhập khẩu sản phẩm bị điều tra từ một quốc gia (không phân biệt doanh nghiệp).

DOC quyết định phương thức áp dụng biện pháp tùy từng trường hợp cụ thể, áp dụng “biện pháp phù hợp để xử lý hành vi lẩn tránh và để ngăn ngừa việc trốn tránh biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp”.

2.5.2. Hình thức áp dụng

Các biện pháp triển khai sau khi vụ việc điều tra chống lẩn tránh được khởi xướng, sau khi DOC ra kết luận sơ bộ và sau khi DOC ra kết luận cuối cùng như sau:¹³

- Khi DOC khởi xướng điều tra lẩn tránh, chưa có bất kỳ thay đổi nào (nhập khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp thuế vẫn tiếp tục phải nộp tiền ký quỹ, nhập khẩu hàng hóa không phải là đối tượng bị áp thuế không phải nộp tiền ký quỹ).
- Khi DOC ban hành kết luận sơ bộ (hoặc kết luận cuối cùng) xác định có hành vi lẩn tránh, đối với nhập khẩu hàng hóa được xác định là lẩn tránh nhưng chưa phải là đối tượng bị áp thuế trước khi có quyết định sơ bộ, DOC sẽ yêu cầu cơ quan hải quan bắt đầu thu thuế theo mức tiền ký quỹ áp dụng tại thời điểm hoặc sau thời điểm khởi xướng điều tra.

Nếu các bên liên quan đề nghị và cung cấp chứng cứ rằng cơ quan hải quan cần bắt đầu thu thuế tại một thời điểm khác sớm hơn, DOC dựa trên các dữ liệu trong hồ sơ có thể quyết định bắt đầu thu thuế đối với các lô hàng đã nhập khẩu tại thời điểm sớm hơn.

Nếu DOC xác định rằng không có hành vi lẩn tránh, thuế sẽ không áp dụng đối với

¹³ Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (l)

hàng hóa bị điều tra.

DOC sẽ không yêu cầu cơ quan hải quan áp thuế đối với những lô hàng nhập khẩu chưa phải nộp tiền ký quỹ trước ngày 4 tháng 11 năm 2021 (ngày quy định mới của Hoa Kỳ có hiệu lực).

2.5.3. Cơ chế tự xác nhận

Trong các vụ việc điều tra lẫn tránh, DOC có thể sử dụng cơ chế tự xác nhận dành cho doanh nghiệp nhập khẩu và doanh nghiệp xuất khẩu để xác nhận rằng họ không nhập khẩu/xuất khẩu hàng hóa là đối tượng điều tra lẫn tránh hoặc là đối tượng thuộc phạm vi áp thuế lẫn tránh vào Hoa Kỳ.

Ví dụ, DOC xác định thép các-bon chống ăn mòn (CORE) nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ, được sản xuất từ nguyên liệu thép cán nóng (HRS) có nguồn gốc Trung Quốc, thuộc phạm vi lệnh áp thuế CBPG/CTC mà Hoa Kỳ đang áp với thép HRS Trung Quốc. Trong trường hợp này, nếu các doanh nghiệp xuất khẩu thép Việt Nam không sử dụng HRS Trung Quốc có thể nộp giấy tự xác nhận theo mẫu cho DOC dành cho nhà xuất khẩu (Exporter Certificate - xem *Phụ lục 1*) (trong đó nêu rõ sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ không sử dụng HRS Trung Quốc) để được loại trừ khỏi phạm vi áp thuế. Nhà nhập khẩu Hoa Kỳ cũng có thể nộp giấy xác nhận theo mẫu của DOC dành cho nhà nhập khẩu (Importer Certificate – xem *Phụ lục 2*). Doanh nghiệp cần lưu giữ đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng minh cho chứng nhận nêu trên trong ít nhất 05 năm, để cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ có thể xác minh khi cần thiết.

Cần lưu ý rằng tùy thuộc vào dữ liệu của vụ việc, một số doanh nghiệp có thể không được phép sử dụng cơ chế tự xác nhận này. Chẳng hạn như trong vụ việc Hoa Kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế với gỗ dán dưới đây, một số doanh nghiệp nhận được bản câu hỏi của DOC nhưng đã quyết định không trả lời các bản câu hỏi này (và không tham gia cung cấp thông tin trong quá trình điều tra lẫn tránh). DOC đã kết luận các doanh nghiệp này không hợp tác và không cho phép các doanh nghiệp này tham gia cơ chế tự xác nhận.

2.6. Các vụ việc điển hình

2.6.1. Vụ việc Hoa Kỳ điều tra chống lẫn tránh thuế với sản phẩm gỗ dán (Hardwood Plywood) nhập khẩu từ Việt Nam

2.6.1.1. Giai đoạn nhận đơn và khởi xướng điều tra

- Ngày 25/02/2020, Nguyên đơn (Liên minh thương mại công bằng gỗ dán cứng Hoa Kỳ) nộp Đơn đề nghị điều tra mở rộng phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC với gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam.

Gỗ dán sử dụng nguyên liệu gỗ cứng là sản phẩm được làm từ các lớp gỗ ván bóc gắn với nhau bằng keo, sau đó được phủ một hoặc hai lớp ván gỗ cứng ở bề mặt.

Theo đó, Nguyên đơn cáo buộc:

(i) gỗ dán cứng nhập khẩu từ Việt Nam có sử dụng nguyên liệu chính là gỗ cứng có nhập khẩu từ Trung Quốc, sau đó lắp ráp, hoàn thiện ở Việt Nam rồi xuất khẩu đi Hoa Kỳ. Do đó, gỗ dán cứng nhập khẩu từ Việt Nam mà có sử dụng các thành phần gỗ cứng được sản xuất tại Trung Quốc (*như veneer mặt, veneer mặt sau, và/hoặc veneer lõi hoặc veneer được lắp ráp*) cũng coi như là có xuất xứ Trung Quốc và cũng thuộc phạm vi Lệnh áp thuế CBPG/CTC mà Hoa Kỳ đang áp dụng với gỗ cứng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Trước đó, ngày 04/01/2018, DOC ban hành lệnh áp thuế PVTM với gỗ dán sử dụng nguyên liệu từ gỗ cứng nhập khẩu từ Trung Quốc. Theo đó, DOC ban hành lệnh áp thuế CBPG và chống trợ cấp CTC lên các sản phẩm gỗ dán (chủ yếu thuộc nhóm mã HS 4412) có xuất xứ Trung Quốc với mức thuế CBPG là 183,36% và thuế CTC từ 22,98% đến 194,90% (các doanh nghiệp Trung Quốc không hợp tác bị áp thuế 194,90%, các doanh nghiệp còn lại bị áp thuế 22,98%).

(ii) Ngoài ra, Nguyên đơn cáo buộc việc gỗ dán cứng nhập khẩu từ Việt Nam có sử dụng thành phần Trung Quốc như đã nêu ở trên được coi là thuộc hành vi lẩn tránh thuế “lắp ráp hoặc hoàn thiện hàng hóa tại một quốc gia khác không phải là đối tượng bị áp thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp”, và do đó đang lẩn tránh Lệnh áp thuế CBPG/CTC mà Hoa Kỳ đang áp dụng với gỗ cứng nhập khẩu từ Trung Quốc.

Cục PVTM - Bộ Công Thương đã tiến hành trao đổi, thảo luận, tư vấn, hướng dẫn cho các doanh nghiệp và các Hiệp hội liên quan về quy trình, thủ tục điều tra của Hoa Kỳ để các doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hồ sơ và bản trả lời câu hỏi của Cơ quan điều tra Hoa Kỳ. Cục PVTM cũng trao đổi chính thức với phía Hoa Kỳ cả ở cấp kỹ thuật và cấp cao về việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc rà soát, theo dõi và trao đổi thông tin về các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra PVTM, bao gồm cả điều tra chống lẩn tránh, chuyển tải bất hợp pháp.

- Ngày 04/3/2020, DOC thông báo thời hạn để các bên bình luận về Đơn kiện của Nguyên đơn là 10/3/2020. Thời hạn để các bên phản biện là 16/3/2020.

- Ngày 14/4/2020, DOC gia hạn thời gian ra quyết định khởi xướng thêm 45 ngày đến ngày 02/6/2020 do vụ việc có tính chất phức tạp.

- Ngày 04/6/2020, DOC tiếp tục gia hạn lần 2 thời gian ra quyết định khởi xướng thêm 07 ngày đến ngày 09/6/2020.

- Ngày 11/6/2020, DOC đã chính thức khởi xướng điều tra vụ việc. Theo đó, sản phẩm gỗ dán bị điều tra gồm gỗ dán hoàn thiện tại Việt Nam, nhưng có sử dụng:

+ Ván bề mặt, ván mặt sau và thành phần lõi lắp ráp được sản xuất tại Trung Quốc;

+ Ván bề mặt, ván mặt sau và thành phần lõi riêng được sản xuất tại Trung Quốc;

+ Ván lõi được lắp ráp hoàn toàn được sản xuất tại Trung Quốc kết hợp với ván bề mặt và/hoặc ván mặt sau sản xuất tại Việt Nam hoặc nước thứ ba;

+ Ván lõi dán nhiều lớp, được sản xuất tại Trung Quốc nhưng được hoàn thiện tại Việt Nam để sản xuất ván lõi mỏng và kết hợp với ván mặt trước và/hoặc ván mặt sau được sản xuất tại Trung Quốc, Việt Nam hoặc nước thứ ba;

+ Ván lõi được sản xuất tại Trung Quốc, gia công thành ván lõi nền tại Việt Nam và kết hợp với ván mặt trước và/hoặc ván mặt sau được sản xuất tại Việt Nam hoặc nước thứ ba khác.

- Giai đoạn điều tra: từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2020.

- Theo thống kê của Hải quan Hoa Kỳ, sau khi sản phẩm gỗ dán cứng của Trung Quốc bị áp thuế, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc giảm đi nhanh chóng, từ khoảng 800 triệu USD năm 2018 xuống còn khoảng 300 triệu USD năm 2019.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hoa Kỳ liên tục tăng từ 112,3 triệu USD năm 2018 lên 226,4 triệu USD năm 2019; 248,5 triệu USD năm 2020 và 356,7 triệu USD năm 2021. So với năm trước khi khởi xướng điều tra (2019), kim ngạch xuất khẩu gỗ dán sử dụng nguyên liệu gỗ cứng của Việt Nam sang Hoa Kỳ năm 2021 đã tăng 57,6%.

Trong giai đoạn 12 tháng từ tháng 4/2021 đến tháng 3/2022, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 662 triệu USD, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước. Thị phần của Việt Nam có xu hướng tăng. Kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 27% tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ.

- Ngày 10/9/2020, DOC đã ban hành Bản câu hỏi về lượng và giá trị (Q&V) dành cho

các nhà sản xuất/xuất khẩu của Việt Nam. Thời hạn trả lời là 24/9/2020. Nội dung của Bản câu hỏi Q&V đúng như tên gọi, chủ yếu làm rõ về lượng và giá trị xuất khẩu sản phẩm điều tra của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong giai đoạn điều tra.

- Ngày 22/02/2021, DOC đã ban hành Bản câu hỏi điều tra dành cho Chính phủ Việt Nam. Thời hạn trả lời là 15/3/2021, sau đó đã được gia hạn tới 05/4/2021 trên cơ sở đề nghị của Chính phủ Việt Nam. Nội dung bản câu hỏi tập trung vào một số thông tin về cách thức Hải quan Việt Nam kiểm soát, xác minh về việc các doanh nghiệp gỗ Việt Nam có nhập khẩu gỗ dán từ Trung Quốc không? Cách Hải quan Việt Nam phân luồng xanh, vàng, đỏ cho các doanh nghiệp gỗ; số liệu nhập khẩu gỗ dán và các thành phần bị cáo buộc từ Trung Quốc. Các hoạt động mà Chính phủ đã triển khai nhằm ngăn chặn và kiểm soát chuyển tải (transshipment) hàng hóa là đối tượng lệnh áp thuế CBPG/CTC với gỗ dán Trung Quốc.

2.6.1.2. Kết luận sơ bộ

- Ngày 30/8/2021, DOC ban hành kết luận sơ bộ về phạm vi sản phẩm trong vụ việc. Theo đó, DOC kết luận rằng gỗ dán nhập khẩu từ Việt Nam, mà có sử dụng ván bóc 2 lớp nhập khẩu từ Trung Quốc, cũng được coi là có xuất xứ Trung Quốc và thuộc phạm vi Lệnh áp thuế CBPG/CTC mà Hoa Kỳ đang áp dụng với Trung Quốc.

- Ngày 25/7/2022, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã công bố kết luận sơ bộ về điều tra chống lẩn tránh của vụ việc.

Kết luận sơ bộ của DOC cho rằng, gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ bị áp dụng thuế CBPG và CTC như đang áp dụng với gỗ dán nhập khẩu từ Trung Quốc. Gỗ dán từ Việt Nam nếu có lỗi sử dụng nguyên liệu là ván bóc sản xuất tại Việt Nam hoặc tại các nước khác không bị áp dụng thuế CBPG và CTC.

Căn cứ kết luận sơ bộ này, DOC sẽ đề nghị CBP tiếp tục dừng thanh khoản và yêu cầu nhà nhập khẩu nộp tiền đặt cọc bằng mức thuế chống lẩn tránh tạm tính đối với các lô hàng nhập khẩu từ Việt Nam vào Hoa Kỳ kể từ ngày 17/6/2020 (ngày thông báo khởi xướng điều tra) đối với các trường hợp là đối tượng bị áp dụng biện pháp.

DOC cho phép các nhà xuất khẩu Việt Nam cũng như các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ tham gia cơ chế tự xác nhận để được loại trừ khỏi biện pháp lẩn tránh. Cơ chế tự xác nhận này sẽ không áp dụng đối với các doanh nghiệp mà DOC đánh giá là không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của DOC trong quá trình

điều tra. Theo tính toán, số lượng các doanh nghiệp được tham gia tự chứng nhận chiếm khoảng 80% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn điều tra.

Ngay khi DOC ban hành kết luận sơ bộ, Bộ Công Thương đã làm việc với Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam và các doanh nghiệp không được DOC cho phép tham gia cơ chế tự chứng nhận để tìm hiểu nguyên nhân và gửi thư cho DOC để bày tỏ quan điểm về vụ việc; đề nghị DOC xem xét cho các doanh nghiệp này có cơ hội được cung cấp thông tin giải trình, tiến hành thẩm tra xác minh tại Việt Nam và tổ chức phiên điều trần.

Theo quy định, DOC cho phép các bên được bình luận về Kết luận sơ bộ.

2.6.1.3. Kết luận cuối cùng

Ngày 18/7/2023, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ban hành quyết định cuối cùng trong vụ việc điều tra lẩn tránh thuế với sản phẩm gỗ dán từ Việt Nam. Kết luận cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ được ban hành sau gần 1 năm trên cơ sở kết luận sơ bộ vào tháng 7/2022.

Như vậy, gộp chung cả 02 vụ việc điều tra phạm vi sản phẩm và điều tra lẩn tránh thuế thì DOC đã mở rộng phạm vi áp thuế với cả 5 trường hợp gỗ dán của Việt Nam sử dụng nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc (theo quyết định sơ bộ, chỉ có hai trường hợp bị kết luận lẩn tránh thuế). Trên cơ sở bình luận của các bên liên quan, DOC đã sửa đổi kết luận sơ bộ đối với hai doanh nghiệp của Việt Nam là công ty Greatwall Hung Yen và An An.

Theo đó, DOC chấp nhận thông tin trong các bản trả lời của hai doanh nghiệp này, đồng thời cho phép áp dụng cơ chế tự chứng nhận để tiếp tục xuất khẩu đối với các sản phẩm không nằm trong phạm vi áp thuế.

Theo kết luận cuối cùng có 37 doanh nghiệp không đủ điều kiện tham gia chương trình tự chứng nhận của DOC, do không hợp tác hay đáp ứng các yêu cầu của DOC trong việc cung cấp thông tin, tài liệu kiểm chứng theo mẫu và thời hạn quy định.

Trên cơ sở kết luận cuối cùng, DOC sẽ thông báo tới Cơ quan Hải quan và Biên phòng Mỹ (CBP) để tiếp tục áp thuế chống lẩn tránh với mức tương đương với mức đang áp cho mặt hàng này nhập khẩu từ Trung Quốc, gồm thuế chống bán phá giá 183% và thuế chống trợ cấp 23%.

- Mặc dù các cơ quan Chính phủ trong nước và Cơ quan ngoại giao đại diện tại Mỹ đã nỗ lực hỗ trợ và sự tích cực tham gia của các doanh nghiệp xuất khẩu có liên quan của Việt Nam nhưng DOC vẫn bảo lưu quan điểm tồn tại hành vi lẩn tránh thuế trong kết luận cuối cùng.

- Thêm vào đó, DOC đã mở rộng các trường hợp bị coi là lẩn tránh. Điều này rất bất lợi đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam khi sản phẩm gỗ dán sẽ bị áp thuế rất cao và hạn chế khả năng tiếp tục xuất khẩu.

2.6.1.4. Một vài điểm cần lưu ý trong quá trình xử lý vụ việc

(i) Thời gian điều tra:

- Mặc dù Hoa Kỳ đã ban hành quy định mới về điều tra chống lẩn tránh thuế, theo đó, DOC phải ra kết luận cuối cùng trong vòng 300 ngày, có thể gia hạn tới 365 ngày kể từ ngày khởi xướng¹⁴, nhưng vụ việc gỗ dán đã kéo dài tới 3 năm, tức là hơn 1000 ngày. Trong đó Hoa Kỳ đã nhiều lần gia hạn ban hành Kết luận cuối cùng. Vụ việc cũng thu hút sự bình luận, ý kiến của nhiều bên có liên quan. Điều này cho thấy sự phức tạp của vụ việc cũng như xung đột lợi ích đáng kể giữa các bên liên quan của vụ việc.

(ii) Vấn đề thẩm tra tại chỗ:

Thẩm tra tại chỗ đóng vai trò cực kỳ quan trọng, ảnh hưởng tới kết quả cuối cùng của vụ việc.

- Trong quá trình thẩm tra vụ việc, nhiều doanh nghiệp cho thấy có vấn đề trong việc lưu trữ chứng từ, sổ sách, dẫn tới bị nhận kết quả thẩm tra bất lợi, ảnh hưởng tới toàn bộ vụ việc.

(iii) Hợp tác trong quá trình điều tra

Trong Kết luận cuối cùng, DOC xác nhận có 37 doanh nghiệp không đủ điều kiện tham gia chương trình tự chứng nhận của DOC, do không hợp tác (24 công ty) hay đáp ứng các yêu cầu của DOC trong việc cung cấp thông tin, tài liệu kiểm chứng theo mẫu và thời hạn quy định (13 công ty).

Do đó vấn đề hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Một khi doanh nghiệp xác định tham gia vụ việc thì phải tham gia đầy đủ tất cả các giai đoạn.

2.6.2. Vụ việc Hoa Kỳ điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam

¹⁴ Xem Mục 2.1. Chương I. Thị trường Hoa Kỳ

2.6.2.1. Giai đoạn nhận hồ sơ và khởi xướng điều tra

Tháng 4 năm 2020, Nguyên đơn là Liên minh tủ bếp Hoa Kỳ (American Kitchen Cabinet Alliance) đại diện cho một số doanh nghiệp sản xuất tủ gỗ bao gồm cả tủ bếp và tủ nhà tắm của Hoa Kỳ đã nộp Đơn đề nghị điều tra mở rộng phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam. Các sản phẩm bị cáo buộc là tủ gỗ (tủ bếp và tủ nhà tắm) có mã HS 9403.40.9060, 9403.60.8081, 8403.90.7080.

Đối với điều tra xem xét phạm vi sản phẩm, đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ tách riêng điều tra xem xét phạm vi sản phẩm với Việt Nam. Theo đó, DOC sẽ xem xét tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam và Ma-lai-xi-a vào Hoa Kỳ sử dụng các bộ phận nhập khẩu từ Trung Quốc có thuộc phạm vi áp dụng của lệnh áp thuế PVTM mà Hoa Kỳ đang áp dụng với Trung Quốc không.

Đối với điều tra chống lẩn tránh thuế, Hoa Kỳ cho rằng sản phẩm tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam lẩn tránh thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp mà Hoa Kỳ đang áp dụng với Trung Quốc, thông qua việc nhập khẩu các nguyên liệu, thành phần từ Trung Quốc, sau đó lắp ráp, gia công đơn giản tại Việt Nam, rồi xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

Vụ việc bắt nguồn từ tháng 4 năm 2020. Theo đó, tại thời điểm này, Hoa Kỳ đã ra quyết định ban hành lệnh áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp với cùng loại sản phẩm trên có xuất xứ từ Trung Quốc với mức thuế chống bán phá giá là từ 4,37% đến 262,18%, mức thuế chống trợ cấp là từ 13,33% đến 293,45%.

Theo dữ liệu sơ bộ từ Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (USITC), trong năm 2021, giá trị xuất khẩu sản phẩm bị đề nghị điều tra của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt khoảng 2,7 tỷ USD.

Ngược lại, trong giai đoạn 2019-2021, sau khi Hoa Kỳ áp thuế với Trung Quốc, số liệu nhập khẩu sản phẩm bị đề nghị điều tra từ Trung Quốc vào Hoa Kỳ giảm 54% (từ 2,5 xuống còn 1,6 tỷ USD), trong khi đó số liệu xuất khẩu từ Việt Nam sang Hoa Kỳ lại tăng tới hơn 130% (từ 1,37 lên 2,7 tỷ USD).

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hoa Kỳ năm 2021 ước tính đạt 8,8 tỷ USD, tăng 22,4% so với năm 2020. Đồ nội thất bằng gỗ là mặt hàng xuất khẩu chính với tỷ trọng chiếm 87,6% tổng kim ngạch cả năm, tiếp theo là mặt hàng đồ nội thất phòng khách, phòng ăn và đồ nội thất phòng ngủ.

- Tháng 5 năm 2022 và tháng 6 năm 2022, Hoa Kỳ lần lượt khởi xướng điều tra xem xét phạm vi sản phẩm và điều tra chống lẩn tránh thuế PVTM với tủ gỗ nhập khẩu từ Việt Nam.

- Trong thông báo khởi xướng điều tra xem xét phạm vi sản phẩm, DOC nêu rõ:

“DOC yêu cầu các bên có liên quan bình luận về quy trình sản xuất sản phẩm bị điều tra mà Nguyên đơn mô tả trong Đơn kiện. Các bên có liên quan có thể cung cấp thông tin về quy trình sản xuất sản phẩm thực tế diễn ra tại Việt Nam và cung cấp các thông tin liên quan đến các yếu tố mà DOC thường sử dụng để đánh giá về chuyển đổi đáng kể”.

Thời hạn bình luận 30 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra (dự kiến 23/6/2022, theo giờ Hoa Kỳ).

2.6.2.2 Giai đoạn ra kết luận sơ bộ

- Ngày 17/3/2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ban hành kết luận sơ bộ về điều tra xem xét phạm vi sản phẩm với tủ bếp và bàn trang điểm nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo đó, Chỉ kịch bản 1: “**các sản phẩm hoàn thiện là cửa, khung và mặt hộp/ngăn kéo sản xuất tại Trung Quốc, được kết hợp với thùng tủ và hộp ngăn kéo tháo rời được triển khai làm và hoàn thiện ở Việt Nam**” (*Finished wooden doors, drawer faces, and frames produced in China are combined in Vietnam with wooden cabinet boxes and drawer boxes started and finished in Vietnam*) thuộc phạm vi áp thuế của Lệnh áp thuế gốc.

Kịch bản 2¹⁵ và 3¹⁶, DOC cho rằng chưa có đủ thông tin để ra kết luận.

¹⁵ Sản phẩm có cửa, mặt hộp và khung gỗ là bán thành phẩm được sản xuất tại Trung Quốc, sau đó tiếp tục gia công tại Việt Nam và được kết hợp với hộp ván tủ và hộp hộp kéo sản xuất ở Việt Nam (*Semifinished wooden doors, drawers faces, and frames produced in China are further processed in Vietnam and then combined in Vietnam with wooden cabinet boxes and drawer boxes produced in Vietnam*);

¹⁶ Sản phẩm có các chi tiết bán thành phẩm của cửa, mặt hộp và khung gỗ (bao gồm đai, trụ, ván) được sản xuất tại Trung Quốc, sau đó tiếp tục gia công tại Việt Nam và được kết hợp với hộp ván tủ và hộp hộp kéo sản xuất ở Việt Nam (*Semifinished parts of wooden cabinet and vanity doors, drawers faces, and frames (including the rails, stiles and panels) are produced in China and are further processed in Vietnam and then combined in Vietnam with wooden cabinet boxes and drawer boxes produced in Vietnam*)

Kịch bản 4¹⁷ không thuộc phạm vi áp thuế.

- DOC gia hạn thời gian ra kết luận cuối cùng về phạm vi sản phẩm tới ngày 16/4/2024, kết luận sơ bộ về chống lẫn tránh tới ngày 28/6/2024 và kết luận cuối cùng về điều tra chống lẫn tránh tới ngày 26/9/2024.

2.6.2.3. Một vài điểm cần lưu ý trong quá trình xử lý vụ việc

(i) Thời gian điều tra:

- Tương tự như vụ việc với gỗ dán, vụ việc với tủ gỗ cũng là một vụ việc có thời gian điều tra kéo dài. Tuy vụ gỗ dán được khởi xướng điều tra khi Hoa Kỳ chưa sửa đổi quy định pháp luật, nên có thể lý giải là theo quy định pháp luật cũ không có giới hạn thời gian điều tra tối đa với vụ việc điều tra chống lẫn tránh. Tuy nhiên, với vụ việc tủ gỗ, được khởi xướng khi Hoa Kỳ đã sửa đổi quy định pháp luật, nên việc Hoa Kỳ kéo dài thời gian điều tra tới gần 02 năm cũng là vấn đề cần lưu ý. Có thể đây là một chiến lược để có thể “bảo hộ” ngành sản xuất gỗ của Hoa Kỳ.

(ii) Hợp tác trong quá trình điều tra

- Rút kinh nghiệm từ vụ việc với gỗ dán, các doanh nghiệp gỗ của Việt Nam đã thận trọng hơn trong việc tham gia vụ việc. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu bình luận về phạm vi sản phẩm, có nhiều doanh nghiệp còn khá lúng túng, trả lời chưa đầy đủ hoặc trả lời chưa đúng với biểu mẫu quy định của Hoa Kỳ, dẫn tới bản trả lời hoặc bản bình luận bị từ chối.

¹⁷ Ván đá chân được sản xuất tại Trung Quốc, và được kết hợp tại Việt Nam với các cấu phần cần thiết khác để tạo thành một tủ hoàn chỉnh tại Việt Nam (*finished wooden toe kicks produced in China are combined in Vietnam with all other components necessary to build a complete wooden cabinet that are started and finished in Vietnam*).

3. Hướng dẫn thu thập thông tin và giải trình

3.1. Hướng dẫn tờ khai theo Lacey Act

Luật Lacey yêu cầu các nhà nhập khẩu cung cấp hồ sơ khai báo thông tin cơ bản kèm theo từng chuyến hàng vận chuyển gỗ hoặc các sản phẩm gỗ. Mục đích của việc khai báo này nhằm tăng tính minh bạch về gỗ và loài cây thương mại để Chính phủ Mỹ có thể thực thi luật tốt hơn. Nội dung khai báo cần bao gồm các nội dung sau đây:

1. tên khoa học của các loại gỗ cấu thành trong sản phẩm,
2. tên quốc gia nơi gỗ được khai thác,
3. số lượng và,
4. giá trị.

Yêu cầu khai báo có áp dụng đối với tất cả các sản phẩm gỗ không?

Không. Thứ nhất, Luật có các điều khoản đặc biệt đối với các sản phẩm phức tạp mà thường sử dụng nguyên liệu từ nhiều quốc gia hoặc nhiều loài cây. Trong trường hợp không có nguồn thông tin về quốc gia hoặc loài cây cụ thể, Luật cho phép khai báo danh mục các loài cây gỗ và/hoặc nước tiềm năng (phải bao gồm cả tên quốc gia có nguồn gốc gỗ) là nơi xuất xứ của nguồn gốc gỗ.

Thứ hai, không cần khai báo tên loài cây hoặc nguồn gốc nguyên liệu tái chế đối với các sản phẩm giấy được sản xuất từ nguyên liệu sợi tái chế. Tuy nhiên, các nhà nhập khẩu phải cung cấp thông tin về tỷ lệ % trung bình của hàm lượng tái chế cũng như các loài cây và nguồn gốc nguyên liệu gỗ không thuộc thành phần tái chế có trong sản phẩm.

Cuối cùng, các nhà nhập khẩu không cần khai báo nguyên liệu đóng gói được chế biến từ gỗ như bìa các tông hoặc bìa ép rơm trừ khi sản phẩm đóng gói là hàng hóa nhập khẩu chính. Sau 2 năm triển khai, chính phủ cần rà soát lại việc thực hiện các yêu cầu khai báo và tác động của việc loại trừ nguyên liệu đóng gói. Trên cơ sở kết quả rà soát này, chính phủ có thể ban hành các quy định điều chỉnh phạm vi áp dụng của 3 hình thức này.

APHIS

Cơ quan Kiểm tra Sức khỏe Động thực vật (APHIS) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ đã thành lập Cơ quan đăng ký các bên liên quan APHIS để cảnh báo các bên liên quan quan

tâm nhận được thông báo tự động rằng APHIS đã cập nhật về nhiều chủ đề khác nhau, bao gồm Đạo luật Lacey và tờ khai nhập khẩu của đạo luật này (Mẫu PPQ 505) yêu cầu. Thông báo tự động sẽ bao gồm một liên kết đưa người đăng ký đến trang web APHIS để tìm hiểu thêm về thay đổi cụ thể. APHIS duy trì thông tin này để giúp tạo thuận lợi cho thương mại.

Làm cách nào để đăng ký? Để đăng ký Cơ quan đăng ký bên liên quan của APHIS, những người đăng ký mới sẽ nhập email của họ và thiết lập mật khẩu. Sau khi đăng ký, để nhận thông báo cụ thể về Đạo luật Lacey, hãy chọn các tùy chọn sau trên trang Đăng ký bên liên quan của APHIS:

Plant Health Information ➡ Importation into the US ➡ Entry Requirements Including Permit ➡ Lacey Act ➡ Submit để tự động nhận bản cập nhật khi APHIS có thông tin mới muốn chia sẻ.

APHIS đang lên kế hoạch cho giai đoạn yêu cầu khai báo nhập khẩu mới nhất: Giai đoạn VII. Trong giai đoạn này, các tờ khai theo Đạo luật Lacey sẽ được yêu cầu đối với tất cả các mã Biểu thuế quan hài hòa (HTS) sản phẩm thực vật còn lại không phải là vật liệu tổng hợp 100%. Điều đó có nghĩa là một loạt sản phẩm nhập khẩu—chẳng hạn như đồ nội thất, tinh dầu bổ sung và nút chai—giờ đây sẽ yêu cầu phải khai báo theo Đạo luật Lacey.

Các thông tin nhận được sau khi đăng ký? Bằng cách đăng ký Cơ quan đăng ký bên liên quan của APHIS, người đăng ký sẽ tự động nhận được thông báo ngay khi Giai đoạn VII được công bố và ngày thực hiện khi yêu cầu khai báo đối với các sản phẩm này sẽ có hiệu lực để nhà nhập khẩu có thời gian chuẩn bị. Điều quan trọng là phải biết chuỗi cung ứng cho từng loại nguyên liệu thực vật trong sản phẩm vì một sản phẩm nhập khẩu có thể bao gồm nhiều loài thực vật khác nhau. Ví dụ, đồ nội thất có thể bao gồm nhiều loại gỗ khảm, do đó, điều quan trọng là phải trao đổi với nhà cung cấp để có được thông tin về gỗ/gỗ (tên khoa học cho từng loại gỗ trong sản phẩm) và nơi khai thác gỗ đó.

Để xem các yêu cầu khai báo nhập khẩu theo Đạo luật Lacey hiện tại theo Biểu thuế quan hài hòa (HTS, xem trang APHIS Lacey Act homepage: [Lacey Act | Animal and Plant Health Inspection Service \(usda.gov\)](#)).

3.2. Hướng dẫn sử dụng hệ thống ACCESS

Access Account là tài khoản cho phép người dùng truy cập vào hệ thống thông tin điện tử của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (Department of Commerce - DOC) để nộp và theo dõi thông

tin về vụ điều tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và chống lẫn tránh biện pháp PVTM mà DOC tiến hành.

Việc đăng ký tài khoản và truy cập vào hệ thống ACCESS giúp các bên liên quan: (i) kịp thời cập nhật các thông tin, thông báo của Bộ Thương mại Hoa Kỳ liên quan tới vụ việc; (ii) nộp các bản bình luận, bản trả lời câu hỏi, bản phản biện online, thay vì phải in tài liệu ra giấy hoặc in ra đĩa CD để nộp; (iii) theo dõi phản hồi của các bên khác về vụ việc.

Có hai loại tài khoản ACCESS:

(i) Tài khoản khách (Guest): chỉ dùng để truy cập và tiếp nhận thông tin từ DOC nhưng không thể nộp tài liệu.

(ii) Tài khoản E-filer: không những cho phép người dùng truy cập và tiếp nhận thông tin mà còn cho phép trực tiếp nộp tài liệu có liên quan tới các vụ việc mà DOC đang tiến hành.

3.2.1. Hướng dẫn đăng ký tài khoản khách (Guest account)

Mở trang thông tin của DOC tại <http://access.trade.gov/>

Bước 1: Click chuột vào Guest Registration bên trái của trang web

The screenshot shows the official website of the International Trade Administration (ITA). The top navigation bar includes links for 'For U.S. Businesses', 'For International Businesses', 'About ITA', and 'Contact Us'. A search bar is located on the right. Below the navigation bar, there are several menu items: 'Export Solutions', 'Research Center', 'Regulations & Agreements', 'Resolve a Trade Problem', 'Attend an Event', 'News & Highlights', and 'Let Our Experts Help'. On the left side, there is a 'Login' section with a red box around the 'Guest Registration' link, which is also marked with a red '1'. The main content area features a 'Welcome to ACCESS!' message and a 'New: Instructions for Requesting an Extension of Time' notification. Below this, there is an 'ACCESS Login' form with fields for username and password, a 'I'm not a robot' checkbox, and an 'Alternate Security Code' link. There are also buttons for 'Login', 'Reset', and 'Forgot Password'. On the right side, there are 'Announcements' and 'Help' sections.

Hình 5. Giao diện trang web đăng ký tài khoản Guest

Bước 2: Cửa sổ “Terms of Use” mở ra, người đăng ký click chọn accept để chấp nhận điều khoản sử dụng

Official Website of the International Trade Administration Here's how you know

INTERNATIONAL TRADE ADMINISTRATION

For U.S. Businesses For International Businesses About ITA Contact Us

Search Trade.gov

Export Solutions Research Center Regulations & Agreements Resolve a Trade Problem Attend an Event News & Highlights Let Our Experts Help

ACCESS - Terms of Use Agreement

Please read the following Terms of Use Agreement and click Accept to create a new ACCESS account or to log into ACCESS.

The Department of Commerce/Enforcement and Compliance (E&C) requires all users to register a valid username and password to access the Antidumping (AD) and Countervailing Duty (CVD) Centralized Electronic Service System (ACCESS). Two types of user accounts are available: E-Filed and Guest User. Both E-Filed and Guest Users will be able to view and download public documents and public versions filed in ACCESS. However, only registered E-Filed users will be able to electronically file documents and receive email notifications of documents released by the Department in segments for which the E-Filed participates as, or on behalf of, an Interested Party.

At the time of registration the E-Filed is asked to provide basic information, including name, firm and/or organization, affiliation, email address, and other identifying information. A Guest User must provide his/her name, email address and telephone number.

Registered E-Filed may electronically file documents (including both Business Proprietary and Public) via ACCESS for inclusion in AD/CVD Cases. The ACCESS Cover Sheet and Separator Sheets (as applicable) will be required for each individual manual submission that the registered E-Filed intends to file. E-Filed who file documents electronically will receive an automated notice of receipt upon completion of a valid submission.

E-Filed must comply with the standard rules and exceptions for electronic filing and paper filing contained in the Handbook on Electronic Filing Procedures and 19 CFR Part 351. These requirements include but are not limited to the following: documents must be filed by the registered E-Filed whose name appears on the signature line(s) of the document or the responsible attorney whose name appears on the document, the timeliness of all filings and their accuracy is the sole responsibility of the E-Filed, and, the E-Filed is responsible for preserving business proprietary information (BPI). In addition, all E-Filed must comply with any additional requirements pertaining to any Administrative Protective Order (APO) issued during the course of an AD/CVD Case.

Information which is classified or not specifically declassified by the United States Government, such as Wikileaks information, may not be submitted to ACCESS under any circumstances. Users must first contact the case analyst to receive a waiver from electronic submission and arrange to submit any classified information by paper only. To protect ACCESS from the submission of such information, all electronically filed documents must be fully text searchable, using a method such as Optical Character Recognition (OCR). Documents that are submitted without being fully text searchable are subject to rejection by the Department.

Users are required to report any unauthorized release of sensitive or protected material such as BPI to the APO Unit (202-482-3354). Any user who fails to comply with the conditions set forth in this document may be denied right of use to the ACCESS system depending on the nature, severity, frequency, and mitigating circumstances of the user's actions. In addition, separate sanctions may be imposed for instances of misconduct and the release of protected information as set forth under the Department rules, 19 CFR Part 351, and any other applicable federal laws or regulations.

Do you have a question for the ACCESS Help Desk? Please call 202-482-3150 or email ACCESS@TRADE.GOV for assistance.

Updated Nov 14, 2019

2

Accept Decline

Hình 6. Điều khoản sử dụng

Bước 3:

Official Website of the International Trade Administration Here's how you know

INTERNATIONAL TRADE ADMINISTRATION

For U.S. Businesses For International Businesses About ITA Contact Us

Export Solutions Research Center Regulations & Agreements Resolve a Trade Problem Attend an Event News & Highlights Let Our Experts Help

Guest User Registration

* Full Name

* Phone

* Username

* Password

* Confirm Password

* Security Code

I'm not a robot

6 Submit Reset Cancel

Hình 7. Giao diện điền thông tin

Trong cửa sổ đăng ký, người dùng điền các thông tin theo yêu cầu, bao gồm: 1- Họ tên người đăng ký; 2- Số điện thoại; 3- Điền địa chỉ email sẽ sử dụng để đăng nhập vào ô Username; 4- Nhập mật khẩu vào ô password và mật khẩu tương tự vào ô confirm password; 5- Tick chọn vào ô I am not a robot và 6- Click chọn vào nút Submit để nộp đăng ký.



access@trade.gov
Đến: cuocnhanhien...@yahoo.com

Th 3, 31 thg 5 lúc 11:35 ☆

Thank you for registering in ACCESS. This email is confirmation of receipt of your registration application. Please click on the activation link below to activate your account. Once activated, you can login to ACCESS System to view Public Documents and Public Versions. Please review the information below for accuracy. If the information is incorrect please contact the ACCESS Help Desk at access@trade.gov immediately.

ACCESS Guest User Registration Information

Full Name: Tuan Thanh G...

Phone: 0000 177 170

Username: cuocnhanhien...@yahoo.com

Please click on the link to activate your guest account
<https://access.trade.gov/validateguestuser.aspx?code=LuiVWU2zC2CVaRDVpVn>

Thank You!

ACCESS HELP DESK
14th Street and Constitution Ave., NW
Washington, DC 20230
Phone: (202) 482-3150
Email: ACCESS@TRADE.GOV
Hours of Operation
Monday – Friday 8:00 a.m. – 5:00 p.m. EST

Hình 8. Thư xác nhận của DOC

Sau khi nộp thành công, DOC sẽ gửi vào email thư xác nhận đã đăng ký. Tài khoản có thể sử dụng ngay sau khi người đăng ký nhận được email xác nhận.

3.2.2. Hướng dẫn đăng ký tài khoản bên liên quan nộp tài liệu (E-Filer Account)

Tài khoản E-filer là tài khoản cho phép người dùng có thể gửi phản hồi cho DOC thông qua việc tải và nộp các file mềm định dạng PDF. Tài khoản E-filer rất phù hợp dành cho các bên liên quan, bao gồm các doanh nghiệp, Hiệp hội, các cơ quan có liên quan khác, muốn tham gia vào quá trình điều tra vụ việc thông qua việc gửi các thông tin, văn bản tới DOC. Các doanh nghiệp bị điều tra và Hiệp hội ngành hàng có liên quan được khuyến khích đăng ký các tài khoản này.

Doanh nghiệp có thể thực hiện các bước sau để đăng ký tài khoản:

Bước 1: Click chuột vào E-filer Registration bên trái của trang web như hình dưới đây



- Login
- Guest Registration
- E-File Registration**
- FR Notices
- FR Notices (Till June 2021)
- AD/CVD Search
- Help

New: Instructions for Requesting an Extension of Time
Appointments Needed for APO/Dockets and CRU Visits

Welcome to ACCESS!

ACCESS Login

I'm not a robot

[Alternate Security Code](#)

[Accept Terms & Conditions \(Updated Nov 14, 2019\)](#)

Login
Reset
Forgot Password

ACCESS is the repository for all documents filed in an AD/CVD proceeding conducted by the U.S. Department of Commerce, Enforcement and Compliance. ACCESS provides the capability for registered E-Fileers to submit documents to the record of an AD/CVD proceeding, search for and view all Public Documents and Public Versions. Authorized E-Fileers may also access Business Proprietary Documents released by Enforcement and Compliance, as appropriate. Registered Guest Users may search for and view Public Documents and Public Versions. Use the registration links in the left navigation bar to register for an account.

If you are having difficulty with your ACCESS account, contact the ACCESS Help Desk at (202) 482-3150 or via email at ACCESS@TRADE.GOV for assistance.

Announcements

- [AD/CVD Reference Resources](#)
- [Super Bulky Document Submissions](#)
- [Appointments Needed for APO/Dockets and CRU Visits](#)
- [Modified Service Regulations Extended Until Further Notice](#)
- [Updated Scope Ruling Application and Guidance Document](#)

Help

- [ACCESS User Guide \(03/17/2020\)](#)
- [ACCESS Handbook \(08/31/2020\)](#)
- [Manage APO/EOA Application User Guide](#)

Hình 9. Giao diện trang web đăng ký tài khoản E-filer

Bước 2: Cửa sổ “Terms of Use” mở ra, người đăng ký click chọn accept để chấp nhận với điều khoản sử dụng

ACCESS - Terms of Use Agreement

- Login
- Guest Registration
- E-File Registration**
- FR Notices
- FR Notices (Till June 2021)
- AD/CVD Search
- Help

Search Trade.gov

Please read the following Terms of Use Agreement and click Accept to create a new ACCESS account or to log into ACCESS.

The Department of Commerce/Enforcement and Compliance (E&C) requires all users to register a valid username and password to access the Antidumping (AD) and Countervailing Duty (CVD) Centralized Electronic Service System (ACCESS). Two types of user accounts are available: E-Fileer and Guest User. Both E-Fileers and Guest Users will be able to view and download public documents and public versions filed in ACCESS; however, only registered E-Fileer users will be able to electronically file documents and receive email notifications of documents released by the Department in segments for which the E-Fileer participates as, or on behalf of, an Interested Party.

At the time of registration the E-Fileer is asked to provide basic information, including name, firm and/or organization affiliation, email address, and other identifying information. A Guest User must provide his/her name, email address and telephone number.

Registered E-Fileers may electronically file documents (including both Business Proprietary and Public) via ACCESS for inclusion in AD/CVD Cases. The ACCESS Cover Sheet and Separator Sheets (as applicable) will be required for each individual manual submission that the registered E-Fileer intends to file. E-Fileers who file documents electronically will receive an automated notice of receipt upon completion of a valid submission.

E-Fileers must comply with the standard rules and exceptions for electronic filing and paper filing contained in the Handbook on Electronic Filing Procedures and 19 CFR Part 351. These requirements include but are not limited to the following: documents must be filed by the registered E-Fileer whose name appears on the signature lines(s) of the document or the responsible attorney whose name appears on the document, the timeliness of all filings and their accuracy is the sole responsibility of the E-Fileer, and, the E-Fileer is responsible for preserving business proprietary information (BPI). In addition, all E-Fileers must comply with any additional requirements pertaining to any Administrative Protective Order (APO) issued during the course of an AD/CVD Case.

Information which is classified or not specifically declassified by the United States Government, such as WikiLeaks information, may not be submitted to ACCESS under any circumstances. Users must first contact the case analyst to receive a waiver from electronic submission and arrange to submit any classified information by paper only. To protect ACCESS from the submission of such information, all electronically filed documents must be fully text searchable, using a method such as Optical Character Recognition (OCR). Documents that are submitted without being fully text searchable are subject to rejection by the Department.

Users are required to report any unauthorized release of sensitive or protected material such as BPI to the APO Unit (202-482-3354). Any user who fails to comply with the conditions set forth in this document may be denied right of use to the ACCESS system depending on the nature, severity, frequency and mitigating circumstances of the user's actions. In addition, separate sanctions may be imposed for instances of misconduct and the release of protected information as set forth under the Department rules, 19 CFR Part 351, and any other applicable federal laws or regulations.

Do you have a question for the ACCESS Help Desk? Please call 202-482-3150 or email ACCESS@TRADE.GOV for assistance.

2

Accept
Decline

Updated Nov 14, 2019

Hình 10. Điều khoản sử dụng

Bước 3: Điền thông tin đăng ký theo yêu cầu



E-Filer Registration

<ul style="list-style-type: none"> Login Guest Registration E-Filer Registration FR Notices FR Notices (Till June 2021) AD/CVD Search Help 	<p>* Full Name <input type="text"/></p> <p>* Title <input type="text"/></p> <p>Country Code <input type="text" value="USA"/></p> <p>* Phone (area/city code + number) <input type="text"/></p> <p>* Firm/Organization Name <input type="text"/></p> <p>If Others, Enter Firm: <input type="text"/></p> <p>* Firm/Organization Address <input type="text"/></p> <p>* Firm/Organization Phone (area/city code + number) <input type="text"/></p> <p>Admitted to Practice in (U.S. Jurisdictions and Courts only) <input type="text"/></p>	<p>1</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>4</p> <p>5</p> <p>6</p> <p>7</p> <p>16</p>	<p>* Case No. and Segment <input type="text"/></p> <p>* Username <input type="text"/></p> <p>* Password <input type="text"/></p> <p>* Confirm Password <input type="text"/></p> <p>* Security Question <input type="text"/></p> <p>* Answer <input type="text"/></p> <p>* Security Question <input type="text"/></p> <p>* Answer <input type="text"/></p> <p>* Security Code <input type="text"/></p> <p><input type="checkbox"/> I'm not a robot </p>	<p>8</p> <p>9</p> <p>10</p> <p>11</p> <p>12</p> <p>13</p> <p>14</p> <p>15</p>
--	---	--	--	---

* Required

Hình 11. Giao diện điền thông tin

Trong cửa sổ đăng ký, người dùng điền các thông tin theo yêu cầu, bao gồm:

- 1- Họ tên người đăng ký;
- 2- Chức vụ;
- 3- Chọn Việt Nam;
- 4- Số điện thoại;
- 5- Tên tổ chức/ doanh nghiệp (lựa chọn Other dưới cùng trong danh sách như hình 5);
- 6- Địa chỉ của tổ chức/ doanh nghiệp;
- 7- Số điện thoại của tổ chức;
- 8- Trong khung mã vụ việc (Case No, and Segment) điền mã vụ việc. Ví dụ: A-570-051 (mã vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp mặt hàng tủ bếp và bàn trang điểm và các cấu kiện);
- 9- Điền địa chỉ email (lưu ý DOC không chấp nhận sử dụng email yahoo, gmail để đăng ký tài khoản E-filer mà chỉ cho phép người đăng ký dùng các email của gmail hoặc email business có đuôi dạng org, vn, vnn, ... hoặc email có đuôi là tên DN để đăng ký);

10- Nhập mật khẩu vào ô password và mật khẩu tương tự vào ô confirm password (Lưu ý mật khẩu phải trên 12 ký tự bao gồm số và chữ hoa và thường);

11- Click chuột vào mũi tên để chọn một danh sách các câu hỏi bảo mật (Lưu ý lựa chọn câu hỏi dễ nhớ hoặc lưu lại câu hỏi này để dùng để khôi phục tài khoản nếu bị quên);

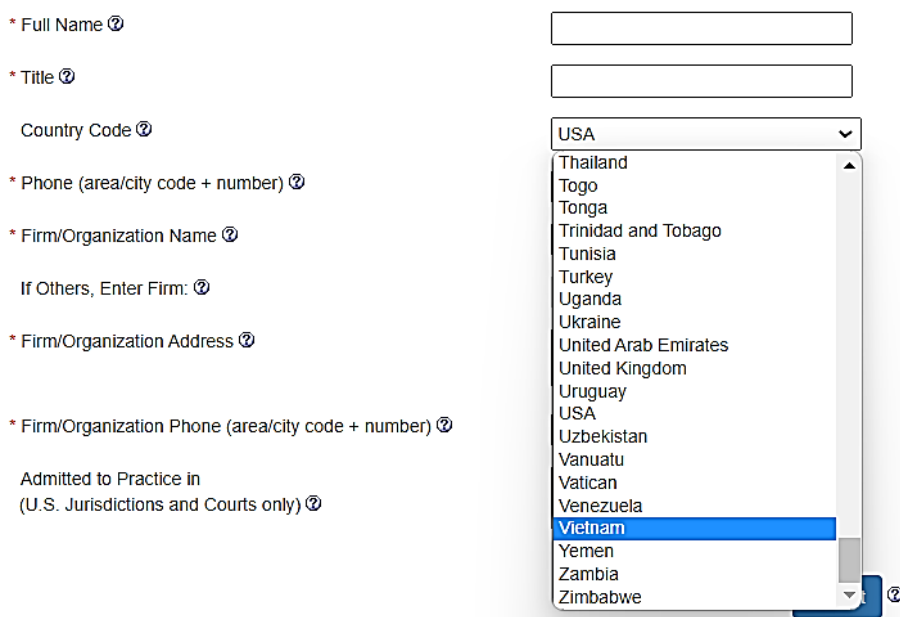
12- Điền câu trả lời (Lưu ý lựa chọn câu trả lời dễ nhớ);

13- Làm tương tự như mục 11;

14- Làm tương tự như mục 12;

15- Tick chọn I am not a robot;

16- Click chuột vào nút submit để nộp đăng ký.



The image shows a registration form with several fields and a dropdown menu. The fields are:

- * Full Name ⓘ
- * Title ⓘ
- Country Code ⓘ
- * Phone (area/city code + number) ⓘ
- * Firm/Organization Name ⓘ
- If Others, Enter Firm: ⓘ
- * Firm/Organization Address ⓘ
- * Firm/Organization Phone (area/city code + number) ⓘ
- Admitted to Practice in (U.S. Jurisdictions and Courts only) ⓘ

The dropdown menu for Country Code is open, showing a list of countries. The countries listed are: Thailand, Togo, Tonga, Trinidad and Tobago, Tunisia, Turkey, Uganda, Ukraine, United Arab Emirates, United Kingdom, Uruguay, USA, Uzbekistan, Vanuatu, Vatican, Venezuela, Vietnam (highlighted in blue), Yemen, Zambia, and Zimbabwe. A question mark icon is visible at the bottom right of the dropdown menu.

Hình 12. Lựa chọn Country Code

* Full Name

* Title

Country Code

* Phone (area/city code + number)

* Firm/Organization Name

If Others, Enter Firm:

* Firm/Organization Address

* Firm/Organization Phone (area/city code + number)

Admitted to Practice in (U.S. Jurisdictions and Courts only)

* Case No. and Segment

* Username

* Password

* Confirm Password

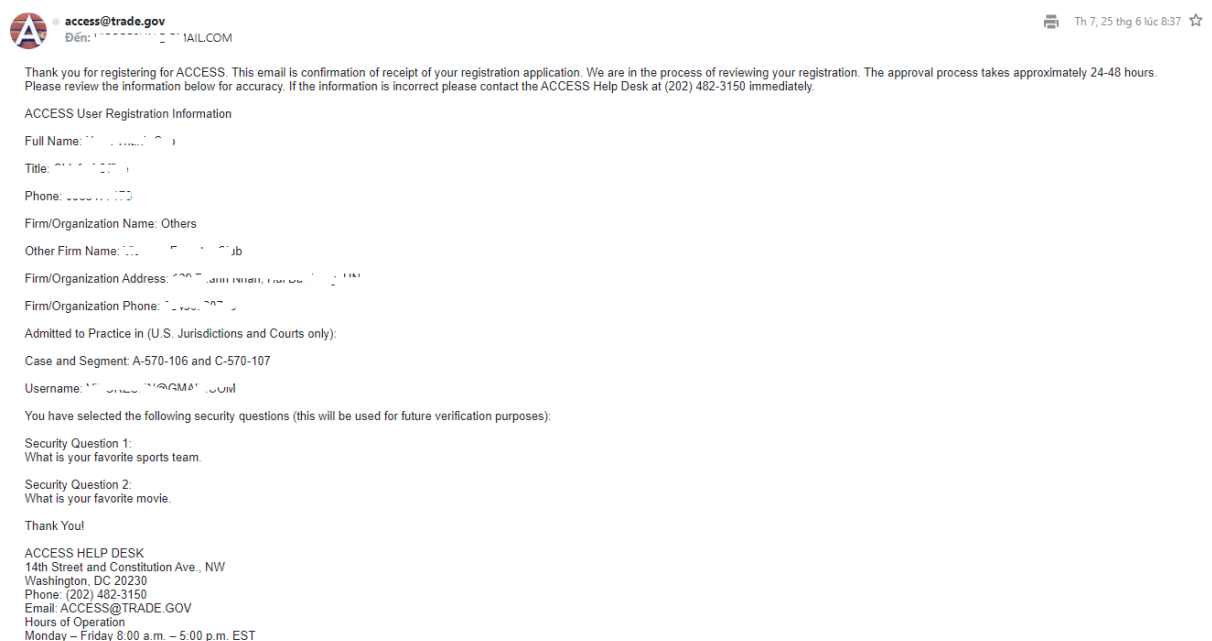
* Security Question

* Required

ZEOtech Co., Ltd.
Zhaoping Asia Aluminum Factory Company Ltd.
Zhejiang Cathaya Trade and Development Co., Ltd.
Zhejiang Hedia Solar Technology Co., Ltd.
Zhejiang Jiaying IMP&EXP Co., Ltd.
Zhejiang T&C Law Firm
Zhejiang Yaofeng Power Technology Co., Ltd.
Zhejiang Zhengle Co., Ltd.
Zhengzhou Mingtai Industry Co., Ltd.
Zhong Yin Law Firm
Zhonglun Law Firm
Zhonglun W&D Law Firm
Zhongshan City Shenwan Melting Furniture Factory
Zhongshan Geelong Manufacturing Company Ltd.
Zhongshan Silk Imp. & Exp. Group Co., Ltd. of Guangdong
Zisser Customs Law Group
Z-SII
z-sitest222
ZY & Partners
Others

Hình 13. Lựa chọn tên tổ chức/ doanh nghiệp

Sau khi nộp thành công, DOC sẽ gửi vào email thư xác nhận đã đăng ký như hình 6 dưới đây:



Hình 14. Thư xác nhận của DOC

DOC sẽ phê duyệt tài khoản trong vòng từ 24-48 giờ sau khi người đăng ký nhận được email xác nhận. Sau khi được phê duyệt, người đăng ký sẽ nhận được email phê duyệt và

có thể đăng nhập vào trang ACCESS thông qua email và mật khẩu đã đăng ký ở mục 9 và 10 ở Bước 3.

Các hướng dẫn cụ thể cách sử dụng, tìm kiếm tài liệu và nộp tài liệu sẽ được trao đổi chi tiết tại Bài tập tình huống.

3.3. Hướng dẫn biểu mẫu, bố cục với các tài liệu cung cấp cho DOC

3.3.1. Phân loại tài liệu

Khi nộp bất kỳ tài liệu nào cho DOC, doanh nghiệp lưu ý cách phân loại tài liệu của DOC như sau:

+ Business Proprietary Document -- May Be Released Under APO: Tài liệu có chứa thông tin mật - Có thể công bố cho các bên trong danh sách APO;

+ Business Proprietary Document -- May Not Be Released Under APO: Tài liệu có chứa thông tin mật - Không thể công bố cho các bên trong danh sách APO;

+ Business Proprietary/APO Version -- May Be Released Under APO," as applicable: Tài liệu có chứa thông tin mật, phiên bản dùng để công bố cho các bên trong danh sách APO

+ Public Version: Bản công khai - là bản đã loại bỏ các thông tin mật (thông tin mật để trong ngoặc [] và bị xóa)

+ Public Document: Tài liệu công khai, không chứa thông tin mật

Doanh nghiệp lưu ý để phân loại tính bảo mật của tài liệu cho phù hợp. Việc phân loại này phải đồng thời thể hiện trên tài liệu mà doanh nghiệp nộp cho DOC. Một số trường hợp doanh nghiệp chọn sai phân loại tài liệu, hoặc việc phân loại tài liệu trực tiếp trên tài liệu và việc phân loại tài liệu khi nộp qua ACCESS không thống nhất, cũng sẽ dẫn tới việc DOC không chấp nhận tài liệu do doanh nghiệp cung cấp.

Trong bản Mật, các thông tin Mật phải để trong ngoặc []. Trong bản Công khai, các thông tin Mật đã để trong ngoặc [] của bản Mật phải được xóa hết, chỉ để lại ngoặc []. Nếu không có thông tin Mật, chỉ cần nộp bản Công khai. Khi nộp bản Mật, phải nộp kèm Bản Công khai của Bản mật đó, tức là tài liệu đã xóa hết thông tin mật (Public Version).

Ví dụ:

- Bản Mật: Năm 2021, Công ty tôi xuất khẩu [15] container hàng hóa sang Hoa Kỳ.
- Bản Công khai: Năm 2021, Công ty tôi xuất khẩu [] container hàng hóa sang Hoa Kỳ.

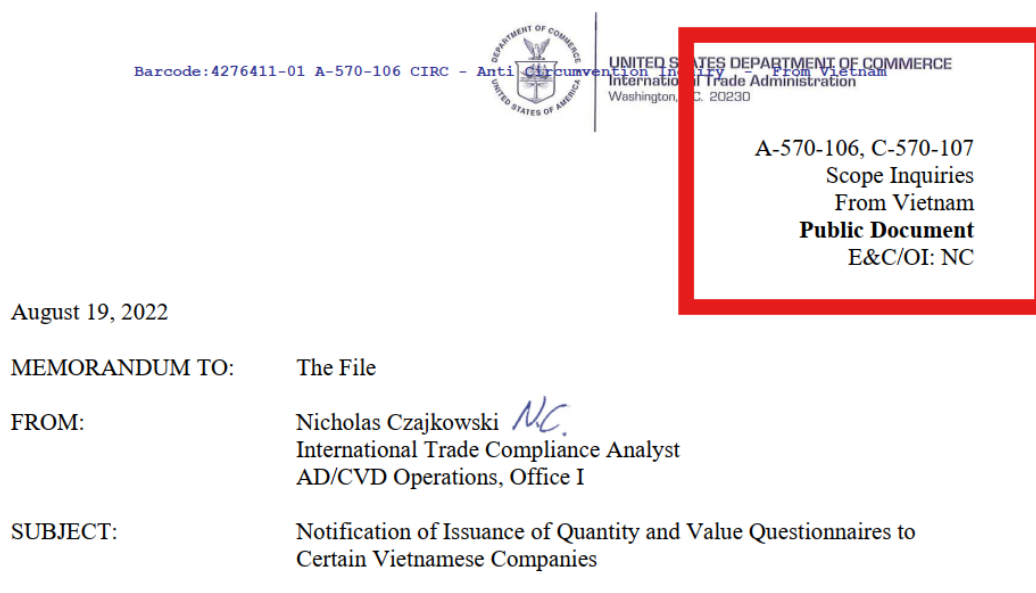
3.3.2. Format và biểu mẫu

3.3.2.1. Tiêu đề văn bản

Hình 15. Hướng dẫn format trong các nội dung gửi Hoa Kỳ

Góc phía trên bên phải nêu các thông tin sau:

- Mã vụ việc:



On March 25, 2022, the Department of Commerce (Commerce) initiated circumvention inquiries
+ A – anti-dumping (CBPG), C – countervailing (CTC),

+ mã nước: 570 là mã của Trung Quốc (do vụ việc gốc là vụ việc với Trung Quốc),
cuối cùng là ký hiệu vụ việc.

- Loại vụ việc điều tra: Scope Inquiries, Anti-Circumvention
- Nước bị điều tra: Vietnam
- Phân loại tài liệu: Như đã hướng dẫn ở trên

- Phòng/Cơ quan chịu trách nhiệm điều tra vụ việc

Lưu ý: Phần tiêu đề này cần ghi đúng, ghi đủ. Một số trường hợp các doanh nghiệp ghi sai, ghi thiếu, dẫn tới việc bị từ chối toàn bộ tài liệu, rất thiệt thòi cho doanh nghiệp.

3.3.2.2. Các chứng nhận đính kèm

Về phía doanh nghiệp, tất cả các văn bản, tài liệu gửi cho DOC đều cần đính kèm các chứng nhận sau:

(i) Certificate of Accuracy – Xác nhận về tính chính xác

Các nhà cung cấp thông tin và (những) người gửi thông tin đó, nếu khác nhau (ví dụ: người đại diện hợp pháp), phải xác nhận rằng họ đã đọc nội dung gửi và thông tin được gửi là chính xác và đầy đủ. DOC không chấp nhận các câu trả lời trong Bản câu hỏi hoặc các bản cung cấp thông tin mà không có tuyên bố chứng nhận về tính chính xác. Xem Mẫu xác nhận về tính chính xác tại Phụ lục 3.

(ii) Certificate of Public Service – Xác nhận đã gửi tài liệu công khai cho các bên có liên quan đăng ký trong danh sách Public Service List

Danh sách Public Service List là danh sách bao gồm tất cả các bên đã đăng ký tham gia vào vụ việc và được phép tiếp cận các thông tin không mật của vụ việc. Danh sách này được cập nhật thường xuyên trên hệ thống ACCESS của DOC.

Xem Mẫu xác nhận đã gửi tài liệu công khai tại Phụ lục 4.

(iii) Certificate of APO Service List - Xác nhận đã gửi tài liệu mật cho các bên có liên quan đăng ký trong danh sách APO Service List.

Xem Mẫu xác nhận về đã gửi tài liệu mật tại Phụ lục 5.

Danh sách APO Service List là danh sách bao gồm tất cả các bên đã đăng ký tham gia vào vụ việc và được phép tiếp cận các thông tin mật của vụ việc. Danh sách này được cập nhật thường xuyên trên hệ thống ACCESS của DOC. Thông thường chỉ các luật sư hoặc đại diện pháp lý được công nhận tại Hoa Kỳ mới có thể tiếp cận các thông tin mật. Việc tiếp cận các thông tin mật chỉ nhằm mục đích đưa ra chiến lược cho khách hàng mà họ đại diện. Những người này không được phép tiết lộ thông tin mật cho khách hàng.

3.3.2.3. Các lưu ý khác về biểu mẫu

- Lưu ý ghi dòng “Re:” trong bản trả lời câu hỏi hoặc bất kỳ nội dung nào khác nộp lên DOC. Trong dòng Re:, hãy tóm tắt ngắn gọn mục đích của tài liệu, ví dụ: “trả lời bằng câu hỏi”, “tóm tắt trường hợp”.

- Cung cấp một Danh mục tài liệu đính kèm. Gán mã số cho mỗi tệp đính kèm và bao gồm tên mô tả cho từng tệp đính kèm và số của nó trong bảng.

- Tất cả số tiền phải được hiển thị bằng loại tiền mà chúng có mệnh giá ban đầu và bằng loại tiền mà chúng được đăng ký trong tài khoản của doanh nghiệp (nếu hai loại tiền này khác nhau). Ngoài ra, hãy báo cáo tỷ giá hối đoái thực tế được sử dụng cho một chuyển đổi cụ thể. Đối với tất cả các giá trị được điều chỉnh theo lạm phát, vui lòng cung cấp dữ liệu theo cả giá trị danh nghĩa và giá trị đã điều chỉnh, đồng thời giải thích cách điều chỉnh các giá trị này.

3.4. Hướng dẫn nội dung các bản cung cấp thông tin cho Hoa Kỳ

3.4.1. Bình luận về nội dung đơn kiện

Trong vòng 10 ngày kể từ khi Đơn kiện được nộp lên, các bên khác, không phải Nguyên đơn, có thể nộp bình luận về tính hợp lệ của Đơn kiện.

Nội dung bình luận gồm những yếu tố sau:

- Tư cách của Nguyên đơn: khác với điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, Nguyên đơn trong quy định về điều tra chống lẩn tránh có thể là bất kỳ một bên liên quan nào, bao gồm ngành sản xuất nội địa, nhà nhập khẩu, hay bất kỳ một bên có liên quan nào khác. Do đó, không có quy định về tiêu chí xác định tính đại diện của Nguyên đơn, hay tỷ lệ ủng hộ của ngành sản xuất nội địa. Tuy nhiên, trong một số trường hợp cụ thể, các bên vẫn có thể bình luận phản bác về tư cách của Nguyên đơn, như Nguyên đơn giấu tên, không nêu rõ danh tính. Ví dụ như năm 2021, Hoa Kỳ quyết định không khởi xướng điều tra chống lẩn tránh với pin năng lượng mặt trời, do DOC cho rằng việc không công khai thành viên phía nguyên đơn là không phù hợp với quy định hiện hành của Mỹ và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các bên liên quan khác..

- Tính đầy đủ của Đơn kiện: Như đã nêu ở phần 2.4.1., Đơn kiện yêu cầu phải có các thông tin về loại hàng hóa; nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan;¹⁸ mô tả và chứng cứ chứng minh hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, cũng như quan điểm của bên yêu cầu về việc cuộc điều tra có nên được tiến hành đối với tất cả các chủ thể trên lãnh thổ của quốc gia liên quan hay không. Mặc dù các thông tin này được yêu cầu cung cấp trên cơ sở “khả năng thu thập hợp lý”, nhưng không có được phép quá sơ sài. Do đó, có thể tập trung phản biện về tính đầy đủ, logic, thuyết phục của các lập luận nêu trong đơn kiện.

Trong vòng 05 ngày kể từ khi các bên bình luận về tính hợp lệ của Đơn kiện, Nguyên đơn có quyền nộp bản phản bác.

3.4.2. Bản bình luận về thông báo khởi xướng

Như đã nêu ở trên, trong vòng 30 ngày kể từ khi DOC khởi xướng điều tra vụ việc, các bên liên quan có quyền bình luận về quyết định khởi xướng của cơ quan điều tra.

Thông thường, bản bình luận về thông báo khởi xướng tập trung vào phản biện các vấn đề sau:

- Quy trình sản xuất sản phẩm bị điều tra mà Nguyên đơn mô tả trong Đơn kiện.
- Cung cấp thông tin về quy trình sản xuất sản phẩm thực tế diễn ra tại Việt Nam.
- Cung cấp các thông tin liên quan đến các yếu tố mà DOC thường sử dụng để đánh giá về chuyển đổi đáng kể.
- Theo quy định pháp luật của DOC (Điều 19 CFR 351.225 (j)(1)), khi xem xét yếu tố chuyển đổi đáng kể, DOC đánh giá các yếu tố sau:

(i) Sản phẩm hạ nguồn có khác loại với sản phẩm thượng nguồn không?

¹⁸ Theo Phần 19 Quy định Liên bang Hoa Kỳ C.F.R. § 351.226 (c), bên yêu cầu không nhất thiết phải liệt kê đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan đến hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM mà có thể cung cấp một số ví dụ trong trường hợp không thể xác định được đầy đủ các nhà sản xuất, xuất khẩu thuộc nhóm này.

(ii) Đặc tính vật lý của sản phẩm (bao gồm đặc tính về hóa học, đặc tính về không gian, và kỹ thuật);

(iii) Mục đích sử dụng cuối cùng của sản phẩm hạ nguồn;

(iv) Chi phí sản xuất/giá trị gia tăng của việc gia công, sản xuất hàng hóa tại Việt Nam;

(v) Bản chất và độ phức tạp của quy trình sản xuất sản phẩm tại Việt Nam

(vi) Mức độ đầu tư tại Việt Nam.

Khuyến nghị Hiệp hội/doanh nghiệp tập trung bình luận về các nội dung theo yêu cầu của DOC, đặc biệt tập trung làm rõ quy trình sản xuất tại Việt Nam, nhằm làm căn cứ cơ sở để DOC đánh giá về chuyển đổi đáng kể theo các tiêu chí nêu trên.

Trong vòng 14 ngày kể từ khi các bên nộp Bản bình luận về thông báo khởi xướng, các bên khác có quyền nộp bản phản biện về bản bình luận mà các bên đã nộp.

3.4.3. Hướng dẫn trả lời các bản câu hỏi của Hoa Kỳ

Về nguyên tắc, DOC sẽ xây dựng một Bản câu hỏi Q&V và các bản câu hỏi riêng cho từng vụ kiện (phù hợp với loại hàng hóa bị kiện và nước xuất khẩu bị kiện). Tuy nhiên, có những câu hỏi cơ bản tồn tại trong Bảng câu hỏi của tất cả các vụ kiện. Các doanh nghiệp có thể tham khảo Mẫu Bảng Câu hỏi của DOC trên trang web của DOC tại địa chỉ www.trade.gov, mục “Find a form”.

Trả lời Bản câu hỏi được xem là một trong những phần việc quan trọng nhưng cũng khó khăn nhất trong quá trình theo kiện chống lẩn tránh thuế tại Hoa Kỳ. Nó quan trọng bởi thông tin trả lời từ các Bảng câu hỏi có ảnh hưởng lớn đến kết quả cuối cùng của vụ việc. Nó khó khăn bởi Bảng câu hỏi bao gồm rất nhiều câu hỏi, và các câu hỏi thường chi tiết, luôn yêu cầu những diễn giải kèm theo cũng như các bằng chứng cho các nội dung, thông tin trả lời câu hỏi đó. Những nội dung trả lời cũng thường đòi hỏi nhiều thông tin mà không phải doanh nghiệp nào cũng lưu trữ theo các tiêu chí yêu cầu; bằng chứng không phải lúc nào cũng sẵn có; thời hạn để thu thập thông tin và tìm kiếm bằng chứng cho Bảng câu hỏi lại rất ngắn. Doanh nghiệp cần sự hỗ trợ của luật sư tư vấn để có thể trả lời Bảng câu hỏi trung thực, chính xác mà vẫn đảm bảo có lợi nhất cho doanh nghiệp.

Về kỹ năng trả lời Bảng câu hỏi, doanh nghiệp cần lưu ý đảm bảo:

- Trả lời trung thực, đúng, đủ và thống nhất (logic) (với kỹ năng phân tích được rèn luyện qua nhiều vụ việc, và các chương trình phần mềm chuyên dụng, các cán bộ DOC có thể nhanh chóng phát hiện ra các trả lời gian lận; doanh nghiệp gian lận sẽ bị xem là không hợp tác và sẽ bị DOC áp dụng “thông tin sẵn có” – mà chủ yếu là thông tin do phía nguyên đơn đưa ra, rất bất lợi cho kết quả tính toán);
- Chuẩn bị đầy đủ bằng chứng cho các thông tin đã nêu trong phần trả lời Bảng câu hỏi (chủ yếu bằng văn bản sổ sách kế toán kèm theo);
- Trường hợp doanh nghiệp có lý do chính đáng để xin gia hạn việc trả lời Bảng câu hỏi thì có thể cân nhắc làm đơn xin gia hạn (trước khi kết thúc thời hạn theo quy định);
- Việc gửi Bảng câu hỏi đã được trả lời được thực hiện theo đúng quy định của DOC (bởi thủ tục gửi đi tương đối phức tạp và không phải dễ đáp ứng nếu không có luật sư tư vấn, ví dụ phải gửi đến cho tất cả các bên liên quan thông qua luật sư của họ, phải có bản tự xác nhận đã gửi...).

Gửi bảng câu hỏi là cách thu thập thông tin chủ yếu của DOC. Cụ thể, DOC sẽ gửi các bản yêu cầu cung cấp thông tin hoặc bảng câu hỏi đến các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài... có liên quan.

Các bảng câu hỏi này thường là rất dài và phức tạp. Người nhận thường chỉ có thời hạn 30 ngày (có thể có gia hạn trong một số trường hợp) để trả lời tất cả các câu hỏi nêu trong đó. Trường hợp có quá nhiều nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc nhập khẩu liên quan thì DOC có thể chỉ gửi bảng hỏi đến các chủ thể được lựa chọn.

Nếu DOC cho rằng các câu trả lời mà họ nhận được chưa thoả đáng thì DOC sẽ thông báo về việc này cho các chủ thể liên quan. Các chủ thể này có thể bổ sung thêm các thông tin trong thời hạn do DOC qui định hoặc giải thích lý do về sự không thoả đáng này.

Theo qui định, DOC phải tính đến những khó khăn mà các bên, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ của các nước đang phát triển, gặp phải khi cung cấp thông tin cho DOC trong các quyết định của mình (ví dụ quyết định gia hạn thời hạn trả lời, các yêu cầu đối với các câu trả lời...). DOC có trách nhiệm phải cung cấp những hỗ trợ hợp lý nếu có thể để giảm bớt khó khăn cho các bên liên quan. Thực tế cho thấy các công ty bị đơn hầu hết đều

cảm thấy khó khăn trước bảng câu hỏi rắc rối mà họ nhận được từ DOC mà cơ quan này thì không mấy mặn mà trong việc "giúp đỡ" các bị đơn như luật định.

3.5. Hướng dẫn thẩm tra tại chỗ

3.5.1. Các nội dung chính của buổi thẩm tra như sau

- Chỉnh sửa các lỗi (nếu có): Trong quá trình chuẩn bị các tài liệu cho thẩm tra, nếu phát hiện trong số các nội dung mà công ty đã cung cấp cho DOC có lỗi, thì công ty sẽ phải chỉ ra các lỗi đó ngay khi bắt đầu buổi thẩm tra.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty: kiểm tra cơ cấu tổ chức của công ty, cổ đông, và các công ty liên kết nếu có.

- Hệ thống kế toán: DOC yêu cầu tất cả các dữ liệu phải số hóa và có thể tiếp cận thông qua phần mềm.

- Sản phẩm: cung cấp danh sách các sản phẩm mà công ty sản xuất và xuất khẩu sang Hoa Kỳ, sau đó xác định các sản phẩm thuộc phạm vi sản phẩm bị điều tra. DOC sẽ yêu cầu doanh nghiệp cho tham quan nhà máy trực tiếp.

- Đối chiếu số liệu (quantity and value reconciliation): DOC yêu cầu cung cấp phần mềm máy tính sử dụng để tổng hợp số liệu mà công ty cung cấp cho DOC.

- Nguyên liệu đầu vào: kiểm tra các giấy tờ chứng minh quá trình sử dụng nguyên liệu đầu vào để sản xuất của công ty.

- Các chứng nhận gốc: cung cấp bản gốc các giấy chứng nhận về tính chính xác (certificate of accuracy) của các bản trả lời, các bản cung cấp thông tin cho DOC mà công ty đã nộp online qua hệ thống ACCESS.

3.5.2. Một số lưu ý

(i) Về việc tham gia thẩm tra

- Các thông tin thu thập trong quá trình thẩm tra doanh nghiệp chỉ được sử dụng trong khuôn khổ của vụ việc điều tra hiện tại.

- Việc tham gia thẩm tra không đầy đủ có thể dẫn tới việc DOC kết luận là công ty không hợp tác, và sử dụng dữ liệu sẵn có bất lợi để đưa ra kết luận cuối cùng.

(ii) Thành phần tham gia thẩm tra

- Thành phần tham gia thẩm tra của công ty nên bao gồm ít nhất những cá nhân sau:
(i) cán bộ tham gia trả lời bản câu hỏi của công ty; (ii) Các cán bộ am hiểu về hệ thống chứng từ, sổ sách, kế toán của công ty.

- Lưu ý: Tên và chức vụ của các cá nhân và người đại diện tham gia thẩm tra sẽ được đưa vào trong báo cáo thẩm tra, dưới dạng thông tin công khai.

3.5.3. Quá trình thẩm tra và các công tác logistics cần thiết

- DOC sẽ bám sát các nội dung thẩm tra được đưa ra trong kế hoạch (xem tại Phụ lục 2). Trong trường hợp công ty không chuẩn bị hoặc không kịp thời đưa ra phản hồi với các yêu cầu thẩm tra của DOC, DOC sẽ tiếp tục chuyển sang thẩm tra nội dung tiếp theo. Và nội dung chưa kịp phản hồi đó sẽ bị coi là chưa được DOC thẩm tra, và có thể bị DOC sử dụng dữ liệu sẵn có bất lợi.

- DOC chỉ thẩm tra các nội dung mà công ty đã cung cấp cho DOC, và sẽ không xem xét các nội dung cung cấp mới. Việc DOC chấp nhận các thông tin mới mà công ty cung cấp trong quá trình thẩm tra không đồng nghĩa với việc DOC sẽ sử dụng các dữ liệu này trong việc ra kết luận cuối cùng.

- Tất cả các tài liệu chứng minh phải được dịch ra tiếng Anh **trước** khi tiến hành thẩm tra. DOC yêu cầu mỗi tài liệu mà công ty cung cấp cho DOC phải được sao chép thành **04 bản**, (công ty giữ 1 bản).

- Công ty chuẩn bị sẵn máy photocopy, dập ghim để sao chụp tài liệu, và chuẩn bị sẵn các phần mềm, máy móc thiết bị khác để trích xuất dữ liệu.

3.5.4. Một số lưu ý cụ thể khác

Để đảm bảo hiệu quả công tác xử lý vụ việc trong giai đoạn điều tra cuối cùng, các doanh nghiệp cần lưu ý:

(i) Rà soát lại các thông tin và số liệu mà đã nộp trong các bản trả lời của DOC để đảm bảo tính chính xác. Nếu có sai sót, đề nghị báo ngay với DOC ngay khi bắt đầu buổi thẩm tra, và có các giấy tờ chứng minh các sai sót đó.

(ii) Chuẩn bị các tài liệu gốc để chứng minh tính chính xác của số liệu. Ví dụ, hồ sơ bán hàng để chứng minh cho số liệu về Q&V, hồ sơ mua gỗ trong nước hoặc ván lõi trong

nước để chứng minh là doanh nghiệp chỉ sử dụng ván lõi có nguồn gốc trong nước, hồ sơ sản xuất, phiếu nhập xuất kho nguyên liệu, nhập xuất kho bán thành phẩm, thành phẩm.

(iii) Các tài liệu chứng minh hoạt động sản xuất của công ty là có thực: ví dụ hợp đồng thuê đất, thuê nhà xưởng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, danh mục tài sản cố định thể hiện năng lực đầu tư, bảng lương, v.v

(iv) Chuẩn bị sẵn bảng đối chiếu để chứng minh số liệu đã báo cáo cho DOC là khớp với số liệu kế toán và Báo cáo tài chính của công ty. Ví dụ, báo cáo xuất khẩu sang Hoa Kỳ sản lượng là X và giá trị là Y thì Y phải nằm trong doanh thu của cty trên sổ sách kế toán của công ty và doanh thu trên Báo cáo tài chính.

(v) Chuẩn bị các tài liệu thể hiện truy xuất nguồn gốc nguyên liệu.

3.6. Hướng dẫn tham gia Cơ chế tự chứng nhận

Các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam không thuộc trường hợp bị áp thuế có thể nộp giấy tự xác nhận theo mẫu cho DOC dành cho nhà xuất khẩu (Exporter Certificate - *xem Phụ lục 1*) (trong đó nêu rõ sản phẩm xuất khẩu sang Hoa Kỳ không thuộc phạm vi lệnh áp thuế) để được loại trừ khỏi phạm vi áp thuế.

Nhà nhập khẩu Hoa Kỳ cũng có thể nộp giấy xác nhận theo mẫu của DOC dành cho nhà nhập khẩu (Importer Certificate – *xem Phụ lục 2*).

Doanh nghiệp cần lưu giữ đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng minh cho chứng nhận nêu trên trong ít nhất 05 năm, để cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ có thể xác minh khi cần thiết.

Hướng dẫn cách điền các nội dung trong Exporter Certificate trong phần Bài tập tình huống.

CHƯƠNG II

Thị trường EU



1. Các yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc và quy định chống mất rừng

1.1. EUTR, EURD

1.1.1. EUTR

EUTR viết tắt từ cụm từ “European Union Timber Regulation” dịch sang tiếng Việt là “Quy định về gỗ của Liên minh châu Âu”. Tiêu chuẩn EUTR do Nghị viện và Hội đồng châu Âu ban hành dưới dạng Quy định EUTR 995/2010 và được áp dụng chính thức kể từ ngày 03/3/2013.

Tiêu chuẩn EUTR nhằm ngăn không cho các dòng gỗ và sản phẩm gỗ không được kiểm soát hoặc bất hợp pháp tiến vào thị trường châu Âu. Sự ra đời của tiêu chuẩn EUTR đảm bảo rằng EU chỉ nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ được khai thác tuân thủ luật pháp của nước xuất xứ. Quy định này áp dụng cho cả sản phẩm gỗ nhập khẩu và gỗ do EU sản xuất.

EUTR bao gồm những sản phẩm nào?

EUTR và UKTR bao gồm một danh sách cụ thể về gỗ và các sản phẩm làm từ gỗ với một số điểm khác biệt và miễn trừ. Bấm vào đây để xem danh sách tất cả các sản phẩm có trong quy định. Điều quan trọng là luôn kiểm tra thông tin mới nhất từ EU và các sản phẩm được liệt kê trong phụ lục của quy định. EU đã tham vấn các bên liên quan chính về việc mở rộng phạm vi sản phẩm, với các bản cập nhật dự kiến vào năm 2019.

Các sản phẩm hiện được LOẠI TRỪ quy định là:

- Sản phẩm tái chế / chất thải
- Sách báo
- Bao bì - (LƯU Ý - chỉ khi nó là vật liệu đóng gói độc quyền để hỗ trợ, bảo vệ hoặc mang theo một sản phẩm khác được đưa ra thị trường. Ví dụ: hộp mà sản phẩm của bạn được giao bị loại trừ. Bao bì được bán theo đúng nghĩa của nó được bao gồm trong quy định)

- Vật phẩm in - sách, tạp chí, ảnh mà bản in là sản phẩm. (LƯU Ý - bao gồm các loại giấy hoặc khăn giấy khác)
- Một số sản phẩm từ tre - Tre được tết hoặc đan, bột giấy và giấy từ tre, ghế ngồi làm từ tre
- Nội thất chõng ngồi - bao gồm ghế sofa, ghế
- Nội thất y tế

EUTR ảnh hưởng đến ai?

Quy định phân loại hai loại hình doanh nghiệp chịu trách nhiệm tuân thủ EUTR, ảnh hưởng đến các loại hình doanh nghiệp có trụ sở ở cả trong và ngoài Liên minh Châu Âu.

- Các nhà khai thác: Bất kỳ cá nhân hoặc doanh nghiệp nào lần đầu tiên đưa gỗ ra thị trường. Trách nhiệm chính của họ là kiểm tra tính hợp pháp, giảm thiểu khả năng đưa gỗ hoặc sản phẩm gỗ khai thác bất hợp pháp ra thị trường. Để đảm bảo quá trình này, cần phải có hệ thống quản lý rủi ro – Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS – Due Diligence System).

- Thương nhân: Bất kỳ cá nhân hoặc doanh nghiệp nào bán hoặc mua gỗ hoặc sản phẩm gỗ đã được đưa vào thị trường EU. Là một nhà kinh doanh, bạn phải duy trì và lưu giữ hồ sơ ít nhất 5 năm 1) những người đã cung cấp sản phẩm gỗ cho bạn 2) những người bạn đã cung cấp các sản phẩm gỗ.

Cách tuân thủ Quy định về gỗ của Liên minh Châu Âu

Như đã nêu ở trên, các nhà khai thác phải thực hiện một hệ thống thẩm định để đánh giá và có khả năng giảm thiểu rủi ro gỗ khai thác bất hợp pháp xâm nhập vào chuỗi cung ứng của họ. EU không quy định về phương pháp chính xác - một doanh nghiệp có thể tự điều hành, làm việc với một tổ chức giám sát hoặc sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ khác như Truy xuất nguồn gốc toàn cầu. Tuy nhiên, phải tuân theo 3 trụ cột thẩm định cốt lõi - Thông tin, đánh giá rủi ro và giảm thiểu rủi ro.

- Thu thập thông tin: Doanh nghiệp phải cung cấp thông tin mô tả gỗ và sản phẩm gỗ, quốc gia khai thác, loại, số lượng, thông tin chi tiết về nhà cung cấp và thông tin về việc tuân thủ luật pháp quốc gia.

- Đánh giá rủi ro: Doanh nghiệp nên đánh giá rủi ro đối với gỗ bất hợp pháp trong chuỗi cung ứng của mình, dựa trên thông tin được xác định ở trên và có tính đến các tiêu chí được đưa ra trong quy định.

- Giảm thiểu rủi ro: Khi đánh giá cho thấy có rủi ro về gỗ bất hợp pháp trong chuỗi cung ứng, rủi ro đó có thể được giảm thiểu bằng cách yêu cầu nhà cung cấp cung cấp thêm thông tin và xác minh.

1.1.2. EUDR

Là một phần trong nỗ lực của Liên minh châu Âu nhằm đưa châu Âu trở thành lục địa trung hòa khí hậu đầu tiên vào năm 2050, Nghị viện và Hội đồng châu Âu đã chính thức thông qua Quy định không phá rừng (EUDR) của Liên minh châu Âu (EU) vào ngày 29/6/2023.

Quy định mới này, thay thế Quy định gỗ của EU (EUTR) được thiết lập vào tháng 3 năm 2013, sẽ yêu cầu tất cả các nhà nhập khẩu gỗ hoặc sản phẩm gỗ ở EU áp dụng một hệ thống thẩm định theo một phương pháp quy định với tính minh bạch và thông tin dọc theo chuỗi cung ứng.

EUDR ảnh hưởng đến bảy mặt hàng cụ thể “ca cao, cà phê, đậu nành, dầu cọ, gỗ, cao su và gia súc” và các dẫn xuất của chúng, cũng như các sản phẩm được sản xuất bằng các mặt hàng này (ví dụ, đồ nội thất, trong trường hợp gỗ). Quy định sẽ yêu cầu bất kỳ công ty nào nhập khẩu các mặt hàng này vào EU phải chứng minh các sản phẩm không có nạn phá rừng.

Không phá rừng có nghĩa là các sản phẩm đến từ các mảnh đất không có nạn phá rừng hoặc suy thoái rừng, như được định nghĩa trong EUDR, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

EUDR bao gồm một loạt các sản phẩm lâm nghiệp, bao gồm gỗ xẻ, vật liệu làm từ gỗ, giấy và đồ nội thất.

Các nhà xuất khẩu nên bắt đầu chuẩn bị cho các yêu cầu của EUDR ngay bây giờ.

EUDR sẽ áp dụng cho tất cả gỗ khai thác từ ngày 29/6/2023 và đưa vào thị trường EU sau ngày 30/12/2024. Bất kỳ gỗ nào được khai thác sau ngày 29/6/2023 nhưng được giao cho EU trước ngày 30/12/2024, đều phải tuân thủ EUTR.

Sau ngày 30/12/2024, các nhà xuất khẩu sẽ cần cung cấp các thông tin và tài liệu sau để tuân thủ các yêu cầu của EUDR. Nếu thiếu thông tin và bằng chứng cần thiết, cơ quan hải quan sẽ không giải phóng gỗ để nhập khẩu vào EU.

- Mô tả sản phẩm, bao gồm tên chung của loài và tên khoa học đầy đủ
- Số lượng, theo kilôgam, khối lượng hoặc số lượng mặt hàng, hoặc đơn vị bổ sung theo mã Hệ thống hài hòa
- Nước sản xuất
- Tọa độ địa lý của tất cả các lô đất nơi gỗ được khai thác.
- Ngày hoặc thời gian thu hoạch, phạm vi
- Thông tin kết luận và có thể kiểm chứng rằng gỗ đã được khai thác hợp pháp theo luật pháp liên quan của quốc gia
- Thông tin kết luận và có thể kiểm chứng rằng gỗ không có nạn phá rừng

1.2. VPA FLEGT

Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) là hiệp định thương mại có tính chất ràng buộc về mặt pháp lý nhằm mục tiêu cải thiện quản trị rừng và thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp từ Việt Nam sang EU. Theo VPA, Việt Nam sẽ xây dựng hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ (VNTLAS) để xác minh gỗ xuất khẩu là gỗ hợp pháp, và EU chỉ chấp nhận gỗ hợp pháp được cấp phép FLEGT nhập khẩu vào EU khi VPA được ký kết và hệ thống cấp phép đi vào vận hành.

Nội dung chính của VPA là các cam kết chi tiết về việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp của Việt Nam, cho phép xác minh sản phẩm gỗ hợp pháp, từ đó cấp phép FLEGT cho các sản phẩm này. Sau khi hệ thống VNTLAS đã đi vào vận hành và hệ thống cấp phép FLEGT hoạt động, chỉ có sản phẩm gỗ đã được cơ quan có thẩm quyền của VN cấp giấy phép FLEGT mới được phép XK vào EU. Phía EU cũng sẽ chỉ cho phép gỗ Việt Nam đã được cấp giấy phép FLEGT vẫn còn hiệu lực vào EU. Gỗ và sản phẩm gỗ được cấp phép FLEGT đương nhiên đáp ứng các tiêu chuẩn của EU về gỗ (EUTR).

VPA định nghĩa “gỗ được sản xuất một cách hợp pháp” là sản phẩm gỗ được khai thác hay nhập khẩu và chế biến tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, được nêu rõ trong định

nghĩa hợp pháp và các điều khoản thích hợp khác của VPA. Trong trường hợp gỗ nhập khẩu, “gỗ được sản xuất chế biến hợp pháp” có nghĩa là sản phẩm gỗ được khai thác, chế biến, và xuất khẩu tuân thủ pháp luật của nước khai thác (bao gồm quyền khai thác, hoạt động lâm nghiệp, thuế, phí, thương mại và hải quan). Định nghĩa hợp pháp trong VPA nêu các yêu cầu cơ bản của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với gỗ về mặt nguyên tắc, tiêu chí, và bằng chứng xác minh. Tất cả các yếu tố và tiêu chí nêu trong định nghĩa tính hợp pháp cần phải được tuân thủ thì gỗ và sản phẩm gỗ đó mới được coi là sản xuất hợp pháp. Định nghĩa tính hợp pháp trong VPA được chia thành hai phần: “tổ chức” (các chủ thể đăng ký là doanh nghiệp hay hợp tác xã) và “hộ gia đình” (bao gồm các hộ cá thể, cá nhân, và cộng đồng thôn cư).

VNTLAS là cốt lõi của VPA, đây là hệ thống đảm bảo các sản phẩm gỗ được xác minh hợp pháp dựa trên những yêu cầu cụ thể trong toàn bộ chuỗi cung, từ khi gỗ còn trong rừng hay từ thời điểm gỗ được nhập khẩu cho đến điểm cuối cùng là xuất khẩu hay gỗ được bán ra. Phạm vi kiểm soát của VNTLAS áp dụng cho:

- Tất cả các nguồn gỗ được liệt kê trong Phần 2.1.1 Phụ lục V của VPA.
- Tất cả các loại sản phẩm gỗ được liệt kê trong Phụ lục I.
- Tất cả các nhà khai thác (tổ chức và hộ gia đình) trong chuỗi cung ứng gỗ.

Phân loại tổ chức (OCS) là một cấu phần không thể tách rời của Hiệp định VPA/FLEGT, với tổng số khoảng 4800 doanh nghiệp hiện nay trên toàn quốc tham gia vào chuỗi cung ứng gỗ. Hoạt động nhập xuất lâm sản diễn ra hàng ngày liên tục, mọi lúc mọi nơi theo yêu cầu đòi hỏi của thị trường nội địa cũng như xuất khẩu. Do vậy, để đảm bảo chủ động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và khuyến khích các doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật, nhưng vẫn đảm bảo được nguyên tắc gỗ được sản xuất và lưu thông tuân thủ định nghĩa gỗ hợp pháp. Thì phương pháp xác minh dựa trên rủi ro là một giải pháp tối ưu, theo đó phân loại tổ chức để xác định mức độ rủi ro của các tổ chức nhằm đáp ứng tốt các yêu cầu trên Mục tiêu của phân loại tổ chức là (a) đánh giá mức độ rủi ro của tất cả các tổ chức thuộc VNTLAS đến việc tuân thủ đầy đủ yêu cầu của LD nhằm có biện pháp xác minh phù hợp trước khi cấp phép FLEGT một cách hiệu quả và kịp thời và (b) đánh giá việc tuân thủ pháp luật của tổ chức theo các bằng chứng tĩnh và bằng chứng

động như được mô tả trong LD; và (c) giảm bớt thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức.

2. Quy định pháp luật về điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại của EU

2.1. Cơ sở pháp lý

Quy định về chống lẩn tránh thuế đầu tiên của EU được ban hành năm 1987 để chống lại việc Nhật Bản thành lập các nhà máy lắp ráp (screwdriver) tại EU. Năm 1990, một ban hội thẩm GATT đã kết luận rằng các quy định này là không phù hợp với GATT và EU đã ngừng sử dụng quy định này.

Sau đó, EU đã sửa đổi quy định của mình, hiện nay, EU có quy định riêng về chống lẩn tránh thuế CBPG/CTC tại 2 văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: *Điều 13* của Luật chống bán phá giá của EU (Quy định 2016/1036) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa bán phá giá từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” và *Điều 23* của Luật Chống trợ cấp của EU (Quy định 2016/1037) của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu ngày 8 tháng 6 năm 2016 về “Bảo vệ trước hàng hóa trợ cấp từ các nước không phải thành viên của Liên minh Châu Âu” là cơ sở các quy định nội luật của EU về chống lẩn tránh thuế CBPG, CTC.

Về cơ bản, các quy định về chống lẩn tránh thuế trong hai văn bản nói trên là giống nhau (định nghĩa lẩn tránh thuế, các điều kiện quan trọng chứng minh tồn tại hành vi lẩn tránh thuế, quy trình thủ tục liên quan đến việc khởi xướng và tiến hành điều tra, thời hạn điều tra, điều kiện loại trừ áp thuế cho những công ty không lẩn tránh, thủ tục áp thuế...), chỉ có điểm khác là hành vi lẩn tránh thuế CTC (*Điều 23* của Luật chống trợ cấp EU) không bao gồm hoạt động lắp ráp như trong hành vi lẩn tránh thuế CBPG quy định tại *Điều 13 (2)* của Luật chống bán phá giá.

2.2. Các hình thức lẩn tránh thuế

Quy định về chống lẩn tránh thuế CBPG của EU đưa ra hai định nghĩa về lẩn tránh thuế. Một định nghĩa về hình thức lẩn tránh thuế truyền thống (tức là lẩn tránh bằng hoạt động lắp ráp), và một định nghĩa chung về các hình thức lẩn tránh thuế khác. Mỗi định nghĩa đưa ra nhiều điều kiện cần xác định để có thể áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế. Khác với Hoa Kỳ, EU phân biệt khá rõ giữa lẩn tránh thuế CBPG và lẩn tránh thuế CTC. Cụ thể như sau:

2.2.1. Lẩn tránh thuế chống bán phá giá

Thuế CBPG có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự (dù có thay đổi nhỏ hay không) nhập khẩu từ nước thứ 3 hoặc (ii) sản phẩm tương tự thay đổi nhỏ hoặc linh kiện nhập khẩu từ nước bị áp thuế CBPG hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lẩn tránh thuế, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về xu hướng thương mại giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự thay đổi nhỏ của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc chuyển tải sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu thay đổi mô hình và kênh bán hàng ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông qua các nhà sản xuất được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn, việc lắp ráp linh kiện tại EU hoặc tại nước thứ 3.

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) có bằng chứng về phá giá liên quan đến trị giá thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

Hộp 3. Hoạt động lắp ráp trong EU

Hoạt động lắp ráp trong EU hoặc từ nước thứ 3 có thể bị xem xét là lẩn tránh thuế (*Điều 13(2) Quy định 1036*) (chỉ đối với điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá) trong trường hợp:

- Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi khởi xướng điều tra phá giá và các bộ phận liên quan là nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp; và

- Các bộ phận/linh kiện cấu thành 60% hoặc hơn tổng trị giá bộ phận của sản phẩm lắp ráp, ngoại trừ trường hợp trị giá gia tăng của các bộ phận trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện cao hơn 25% chi phí sản xuất và

- Tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự được lắp ráp và có bằng chứng về phá giá liên quan đến giá trị thông thường đã xây dựng từ trước đối với sản phẩm tương tự.

2.2.2. Lẩn tránh thuế chống trợ cấp

Thuế chống trợ cấp có thể được mở rộng đối với: (i) sản phẩm tương tự nhập khẩu từ nước thứ 3, dù sản phẩm đó được sửa đổi nhỏ hay không; hoặc (ii) sản phẩm được sửa đổi nhỏ/linh kiện nhập khẩu từ nước đang bị áp dụng biện pháp hoặc (iii) với hàng nhập khẩu của công ty được hưởng thuế suất riêng rẽ của nước bị áp thuế (không vượt quá mức thuế cao nhất), khi xảy ra hành vi lẩn tránh thuế CTC, nghĩa là:

(a) có sự thay đổi về xu hướng thương mại giữa nước thứ 3 với EU hoặc giữa các công ty riêng rẽ ở nước bị áp thuế với EU xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế xuất phát từ một hoạt động, quá trình hay công việc không liên quan đến các yếu tố kinh tế mà là do áp dụng thuế; trong đó hoạt động, quá trình hay công việc bao gồm: sự thay đổi nhỏ của sản phẩm liên quan để khiến sản phẩm thuộc mã hải quan không bị áp thuế (với điều kiện việc thay đổi này không làm thay đổi các đặc điểm cơ bản), việc chuyển tải sản phẩm bị áp thuế qua nước thứ 3, việc nhà sản xuất/xuất khẩu thay đổi mô hình và kênh bán hàng ở nước bị áp thuế để xuất khẩu sản phẩm của mình sang EU thông qua các nhà sản xuất được hưởng mức thuế riêng rẽ thấp hơn;

và

(b) tồn tại bằng chứng về thiệt hại hoặc việc tác động của biện pháp đang bị suy giảm liên quan đến giá/lượng của sản phẩm tương tự và;

(c) sản phẩm tương tự hoặc linh kiện nhập khẩu này vẫn đang được hưởng lợi từ hành vi trợ cấp của chính phủ.

Do quy định về chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp về cơ bản là giống nhau nên nội dung phân tích dưới đây sẽ tập trung vào quy định về chống bán phá giá. Quy định về chống trợ cấp sẽ được hiểu là tương tự.

2.2.3. Các hành vi lẩn tránh

Hoạt động miễn thuế truyền thống (lắp ráp tại EU hoặc nước thứ 3) (Điều 13(2) Quy định 1036) (chỉ áp dụng với miễn thuế CBPG).

Trong quy định về miễn thuế trước đây của EU, chỉ có các hoạt động lắp ráp được tiến hành trong lãnh thổ EU mới bị điều tra. Tuy nhiên quy định mới của EU đã mở rộng hơn, cho phép điều tra các hoạt động lắp ráp tại *nước thứ 3* do EU cho rằng nếu không có quy định này, các nhà sản xuất sẽ có xu hướng mở nhà máy ở các nước thứ 3 thay vì tại EU khiến EU không thu hút được đầu tư, công ăn việc làm (quy định này chỉ áp dụng với điều tra chống miễn thuế CBPG không có quy định tương ứng tại điều tra chống miễn thuế CTC).

Một thay đổi khác trong luật chống miễn thuế mới của EU, đó là không cần phải xác định mối liên hệ giữa nhà lắp ráp và nhà sản xuất các sản phẩm bị áp thuế CBPG. Tuy nhiên, trên thực tế, đa số các vụ việc có thể vẫn có liên quan tới chi nhánh của các công ty bị áp dụng biện pháp CBPG ban đầu.¹⁹

Khi cả 5 điều kiện sau đây được đáp ứng, một hoạt động lắp ráp tại EU hoặc một nước thứ ba sẽ bị coi là miễn thuế biện pháp CBPG đang còn hiệu lực:

(i) Hoạt động lắp ráp được bắt đầu hoặc gia tăng đáng kể từ khi, hoặc ngay trước khi có lệnh khởi xướng điều tra CBPG ban đầu và các bộ phận liên quan từ nước đang bị áp dụng biện pháp.

Điều kiện này được quy định tại Điều 13(2) Quy định EC 2016/1036. Trước hết, phải hiểu cụm từ “khởi xướng điều tra CBPG”. Theo thực tiễn điều tra của EU, thuật ngữ “khởi xướng” trong điều kiện này có liên quan tới ngày thông báo khởi xướng điều tra của vụ việc điều tra CBPG ban đầu và/hoặc điều tra rà soát²⁰. Việc xác định thời gian này là cần thiết

¹⁹ Ví dụ, trong vụ việc Xe đạp Trung Quốc, (Council Regulation (EC) No 71/97), các linh kiện được nhập khẩu vào EU từ Trung Quốc để lắp ráp thành xe đạp (Trung Quốc lúc đó bị áp thuế CBPG với xe đạp). Nhà lắp ráp EU nhập khẩu xe đạp gần như nguyên chiếc, để tránh việc phải khai hàng hoá nhập khẩu là thành phẩm (xe đạp), mà sẽ bị áp thuế, bên xuất khẩu đã gửi các linh kiện ở các chuyến hàng khác nhau, gửi vào ngày khác nhau và thậm chí còn gửi đến các cảng khác nhau.

²⁰ Vụ việc Cân điện tử Nhật Bản, đoạn 11.

để so sánh thời điểm hoạt động lắp ráp bắt đầu với thời gian khởi xướng điều tra ban đầu hoặc khởi xướng điều tra rà soát²¹.

Tuy nhiên, Điều 13(2) không quy định cụ thể về thuật ngữ “*hoạt động bắt đầu*”. Điều này rõ ràng là có khả năng dẫn tới tranh cãi do có rất nhiều ngày trên thực tế có thể được coi là ‘ngày bắt đầu hoạt động’. Những ngày này có thể bao gồm: ngày mà kế hoạch đầu tư được thực hiện để xây nhà máy; ngày mà đất được mua để xây nhà máy; ngày mà nhà thầu xây dựng bắt đầu xây nhà máy; ngày mà nhà máy bắt đầu lắp ráp các linh kiện thành sản phẩm bị nghi ngờ... Trong hầu hết các trường hợp, mất nhiều thời gian để đưa ra quyết định kinh doanh, nghiên cứu kế hoạch kinh doanh và đáp ứng một số điều kiện trước khi bắt đầu sản xuất. Bên cạnh đó, diễn giải cụm từ ‘*ngay trước*’ như thế nào. Do đó, điều này sẽ khiến một số thuật ngữ trở nên mơ hồ và khó định nghĩa. Những vấn đề này thường được xác định theo từng vụ việc trên thực tế. Tuy nhiên, sẽ dẫn tới thẩm quyền không bị hạn chế của cơ quan điều tra (mà thường có xu hướng ‘chọn’ kết quả ‘tốt nhất’ cho ngành sản xuất trong nước). Hơn nữa, điều này cũng có tác động tiêu cực tới đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do thẩm quyền rộng này sẽ khiến cho các doanh nghiệp nước ngoài khó định đoán hơn và khó chắc chắn hơn về các kế hoạch kinh doanh trong tương lai của họ tại nước nhập khẩu.

Sau đó, CQĐT của EU (Ủy ban Châu Âu- European Commission EC) sẽ xác định xem sự gia tăng có phải đáng kể hay không thông qua xem xét tỉ lệ % gia tăng sản phẩm lắp ráp trong các năm sau khi khởi xướng điều tra ban đầu/điều tra rà soát và xu hướng chung của sản phẩm. EC không có quy định cụ thể thế nào được coi là “gia tăng đáng kể”, tuy nhiên

²¹ Trong vụ việc Bột lửa ga Trung Quốc (lắp ráp tại Macao), đoạn 59-60, vụ việc CBPG ban đầu được khởi xướng vào tháng 4/1990. Công ty lắp ráp được đăng ký kinh doanh vào tháng 4/1991, và bắt đầu sản xuất vào tháng 1/1992. Tuy nhiên, EC không thể tiếp tục điều tra do thị trường chính của nhà sản xuất vào lúc đó là Hoa Kỳ và bán rất ít sang EU. Thay vào đó, EC điều tra điều gì xảy ra sau khi khởi xướng rà soát vào tháng 12/1993. Sau sự kiện này, xuất khẩu sang EU đã tăng dần lên hơn 60 triệu cái vào năm 1997. Do đó, EC có thể xem xét tiêu chí tiếp theo. Qua vụ việc này, có thể hiểu cụm từ “khởi xướng vụ việc CBPG” có thể nói đến vụ điều tra ban đầu và vụ rà soát.

có thể tham khảo thông qua thực tiễn điều tra cho thấy tỷ lệ được coil à không đáng kể so với đáng kể có thể từ 4%-30% và có thể xem xét cả xu hướng chung của sản phẩm²². [4]

(ii) Các bộ phận chiếm ít nhất 60% tổng trị giá các bộ phận lắp ráp nên sản phẩm.

Điều kiện thứ hai được quy định tại Điều 13(2)(b), có nghĩa rằng nếu ít nhất 60% tổng trị giá của các bộ phận được sử dụng trong lắp ráp sản phẩm (nguyên liệu thô) được nhập khẩu từ nước bán phá giá thì bị coi là có lỗi tránh. Mẫu số là trị giá của tất cả các bộ phận (không xét đến xuất xứ) được sử dụng để làm ra sản phẩm trong thời kỳ điều tra (loại trừ lợi nhuận và chi phí chung), tử số là trị giá của tất cả các bộ phận nhập khẩu từ nước X (nước bị áp thuế chống bán phá giá). Điều kiện này không có nghĩa rằng 60% trị giá của sản phẩm đã hoàn thiện. Hơn nữa, không cần phải xem xét 40% còn lại đến từ đâu.

Thông thường EC sẽ yêu cầu một danh sách tất cả các bộ phận và giá mua vào và thông tin về xuất xứ của từng bộ phận.

Xuất xứ của các bộ phận: bao gồm các bộ phận xuất xứ từ nước bị áp thuế CBPG và các bộ phận chỉ được xuất khẩu, mua (sourced), ký gửi (consign) từ hoặc trung chuyển qua nước bị áp thuế chống bán phá giá. Các bộ phận được ký gửi từ nước bị áp thuế CBPG sẽ được coi là xuất xứ từ nước đó trừ khi bên gia công, lắp ráp cung cấp bằng chứng (như giấy chứng nhận xuất xứ, tuyên bố của bên cung cấp về xuất xứ, hoá đơn của nhà sản xuất và các tài liệu vận tải tương ứng, tài liệu thanh khoản hải quan...) cho thấy là những bộ phận này thực tế xuất xứ từ một nước không thuộc đối tượng áp biện pháp CBPG.

Trị giá của các bộ phận: Tất cả các yếu tố (dù là vật chất hay phi vật chất, ví dụ như phần mềm) mà được chuyển hoá vào sản phẩm thì được coi là bộ phận của sản phẩm. Trị giá được xác định trên cơ sở “vào nhà máy, đã trả thuế”, nghĩa là gồm cả tiền vận chuyển,

²² Ví dụ trong vụ việc với máy photocopy của Nhật Bản, lượng máy lắp ráp tại EU chỉ tăng 4% thì không bị coi là đáng kể. Một nhà sản xuất khác lập luận rằng sự gia tăng 30% không phải là đáng kể vì phù hợp với xu hướng của những năm trước nhưng EC bác bỏ lập luận này vì cho rằng tỷ lệ gia tăng 30% của 1 số lớn thì lớn hơn (về mặt giá trị tuyệt đối) so với số nhỏ. Trong vụ việc với Ổ bi (1989), lượng hàng lắp ráp tại 2 nhà máy tăng hơn 24% trong năm đầu tiên sau khi khởi xướng vụ việc và trong 2 năm đầu tiên tăng hơn 40% so với giai đoạn 4 năm trước thì tỷ lệ tăng chỉ là 0% và 2,3% tương ứng, vì vậy tỷ lệ này được coi là đáng kể.

thuế hải quan, vận chuyển nội địa và các chi phí khác liên quan đến vận chuyển các bộ phận tới bên lắp ráp, gia công (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói).

Các tranh luận xoay quanh một số vấn đề như sau:

- Liệu các bộ phận phải xuất xứ từ nước bán phá giá để đáp ứng điều kiện 60% hay là chỉ cần chúng được ký gửi từ nước đó. Trên thực tế, EC xem xét xuất xứ của sản phẩm, các bộ phận chỉ đơn thuần được chuyển từ nước bán phá giá sẽ không thuộc phạm vi cuộc kiểm tra 60% và bằng chứng về xuất xứ theo quy định này dựa hoàn toàn vào nhà nhập khẩu.

- Xuất xứ của một bộ phận cần được xác định ở mức độ như thế nào. Một sản phẩm có thể chỉ là: (i) một bộ phận đơn lẻ hoặc (ii) một bộ các linh kiện/bộ phận riêng rẽ. Trong trường hợp (ii), mỗi bộ phận phải được chứng minh xuất xứ riêng rẽ.

- Không rõ là tại sao lại lựa chọn con số 60% mà không phải con số khác. Do không có bằng chứng giải thích con số này, không có sự khác nhau lắm giữa việc một công ty mà có tỷ lệ là 59,9% và một công ty có tỷ lệ là 60,1%. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu 2 công ty này sẽ bị đối xử khác nhau không, theo quy định hiện hành của EU, do 1 công ty sẽ không bị áp biện pháp chống lẩn tránh trong khi công ty kia thì bị.

- Phép thử 60% yêu cầu xác định bộ phận nào là từ nước đang bị lệnh áp thuế. Do đó, việc xác định xuất xứ của các bộ phận là vấn đề quan trọng trong cuộc điều tra này. Tuy nhiên, điều này làm phức tạp tình hình đặc biệt là khi việc cấu thành các linh kiện riêng lẻ là phức tạp. Cách tiếp cận hiện nay, gọi là 'phép thử phá hủy- destruction'²³- một bộ phận mà không thể lấy ra mà không phá hỏng bất kỳ các bộ phận nào khác thì được coi là 'một bộ phận đơn nhất- single part' và có 1 xuất xứ dù nó có nhiều bộ phận con có nhiều xuất xứ khác nhau; còn trong trường hợp có thể tách riêng thì sẽ được xem xét trong từng trường

23 Vụ việc Cân điện tử (Nhật Bản), đoạn 13. Trong vụ việc này, CQĐT xác định là bảng mạch in được coi là tập hợp của các bộ phận do đó xuất xứ và trị giá của từng bộ phận trong đó được xác định riêng rẽ và xác định theo dữ liệu trước khi được lắp vào bảng mạch, còn cảm biến cân thì được coi là 1 bộ phận do nếu tách riêng thì sẽ làm hỏng các bộ phận cấu thành do đó xuất xứ của bộ phận này là xuất xứ của nước lắp ráp với trị giá được tính bằng chi phí các linh kiện nhập khẩu+ chi phí nhân công trực tiếp và chi phí nhà máy.

hợp cụ thể và đôi lúc xuất xứ của bộ phận này có thể dựa trên xuất xứ của các bộ phận con. Mặc dù thực tế là cách tiếp cận 'phá hủy' trên phân biệt được một bộ phận đơn nhất và một bộ phận có nhiều bộ phận con, không rõ là liệu có áp dụng phép thử 60% cho phép thử này không và nếu có thì như thế nào. Ngoài ra, (i) liệu một bộ phận hoàn chỉnh mà có trên 60% các bộ phận nhỏ là từ nước đang bị áp thuế thì có thể coi là có xuất xứ từ nước đó hay không; (ii) liệu tỷ lệ % của từng bộ phận con có được cộng gộp hoặc bình quân gia quyền khi áp dụng phép thử 60%. Ví dụ, 30% của một bộ phận con là từ nước bị áp thuế và 40% của 1 bộ phận con khác cũng từ nước bị áp thuế. Phép thử 60% sẽ đáp ứng nếu được cộng gộp, mà kết quả nếu tính bình quân gia quyền thì lại không đáp ứng phép thử 60%. Một câu hỏi tương tự mà phép thử 60% cũng đặt ra là trong trường hợp các bộ phận liên quan đến xuất xứ nhiều nước. Giả dụ các linh kiện bị nghi ngờ lẫn tránh có xuất xứ từ hơn 2 nước và tất cả các nước này đều bị áp thuế, và cũng giả sử các linh kiện từ mỗi một nước nêu trên <60%. Do đó, câu hỏi sẽ là liệu phép thử 60% sẽ chỉ áp cho các linh kiện 'từ 1 nước' hay các linh kiện từ một vài nước sẽ được cộng gộp. Cũng có vấn đề nếu phép thử này chỉ áp cho các bộ phận có xuất xứ từ 1 nước do nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài có thể dễ dàng thoát khỏi phép thử bằng cách đơn giản là sử dụng các bộ phận kết hợp liên quan đến xuất xứ nhiều nước nhưng hạn chế dùng các linh kiện từ từng nước mà <60%. Điều này rõ ràng là sẽ làm cho quy định này không có hiệu quả.

- Cuộc kiểm tra 60% phải được tính toán trong thời kỳ nào. Về nguyên tắc, thời kỳ điều tra sẽ là thời kỳ để kiểm tra tỉ lệ 60%. [6] Tuy nhiên, trên thực tế có thể có một số ngoại lệ khi cơ quan điều tra thấy cần thiết và có thể sẽ ủng hộ bên bị kiện. [7]

(iii) Trị giá gia tăng của các bộ phận thêm vào, trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện, nhiều nhất là 25% của chi phí sản xuất

Tiêu chí thứ ba này được quy định tại Điều 13(2) (b) được xem như một ngoại lệ của phép thử 60% nói trên. Mục tiêu của phép thử 25% này là để chứng minh có sự thay đổi đáng kể (substantial transformation) của sản phẩm. Kể cả khi 60% linh kiện của sản phẩm lắp ráp là từ nước X (nước bị áp thuế), có thể không xảy ra hành vi lẫn tránh thuế nếu hoạt động gia công ở EU/ở nước thứ 3 làm tăng 25% trị giá của sản phẩm liên quan. [8]

Nói cách khác, để kết luận không có hành vi lẫn tránh thuế, trị giá gia tăng của các bộ phận lắp ráp trong quá trình lắp ráp hoặc hoàn thiện phải lớn hơn 25% chi phí sản xuất của sản phẩm thành phẩm. Không có quy định về diễn giải cụ thể liên quan đến thuật ngữ 'chi phí sản xuất'. Mặc dù thuật ngữ chi phí sản xuất rất quan trọng để chứng minh có lẫn tránh

hay không nhưng việc không có hướng dẫn cụ thể về thuật ngữ này cho phép cơ quan điều tra có thẩm quyền rộng trong diễn giải và do đó là trong kết quả cuối cùng của vụ điều tra. Do EC không công bố cách thức tính toán trong phần kiểm tra này do đó không có câu trả lời cho câu hỏi liệu trị giá của các bộ phận được sản xuất trong chính nhà máy lắp ráp (xuất xứ EU hoặc nước thứ 3) sẽ được tính vào tỉ lệ 25% hay không (thông thường được hiểu là có tính). Có hai cách hiểu:

- Trị giá gia tăng được tính toán là chi phí sản xuất (không phải là chi phí nguyên liệu), bao gồm chi phí nhân công trực tiếp, chi phí khấu hao và các chi phí sản xuất chung khác phát sinh trong nhà máy lắp ráp liên quan đến những linh kiện, bộ phận này (loại trừ chi phí đóng gói) phải chiếm ít nhất 25% tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Các trị giá của các bộ phận có xuất xứ EU hay trị giá của các bộ phận khác đều không có liên quan khi tính toán trị giá gia tăng.

- Chi phí sản xuất được tính bằng chi phí mua các linh kiện (theo điều kiện thương mại thông thường) + chi phí lao động + chi phí chung của nhà máy (loại trừ chi phí nguyên liệu đóng gói và chi phí hành chính, chi phí chung, chi phí bán hàng (SG&A), lợi nhuận). Trong trường hợp này: chi phí của các linh kiện xuất xứ trong nước (EU/nước thứ 3) cũng có thể được cộng vào để đạt tỷ lệ 25%.

(iv) Giảm hiệu quả khắc phục của lệnh áp thuế ban đầu liên quan tới giá/lượng của các sản phẩm tương tự lắp ráp; và

(v) Có bằng chứng của việc bán phá giá liên quan đến trị giá thông thường được xác định đối với sản phẩm tương tự bị điều tra trước đó.

Ba điều kiện ban đầu đóng vai trò then chốt. Hai điều kiện (iv) và (v) này sẽ được đề cập trong phần tiếp theo do đây là các điều kiện giống nhau ở cả hai hình thức lẫn tránh thuế.

2.3. Cơ quan điều tra

Ủy ban châu Âu (European Commission- EC) là cơ quan hành pháp của Liên minh Châu Âu (EU), có chức năng điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ (phòng vệ thương mại). EC được tổ chức thành các Tổng Vụ (Directorate General), mỗi Tổng Vụ chịu trách nhiệm về một lĩnh vực, có chức năng soạn thảo, đề xuất, áp dụng và quản lý các chính

sách, luật pháp và các chương trình tài trợ của EU, trong đó lĩnh vực PVTM thuộc Tổng Vụ Thương mại (DG Trade).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Vụ Thương mại bao gồm 8 Vụ phụ trách chuyên môn trong đó có một Vụ chuyên trách về Phòng vệ thương mại (Directorate H- Vụ H). Vụ H được chia thành 5 phòng trực thuộc, trong đó có một phòng chuyên phụ trách điều tra các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế là **Phòng H3** (Unit H3)²⁴.

Ủy ban Tư vấn về Chống bán phá giá và Chống trợ cấp (Advisory Committee)

- Thành phần: Bao gồm các đại diện của các nước thành viên EU, mỗi quốc gia có 1 đến 2 đại diện tham gia và một đại diện của Ủy ban Châu Âu đóng vai trò là chủ tịch Ủy ban Tư vấn; - Hoạt động: Ủy ban tư vấn mỗi tháng họp khoảng +/- 1 lần, một năm có khoảng 15 cuộc họp; - Chức năng Ủy ban Tư vấn có chức năng đưa ra ý kiến tham vấn/góp ý (khi được yêu cầu hoặc khi pháp luật quy định việc tham vấn bắt buộc) cho Ủy ban châu Âu về các kết luận điều tra và các đề xuất áp thuế/không áp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp. Ý kiến này không có giá trị bắt buộc nhưng cơ quan có thẩm quyền ra quyết định liên quan phải tính đến ý kiến của Ủy ban khi ban hành quyết định.

Hội đồng Châu Âu (European Council): - Thành phần: Hội đồng Châu Âu, bao gồm 27 thành viên (là các Bộ trưởng trong lĩnh vực liên quan), mỗi thành viên là đại diện chính thức cho một quốc gia thành viên (lá phiếu của thành viên đó được xem là lá phiếu của nước liên quan) - Thẩm quyền: Hội đồng châu Âu có quyền quyết định trong các vấn đề sau: + Quyết định áp đặt biện pháp phòng vệ thương mại chính thức; + Quyết định về kết quả các lần rà soát giữa kỳ và rà soát cuối kỳ (rà soát hàng năm) - Hoạt động: Quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá (quyết định chính thức sau điều tra ban đầu, rà soát giữa kỳ hoặc rà soát cuối kỳ) của Hội đồng Châu Âu được xem là tự động (theo đề xuất của Ủy ban Châu Âu) trừ khi có đa số thành viên Hội đồng (tức là ít nhất 14/27 nước thành viên) bác bỏ đề xuất áp dụng biện pháp phòng vệ trong vòng 1 tháng kể từ ngày Ủy ban châu Âu đệ trình đề xuất (trong cuộc họp của Hội đồng được tổ chức trong thời gian đó).

Tòa án châu Âu Các tổ chức, cá nhân có thể kháng kiện quyết định áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại ra Tòa án Sơ thẩm châu Âu (Court of First Instance – CIC) và sau đó, nếu tiếp tục kháng án, ra Tòa án Công bằng châu Âu (European Court of Justice - ECJ) (là

²⁴ https://ec.europa.eu/info/sites/info/files/organisation_charts/organisation-chart_dg-trade_en.pdf

cấp tòa tối cao của EU). Các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia thành viên: Các nước thành viên tuy không được chủ động tham gia vào quá trình điều tra và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của EU như các cơ quan của EU nói trên nhưng cơ quan có thẩm quyền của các nước này có trách nhiệm: - Phối hợp với Ủy ban châu Âu trong hoạt động điều tra của cơ quan này; - Thực thi các quyết định áp đặt thuế chống bán phá giá (chính thức hoặc tạm thời); Thực hiện một số quyền yêu cầu liên quan đến các thủ tục rà soát sau khi áp dụng biện pháp chính thức (ví dụ yêu cầu rà soát giữa kỳ, rà soát hàng năm...).

Ảnh hưởng của “cơ chế liên minh” trong EU đối với việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại?

Trong thương mại quốc tế, EU là một liên minh thuế quan thống nhất (như một quốc gia trong quan hệ thương mại với các quốc gia khác không phải thành viên EU). Vì vậy các quy định về biện pháp phòng vệ thương mại và việc thực thi, áp dụng các biện pháp đó được thực hiện thống nhất và chung cho tất cả các nước thành viên EU. Điều này có nghĩa là nếu EU điều tra và ra quyết định áp thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng X của nước A thì mặt hàng X sẽ phải chịu thuế này khi nhập khẩu vào bất kỳ nước nào thuộc EU.

Hộp 4. Lưu ý đối với doanh nghiệp

1. Điểm bất lợi: Lãnh thổ sẽ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại lớn hơn nhiều (bao gồm tất cả các nước trong liên minh).

2. Điểm có lợi: “Cơ chế liên minh” này của EU thể hiện cả trong quá trình ra quyết định áp thuế. Điều này có nghĩa là việc áp thuế phải tính đến ý kiến của tất cả các nước thành viên (theo quy định đề xuất áp dụng BPPV sẽ không được chấp nhận nếu đa số các nước bác bỏ đề xuất này). Trong khi đó, trên thực tế, mỗi nước thành viên lại có lợi ích khác nhau đối với việc nhập khẩu một mặt hàng nhất định, nên việc áp dụng các biện pháp PVTM ở EU thường gây tranh cãi và doanh nghiệp có thể tận dụng vận động các đối tượng, nước có cùng lợi ích để phản đối BPPV, nếu có.

2.4. Quy trình, thủ tục điều tra

2.4.1. Khởi xướng điều tra và đăng ký nhập khẩu

2.4.1.1. Khởi xướng điều tra

- Dựa trên đơn yêu cầu: Sau khi đơn yêu cầu được nộp tới CQĐT (bởi một nước thành viên hoặc nhà sản xuất EU), EC sẽ xem xét đơn yêu cầu và quyết định khởi xướng trong trường hợp kiểm tra thấy rằng có chứng cứ đủ để chứng minh hành vi lẩn tránh thuế (5 điều kiện). Trong trường hợp nhà sản xuất EU nộp đơn, không cần đáp ứng yêu cầu về tính đại diện (standing) như trong cuộc điều tra ban đầu và rà soát cuối kỳ. Việc khởi xướng điều tra phải được thực hiện chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu điều tra.

- Tự khởi xướng: EC có thể tự khởi xướng nếu thấy cần thiết.

EC có trách nhiệm phải thông báo cho các nước thành viên khi nhận được đơn yêu cầu khởi xướng/tự khởi xướng. Ủy ban tư vấn về chống bán phá giá và chống trợ cấp (Advisory Committee) bao gồm đại diện của các nước thành viên EU sẽ được tham vấn trước khi EC khởi xướng điều tra.

Thông báo khởi xướng điều tra được đăng trên Công báo của EU.

2.4.1.2. Đăng ký nhập khẩu:

Theo Điều 13(4) và Điều 14(5) Luật chống bán phá giá và Điều 23(3), 24(5) Luật chống trợ cấp.

Vào thời điểm khởi xướng điều tra chống lẩn tránh, hàng hóa nhập khẩu bị điều tra phải được đăng ký nhập khẩu (bởi nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu nếu hành vi lẩn tránh bị cáo buộc được thực hiện tại EU) (hoặc có thể yêu cầu bảo lãnh). EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, hướng dẫn cơ quan hải quan về việc đăng ký hoặc đảm bảo cho hàng nhập khẩu. 'Hệ thống đăng ký' nhằm mục đích đưa ra ngày cụ thể để áp thuế chống lẩn tránh.

Trong hầu hết các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế, ngay cả trong các vụ việc do EC tự khởi xướng, việc đăng ký nhập khẩu được thực hiện đồng thời với thời gian khởi xướng điều tra nhằm đảm bảo việc truy thu thuế, trong trường hợp hành vi lẩn tránh thuế được xác định. Việc đăng ký có thể chỉ giới hạn ở một phần của sản phẩm bị điều tra (ví dụ trong vụ Xe đạp từ Trung Quốc, cuộc điều tra chống lẩn tránh liên quan đến một số bộ phận

nhưng việc đăng ký chỉ giới hạn ở 4 bộ phận chính). Có thể yêu cầu *loại trừ đăng ký* trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cần có bằng chứng đầy đủ để đăng ký cho hàng nhập khẩu. EC sẽ xem xét liệu việc đồng ý cho đăng ký, dựa trên yêu cầu từ ngành sản xuất trong nước, có cần thiết hay không khi xác định việc khởi xướng điều tra chống lẩn tránh. EC sau đó sẽ công bố quy định chỉ ra mục đích của việc đăng ký và khoản tiền dự tính phải nộp. Việc đăng ký thông thường không dài hơn 9 tháng.

2.4.2. Bản câu hỏi điều tra

2.4.2.1. Lựa chọn bị đơn bắt buộc

Trong trường hợp số đương sự (nguyên đơn, các nhà xuất khẩu, các nhà nhập khẩu quá đông) hoặc có quá nhiều loại sản phẩm hoặc giao dịch cần điều tra thì việc điều tra sẽ được hạn chế trong một số lượng nhất định các chủ thể, giao dịch hoặc loại sản phẩm.

Yêu cầu

Việc lựa chọn "mẫu" này được thực hiện trên cơ sở những thông tin sẵn có tại thời điểm tiến hành việc lựa chọn và cần đảm bảo tính đại diện ở mức cao nhất có thể.

Thủ tục

Ủy ban châu Âu có quyền đưa ra quyết định cuối cùng về việc lựa chọn mẫu này.

Tuy nhiên, pháp luật EU khuyến khích cơ quan này tham vấn ý kiến các bên về vấn đề này và đưa ra quyết định với sự đồng thuận của các bên (với điều kiện là các bên đã tự giới thiệu về mình cho Ủy ban châu Âu và cung cấp những thông tin cần thiết tạo điều kiện cho việc lựa chọn mẫu có tính đại diện).

- Trong trường hợp tỷ lệ không hợp tác của các bên được lựa chọn quá cao đến mức có thể ảnh hưởng đến kết quả điều tra thì Ủy ban châu Âu sẽ tiến hành chọn mẫu lại;

- Nếu các bên được lựa chọn mới vẫn tiếp tục không hợp tác và không còn đủ thời gian để tiến hành việc lựa chọn lại thì Ủy ban châu Âu xử lý như với trường hợp không hợp tác thông thường.

2.4.2.1. Gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng, EC phải gửi bản câu hỏi điều tra tới các bên liên quan. Thời hạn các bên liên quan gửi bản trả lời: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

Cơ quan điều tra có thể chọn mẫu để điều tra hoặc có thể không chọn mẫu mà điều tra tất cả các nhà sản xuất/xuất khẩu. Trong trường hợp không chọn mẫu, tất cả các nhà sản xuất đều phải tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra nếu muốn đạt được kết quả tích cực.

Trường hợp vụ điều tra có hoạt động chọn mẫu (chỉ lựa chọn một số lượng hạn chế các doanh nghiệp bị đơn để tiến hành điều tra) thì Bảng câu hỏi điều tra chỉ được gửi đi sau khi đã có kết quả chọn Nhóm Mẫu (thường là khoảng 1 tháng sau khi có thông báo khởi xướng điều tra) và chỉ được gửi cho các doanh nghiệp bị đơn thuộc Nhóm Mẫu.

Trong mọi trường hợp (kể cả có chọn mẫu) Bảng câu hỏi điều tra sẽ được gửi ngay cho các cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu liên quan ngay sau khi Bảng này được hoàn thành. Vì vậy các doanh nghiệp bị đơn tại nước xuất khẩu có thể tiếp cận cơ quan có thẩm quyền nước mình để lấy Bảng câu hỏi điều tra này trong trường hợp chưa nhận được.

Các bên liên quan muốn được tham gia vào cuộc điều tra (các nhà xuất khẩu và nhập khẩu) có thể tự trình báo với EC trong vòng 15 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và yêu cầu được gửi và trả lời bản câu hỏi điều tra. Các bên liên quan này cũng phải nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra và có thể yêu cầu tổ chức phiên điều trần trong thời gian này.

2.4.2.2. Nộp đơn xin hưởng loại trừ

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ được quy định tại Điều 13(4) của Luật chống bán phá giá và Điều 23(3) của Luật chống trợ cấp.

Trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra, các bên liên quan có quyền nộp đơn xin hưởng loại trừ (kể cả đề nghị loại trừ đăng ký) cùng với các bằng chứng chứng minh sản phẩm của họ không lẫn tránh thuế ban đầu. Việc loại trừ là cho từng công ty.

Yêu cầu loại trừ có thể được thực hiện bởi:

+ nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu, nhà lắp ráp hoặc trong một số trường hợp đặc biệt là các công ty thương mại (nếu hành vi lẫn tránh thuế được thực hiện trên lãnh thổ EU).

+ nhà sản xuất xuất khẩu ở nước X (nước bị áp thuế) hoặc nước thứ 3 (nếu hành vi lẫn tránh thuế được thực hiện ngoài EU).

Việc loại trừ được cấp cho các nhà sản xuất nước ngoài của sản phẩm bị nghi ngờ mà không liên quan đến bất kỳ nhà sản xuất nào đang chịu lệnh áp thuế và không tiến hành hành vi lẩn tránh hoặc cho nhà nhập khẩu mà không liên quan tới nhà sản xuất đang chịu lệnh áp thuế.

Một *nhà xuất khẩu mới* có thể xin miễn trừ sau cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế theo “nguyên tắc rà soát nhà xuất khẩu mới”.

Trong trường hợp việc loại trừ được cấp cho một công ty trong quá trình điều tra, công ty này sẽ không phải trả thuế mở rộng trong tương lai và việc đăng ký nhập khẩu của công ty này cũng kết thúc mà không phải đóng thuế hồi tố.

Cần lưu ý rằng việc loại trừ cũng có thể bị bác bỏ nếu EC phát hiện ra rằng bên được loại trừ đang lẩn tránh thuế hoặc vi phạm các nghĩa vụ của họ. Trường hợp ngoại lệ, vụ Coumarin từ Trung Quốc: nhà xuất khẩu Ấn Độ nhập khẩu coumarin từ Trung Quốc, làm sạch và xuất khẩu sang EU. Bên cạnh đó, nhà xuất khẩu này cũng sản xuất coumarin ở Ấn Độ và xuất khẩu sang EU. Do việc xác định nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm (Trung Quốc hay Ấn Độ) là khó khăn và do sản phẩm có thể có nấm, EC đã chấp nhận cam kết giá và công ty có thể bán sản phẩm xuất xứ Ấn Độ với mức giá trần nhất định (dựa trên lượng xuất khẩu trong thời kỳ điều tra chống lẩn tránh thuế) mà không phải nộp thuế chống lẩn tránh. Ngoài ra, công ty cũng không bị áp thuế hồi tố dù phải đăng ký.

Công ty xin hưởng loại trừ cũng phải trả lời một bản câu hỏi điều tra và phải tham gia thẩm tra (nếu cần thiết).

Đơn đề nghị loại trừ phải được nộp trong khoảng thời gian quy định tại thông báo khởi xướng điều tra. EC, sau khi tham vấn với Ủy ban Tư vấn, sẽ xác định liệu việc loại trừ đó có được phép trong giai đoạn đăng ký. Tuy nhiên, quyền đưa ra kết luận này sẽ được EC thực hiện nếu đơn kiện được nộp trong giai đoạn áp thuế.

Việc nộp đơn xin hưởng loại trừ cũng có thể được thực hiện sau khi áp thuế chống lẩn tránh (mở rộng áp thuế CBPG/CTC) (đối với các doanh nghiệp không xuất khẩu trong thời kỳ điều tra và các doanh nghiệp khác). Nếu được cấp loại trừ, thuế không được thu từ ngày yêu cầu loại trừ.

Trong trường hợp loại trừ được cấp, hàng nhập khẩu từ nhà xuất khẩu được loại trừ sẽ không phải nộp thuế nếu có hoá đơn thương mại hợp lệ bao gồm tất cả các yếu tố mà

EC thường yêu cầu tại Phụ lục quyết định mở rộng biện pháp (tên công ty, mô tả chính xác hàng hoá, xác nhận bởi công ty là hàng do chính công ty sản xuất).

Sau một năm kể từ khi áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế, và trong trường hợp số lượng các bên yêu cầu hoặc có thể yêu cầu loại trừ là nhiều đáng kể, EC có thể khởi xướng rà soát chống lẩn tránh thuế và phải kết thúc trong 15 tháng. Khi đó, EC điều tra xem liệu hành vi lẩn tránh có đang tiếp tục và cũng phải kiểm tra các phép thử (60% và 25%) như cuộc điều tra lẩn tránh ban đầu. Bên cạnh đó, EC cũng xem xét liệu việc không tồn tại hành vi lẩn tránh có phải là mang bản chất lâu dài.

2.4.3. Thẩm tra tại chỗ

Các nhà xuất khẩu/nhập khẩu sau khi nộp bản trả lời bản câu hỏi điều tra sẽ tham gia cuộc thẩm tra tại chỗ (thời gian theo sắp xếp của EC).

EC sẽ gửi một bản báo cáo điều tra (disclosure) cho các bên này và họ sẽ có cơ hội bình luận.

2.4.4. Ban hành báo cáo cuối cùng

Sau khi EC công bố báo cáo cuối cùng, các bên liên quan được quyền bình luận.

2.4.5. Phiên điều trần

Thời hạn gửi bình luận, yêu cầu tổ chức phiên điều trần: trong vòng 37 ngày kể từ ngày khởi xướng điều tra.

2.4.6. Kết luận cuối cùng (trong vòng 9 tháng kể từ ngày khởi xướng)

- Kết luận cuối cùng *phủ định* (không có hành vi lẩn tránh thuế): các doanh nghiệp được tiếp tục xuất khẩu vào EU theo biểu thuế quan thông thường.

- Kết luận cuối cùng *khẳng định* (có hành vi lẩn tránh thuế): thuế CBPG/CTC đang áp với nước bị điều tra trong vụ việc ban đầu được mở rộng sang nước bị điều tra chống lẩn tránh thuế kể từ ngày đăng kí nhập khẩu.

Mức thuế chống lẩn tránh (theo Điều 13.1 quy định về phá giá và Điều 23.1 quy định về chống trợ cấp): nếu kết luận có hành vi lẩn tránh, mức thuế cao nhất có thể áp là mức thuế “dành cho các nhà xuất khẩu khác” áp trong cuộc điều tra ban đầu với hàng nhập khẩu

từ nước X. Trong trường hợp lẫn tránh bởi công ty có mức thuế riêng rẽ thấp thì công ty lẫn tránh sẽ phải chịu mức thuế chung và không còn được lợi từ mức thuế riêng rẽ. Trong trường hợp nhập khẩu linh kiện, thuế sẽ được áp cho trị giá của các linh kiện nhập khẩu bởi công ty gia công, lắp ráp.

Không có giới hạn thời gian đối với việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh thuế (thông thường biện pháp chống lẫn tránh thuế chấm dứt nếu biện pháp chống bán phá giá/chống trợ cấp ban đầu hết hiệu lực).

- **Rà soát:** Nếu EC kết luận trong kết quả rà soát điều tra thuế CBPG/CTC (rà soát giữa kỳ hoặc rà soát cuối kỳ, hoặc kết hợp rà soát giữa kỳ và cuối kỳ) cho thấy thuế CBPG/CTC hiện tại cần được giữ nguyên/sửa đổi, thì thuế chống lẫn tránh thuế CBPG/CTC sẽ được giữ nguyên/sửa đổi tương ứng. Việc rà soát biện pháp chống lẫn tránh thuế sẽ được tiến hành sau ít nhất 1 năm. Không có rà soát cuối kỳ biện pháp chống lẫn tránh thuế.

Nhận xét: Mặc dù quy định là thủ tục của một vụ điều tra CBPG/CTC có thể được áp với một vụ điều tra chống lẫn tránh thuế, nhưng hai loại điều tra này cũng có các quy định khác nhau, đặc biệt là trong giai đoạn điều tra. Điều tra phá giá/trợ cấp và điều tra thiệt hại được tiến hành riêng rẽ trong một vụ điều tra CBPG/CTC. Tuy nhiên, điều tra chống lẫn tránh thuế tập trung vào việc liệu hành vi lẫn tránh có đã xảy ra hay không.

2.4.7. Một số vấn đề lưu ý

- Quy định hiện hành của EU có *định nghĩa* về lẫn tránh (Điều 13:1 của Quy định 1036 về CBPG và Điều 23:3 của Quy định 1037 về CTC). Với quy định quét này, cơ quan điều tra có quyền rất lớn để áp dụng một biện pháp cụ thể đối với bất kỳ hành vi nào bị cáo buộc là lẫn tránh. Mặc dù Điều 13:1 và Điều 23:3 quy định rõ một số loại lẫn tránh (bao gồm thay đổi nhỏ sản phẩm, chuyển tải qua nước thứ 3, cấu trúc lại cách thức và kênh bán hàng; và riêng với Điều 13:1 có thêm hoạt động lắp ráp), rõ ràng là bất kỳ hành vi lẫn tránh nào khác, ngoài các hành vi nêu ở trên, cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 13:1 và Điều 23:3, theo như lời văn của Điều này. Hơn nữa, lời văn của Điều 13:1 và Điều 23:3 không rõ ràng do thiếu các tiêu chí hoặc hướng dẫn cụ thể về các loại lẫn tránh cụ thể. Tình huống này tồn tại mặc dù thực tế là tên của một số loại hành vi lẫn tránh đã được quy định tại lời văn Điều 13:1 và Điều 23:3. Việc thiếu các chi tiết cùng với thẩm quyền do quy định quét nêu ra đã khiến cho cơ quan điều tra có tầm kiểm soát không bị hạn chế trong các cuộc điều tra chống lẫn tránh. Tuy nhiên, mặt khác, thẩm quyền không bị hạn chế này cũng cho phép một

mức độ linh hoạt nhất định. Điều này sẽ dẫn tới việc nhà xuất khẩu/sản xuất nước ngoài sẽ dễ bị “dính”. Nếu xét sơ bộ thì quy định hiện tại của EU không mâu thuẫn trực tiếp với các nguyên tắc hiện tại của WTO. Do WTO không có quy định về chống lẩn tránh thuế, và do đó thiếu những tiêu chuẩn chi tiết để đánh giá mặt được, chưa được của quy định EU.

- Quy định về hệ thống *đăng ký* cho phép áp thuế CBPG/CTC hồi tố trong trường hợp có lẩn tránh. Theo hệ thống này, hàng nhập khẩu có thể phải đăng ký sau khi có yêu cầu từ ngành sản xuất của EU mà có đủ bằng chứng để yêu cầu đăng ký, và việc mở rộng biện pháp CBPG/CTC do đó được áp dụng từ ngày mà áp dụng việc đăng ký. Tuy nhiên, luật không chỉ rõ là khi nào thì có thể đăng ký. Hơn nữa, việc áp dụng hồi tố cũng mâu thuẫn với quy định AD hiện hành liên quan đến vấn đề hồi tố (chỉ hồi tố với rà soát nhà xuất khẩu mới theo Điều 9.5 ADA, nhập khẩu ở ạt hàng phá giá theo Điều 10.6 và 10.7 ADA)[2] hoặc nhập khẩu ở ạt hàng trợ cấp theo Điều 20.6 SCMA). Quy định hồi tố trong chống lẩn tránh thuế sẽ dẫn tới phạm vi áp hồi tố rộng hơn ADA, SCMA.

- Một vấn đề nữa là bên nào có *nghĩa vụ cung cấp bằng chứng*. Quy định EU ngầm hiểu rằng đó là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc xác định có hành vi lẩn tránh. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu/sản xuất bị nghi ngờ trên thực tế thường bị yêu cầu cung cấp bằng chứng để chứng minh “vô tội”. Nghĩa vụ cung cấp bằng chứng do đó đã bị chuyển từ cơ quan có thẩm quyền sang bị đơn. Do đó, bị đơn bị coi là “có tội” trước khi cơ quan điều tra ra kết luận, điều này là vi phạm quy định về pháp quyền.

- Thủ tục *loại trừ*: giống như thủ tục đăng ký, chủ yếu phụ thuộc vào quyền tự quyết của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, không có hướng dẫn chi tiết về thủ tục, thì có nguy cơ tiềm ẩn là cơ quan điều tra lạm dụng thủ tục này và do đó lạm dụng việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế. Ngoài ra, thẩm quyền không hạn chế cũng có thể ảnh hưởng đến các nhà vận động chính sách xuất hiện khi xác định liệu việc loại trừ có nên được chấp nhận hay không. Có thể cơ quan điều tra sẽ phải xem xét và cân đối quyền lợi của các bên liên quan khác nhau. Khả năng do đó khiến cho Điều 13 (4) của quy định 2016/1036, Điều 23 (6) Quy định 2016/1037 (thủ tục loại trừ) và Điều 13(1) của Quy định 2016/1036, Điều 23 (1)-(3) Quy định 2016/1037 (quy định chung) và Điều 13(2) của Quy định 2016/1036 (hoạt động gia công) cho phép EC có cơ hội để ‘sửa sai’ cho những quyết định về lẩn tránh của mình, điều này được coi như là một van an toàn cho EU khi xử lý các mối quan hệ với những đối tác chính của họ. Thủ tục loại trừ tại quy định chống lẩn tránh thuế hiện hành của EU cho phép một số hàng nhập khẩu/nhà nhập khẩu/nhà sản xuất nước ngoài có thể thoát

khởi biện pháp chống lẩn tránh thuế. Mặc dù vậy, quan ngại về thủ tục này là việc cơ quan có thẩm quyền có thể xác định như thế nào về việc liệu việc miễn trừ nên được áp cho một số bên liên quan trong vụ điều tra chống lẩn tránh thuế, mà không có tiêu chí cụ thể quy định. Vấn đề này do đó dẫn đến quan ngại rằng liệu cơ quan điều tra có thẩm quyền quá rộng hay không.

- Một quan ngại nữa liên quan đến quy định của EU về chống lẩn tránh thuế là liệu những quy định này có quan hệ gì với Điều 12 'quy định về việc chống bị thất thu thuế CBPG (*anti-absorption*) của Quy định 2016/1036 (không có quy định tương ứng về CTC). Điều 12 (1) xác định hành vi *absorption* là: sau giai đoạn điều tra ban đầu và trước hoặc sau khi áp biện pháp, giá xuất khẩu đã giảm hoặc không có sự thay đổi, hoặc sự thay đổi là không đủ trong giá bán lại hoặc giá bán sau đó của sản phẩm nhập khẩu tại EU. Quy định này liên quan đến tình hình khi các nhà xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp chịu thuế CBPG ban đầu, do đó, giảm giá xuất khẩu hoặc dẫn tới việc không có sự thay đổi (tăng giá bán lại) hoặc tăng giá không đủ. Hành vi này do các nhà xuất khẩu thực hiện và được gọi là hành vi hấp thu thuế ('*absorption*'). Theo đó, nhà xuất khẩu có xu hướng giảm giá xuất khẩu mà đáng lẽ phải tăng giá sau khi bị áp thuế CBPG bằng cách 'hấp thu' (*absorb*) khoản thuế đó. Biên độ phá giá, mà được tính là sự chênh lệch giữa giá xuất khẩu và trị giá thông thường của sản phẩm, do đó đã gia tăng. Do mục đích của thuế CBPG (được tính toán dựa trên biên độ phá giá) là để giá xuất khẩu tăng thông qua việc áp thuế, do đó làm giảm hoặc loại bỏ biên độ phá giá, hành vi *absorption* này đã khiến cho thuế CBPG trở nên vô hiệu. Kết quả là, EU quy định có thể áp một khoản thuế CBPG để bù lại khoản thuế đáng nhẽ nhà nhập khẩu phải trả nhưng trên thực tế lại không phải trả do nhà xuất khẩu đã hạ giá bán. Do đó, biên độ phá giá có thể được tính toán lại để áp thuế CBPG bổ sung.

Mối quan hệ giữa Điều 12 và Điều 13 liên quan đến câu hỏi: Liệu Điều 12 có thể được áp cho các khoản thuế áp theo Điều 13. Giả sử một hoạt động gia công được bắt đầu sau khi áp thuế chống bán phá CBPG. Điều này dẫn tới một lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) được áp với hàng hóa lắp ráp hoặc linh kiện theo Điều 13. Nếu thuế CBPG ban đầu sau đó được hấp thu ("*absorb*") bởi nhà xuất khẩu, một mức thuế CBPG bổ sung, theo Điều 12, sẽ được áp với sản phẩm. Câu hỏi sẽ được chuyển thành liệu khoản thuế CBPG được mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) có cần tính toán lại. Có nghĩa là, liệu thuế CBPG bổ sung do hành vi *absorption* sẽ được áp cho sản phẩm lắp ráp hoặc linh kiện hay không. Luật pháp EU hiện tại không có hướng dẫn về vấn đề này. Quy định tương ứng không chỉ rõ là Điều 12 có nằm ngoài phạm vi Điều 13 hay không. Tuy

nhiên, có ý kiến cho rằng áp dụng Điều 12 cho Điều 13 là không phù hợp. Điều này là do lệnh áp thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh thuế) được thiết kế để ngăn cản hành vi lẩn tránh và do đó không cần thiết để tính toán lại biên độ phá giá và áp một lệnh áp thuế mở rộng bổ sung (biện pháp chống lẩn tránh thuế) nếu biện pháp chống lẩn tránh thuế ban đầu là đủ để ngăn chặn lẩn tránh. Ngoài ra, 2 vấn đề thực tiễn cũng liên quan đến phần này. Thay đổi giá của sản phẩm lắp ráp chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố và hành vi absorption của nhà xuất khẩu có thể chỉ là một trong các yếu tố đó góp phần vào sự thay đổi không đủ/không thay đổi này. Một quan ngại khác là việc thiếu giá phù hợp để so sánh, do đó tính toán lại biên độ phá giá khi việc xuất khẩu toàn bộ sản phẩm đã bị thay thế bằng các linh kiện.

Giống Điều 13 (biện pháp chống lẩn tránh), Điều 12 (biện pháp chống hấp thu thuế) cũng khẳng định rằng việc thực thi luật CBPG là hiệu quả. Do đó, hành vi absorption là một loại lẩn tránh theo 1 nghĩa nào đó. Do đó, quy định về vấn đề anti-absorption nên được gộp vào biện pháp chống lẩn tránh do sự chồng chéo về trách nhiệm giữa 2 quy định này. Lập luận này có thể được ủng hộ trong trường hợp “absorb” thuế CBPG mở rộng (biện pháp chống lẩn tránh). Trong trường hợp này, (khác với trường hợp thuế CBPG bị absorb chứ không phải biện pháp chống lẩn tránh thuế bị absorb), thì quy định về anti-absorption thực chất là một biện pháp chống lẩn tránh thuế nếu Điều 12 được áp cho Điều 13.

- Một nhận xét nữa liên quan đến quy định hiện hành của EU về chống lẩn tránh thuế là không có *cam kết giá*. Theo quy định CBPG/CTC thông thường, 3 loại biện pháp, bao gồm biện pháp thuế tạm thời, biện pháp thuế chính thức và cam kết giá (với trợ cấp là cam kết giá hoặc cam kết loại bỏ hành vi trợ cấp) được áp để bù đắp những thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất trong nước do hành vi phá giá/trợ cấp. Một cam kết giá do đó là một cam kết tự nguyện từ nhà xuất khẩu để thay đổi giá hoặc dừng xuất khẩu sang nước nhập khẩu với giá phá giá/giá trợ cấp. Do đó, CQĐT sẽ chấp nhận cam kết và trì hoãn hoặc chấm dứt vụ việc CBPG/CTC mà không áp biện pháp tạm thời hoặc thuế CBPG/CTC nếu đáp ứng yêu cầu rằng thiệt hại do phá giá/trợ cấp gây ra đã được loại bỏ. Theo quy định trước đây của EU vào những năm 1980, cam kết giá là một trong những biện pháp được quy định cho chống lẩn tránh thuế. Theo đó, nhà xuất khẩu có thể đề nghị cam kết giá để được miễn khỏi bị áp biện pháp chống lẩn tránh khi có dự kiến rằng sẽ có kết luận khẳng định về việc lẩn tránh thuế. Tuy nhiên quy định hiện hành lại không có quy định về cam kết giá như là một biện pháp khắc phục cho hành vi lẩn tránh.

2.5. Biện pháp áp dụng

Một cuộc điều tra chống lẩn tránh thuế của EC có thể dẫn đến các kết quả như sau:

- Hoặc mức thuế CBPG/CTC hiện tại được áp dụng kèm theo truy thu thuế kể từ ngày khởi xướng điều tra (có loại trừ dành cho các nhà xuất khẩu và nhập khẩu đủ điều kiện hưởng loại trừ), hoặc cuộc điều tra kết thúc nhưng thuế CBPG/CTC đang áp dụng vẫn tiếp tục có hiệu lực.

- Mở rộng biện pháp CBPG/CTC với hàng nhập khẩu từ các nước khác hoặc các sản phẩm khác từ cùng một nước.

- Mức thuế dành cho “các nhà sản xuất khác” của biện pháp ban đầu (CBPG/CTC) được áp.

- Việc mở rộng áp thuế sẽ được áp dụng cho đến khi biện pháp CBPG/CTC ban đầu vẫn đang có hiệu lực.

- Thuế CBPG/CTC đang áp dụng với nước bị điều tra trong vụ việc ban đầu sẽ được mở rộng (kể từ thời điểm đăng ký nhập khẩu) cho các nước khác hoặc các sản phẩm khác được kết luận là có lẩn tránh thuế. Đặc biệt, kết quả này có thể khơi mào cuộc điều tra xuất xứ hàng hóa của Cơ quan chống gian lận châu Âu (Office européen de Lutte AntiFraud-OLAF) (sẽ phân tích dưới đây) (cho giai đoạn 3 năm trước đó). Tuy nhiên, các nhà sản xuất có thể được loại trừ khỏi biện pháp mở rộng áp thuế chống lẩn tránh thuế trên cơ sở kết luận của EC.

2.6. Các vụ việc điển hình (phân tích thông tin vụ việc, loại sản phẩm bị điều tra, loại lẩn tránh bị cáo buộc, diễn biến vụ việc, các yếu tố cần lưu ý)

2.6.1. Vụ việc với gỗ bạch dương từ Nga (*birch wood*)

Bất chấp các lệnh trừng phạt của EU áp đặt đối với việc nhập khẩu các sản phẩm gỗ của Nga và Belarus, ván ép bạch dương và các sản phẩm gỗ khác từ các quốc gia này vẫn tiếp tục vào EU thông qua các nước thứ ba.

Khởi xướng cuộc điều tra

Giờ đây, Ủy ban Châu Âu đã công bố cuộc điều tra mới vào ngày 21 tháng 8 năm 2023, như được nêu trong Quy định Thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/1649. Trọng tâm của cuộc điều tra là nhập khẩu gỗ dán bạch dương được ký gửi từ Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan, bất kể nguồn gốc được khai báo và các biện pháp tiềm năng để giải quyết hành vi gian lận.

Động thái này diễn ra sau yêu cầu được Hiệp hội Woodstock đệ trình vào ngày 10 tháng 7 năm 2023, kêu gọi Ủy ban điều tra các hành vi gian lận tiềm ẩn. Yêu cầu này chỉ ra sự thay đổi trong mô hình thương mại liên quan đến xuất khẩu từ Nga, Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan sang Liên minh châu Âu (EU) sau khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hiện có. Các biện pháp này hiện đang được áp dụng và được thi hành theo Quy định thực hiện (EU) 2021/1930.

Thay đổi xu hướng thương mại và mối quan tâm

Sản phẩm bị điều tra bao gồm ván ép chỉ được làm từ các tấm gỗ, mỗi lớp có độ dày không quá 6 mm, với các lớp bên ngoài bằng gỗ quy định, bao gồm ít nhất một lớp bên ngoài bằng gỗ bạch dương. Sản phẩm này, được phân loại theo mã CN 4412 33 10, đang được nhập khẩu từ Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan, do có lo ngại về các hành vi gian lận tiềm ẩn.

Bằng chứng được đưa ra trong yêu cầu điều tra cho thấy rằng đã có những thay đổi trong mô hình thương mại kể từ khi áp dụng các biện pháp chống bán phá giá. Những thay đổi này dường như xuất phát từ các hành vi thiếu căn cứ kinh tế đầy đủ hoặc nguyên nhân khác ngoài việc trốn thuế chống bán phá giá. Đáng chú ý, việc vận chuyển sản phẩm liên quan qua Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan tới EU đã bị cảnh báo đỏ.

Hơn nữa, bằng chứng chỉ ra rằng việc nhập khẩu gỗ dán bạch dương từ Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan đang làm suy yếu tác động dự kiến của các biện pháp chống bán phá giá hiện hành. Đã có sự gia tăng đáng kể về khối lượng sản phẩm bị điều tra vào thị trường EU, có khả năng dẫn đến mức giá có hại.

Cuộc điều tra cũng làm dấy lên lo ngại về việc bán phá giá sản phẩm bị điều tra so với giá trị thông thường được thiết lập trước đó đối với sản phẩm liên quan. Điều này cho thấy sự biến dạng tiềm ẩn trong động lực thương mại có thể gây ra những hậu quả kinh tế sâu rộng.

Phản hồi của Ủy ban

Để giải quyết những lo ngại này, Ủy ban Châu Âu đã thực hiện một số bước, bao gồm tiến hành điều tra theo Điều 13(3) của Quy định (EU) 2016/1036 và yêu cầu nhập khẩu sản phẩm bị điều tra phải đăng ký theo Điều 14(5) của cùng một quy định. Các bên quan tâm, bao gồm nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và hiệp hội, được khuyến khích cung cấp quan điểm và bằng chứng của họ trong khung thời gian quy định để xem xét tình hình một cách toàn diện.

Cuộc điều tra dự kiến sẽ kết thúc trong vòng chín tháng kể từ ngày quy định có hiệu lực. Những phát hiện này sẽ có ý nghĩa đối với các hoạt động thương mại và các biện pháp chống bán phá giá trong khu vực, có khả năng định hình mối quan hệ thương mại với các nước liên quan.

Ủy ban Châu Âu nhấn mạnh cam kết duy trì các hoạt động thương mại công bằng và bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước khỏi cạnh tranh không lành mạnh, khiến cuộc điều tra này trở thành một bước quan trọng để đạt được các mục tiêu này. Khi cuộc điều tra tiến triển, điều quan trọng là tất cả các bên liên quan phải theo dõi chặt chẽ diễn biến và cung cấp thông tin cần thiết để đảm bảo đánh giá kỹ lưỡng và chính xác về tình hình.

3. Hướng dẫn thu thập thông tin và giải trình

3.1. Hướng dẫn Tuyên bố trách nhiệm giải trình

Để đáp ứng được các tiêu chí của quy định EUDR, tôi cho rằng khối doanh nghiệp xuất khẩu vào các thị trường lớn cần hoàn thiện thủ tục, quy trình, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng ngay từ năm 2024. Đặc biệt là ba ngành hàng xuất khẩu chính của Việt Nam thuộc trong 7 nhóm mặt hàng nằm trong phạm vi của Quy định này bị ảnh hưởng. Qua trao đổi, quan sát từ các hiệp hội và doanh nghiệp trong các ngành hàng trên, tôi đánh giá rằng các doanh nghiệp tiếp cận quy định mới với tâm thế khá tích cực. Theo đó, bên cạnh các thách thức phải giải quyết trong việc đáp ứng yêu cầu của EU thì các hiệp hội và doanh nghiệp đồng thuận rằng Quy định này cũng là cơ hội để cùng các bên liên quan thực hiện tái cơ cấu ngành hàng theo hướng minh bạch, có trách nhiệm, bền vững và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Việc thực hiện các quy định này là có thể và dựa trên những nền tảng cơ sở nhất định. Cụ thể, các vùng trồng nguyên liệu như cây cà phê đã hình thành và ổn định từ trước đó khá lâu so với mốc thời gian 31/12/2020. Trong đó có gỗ và cao su là 2 ngành hàng đã tham gia Hiệp định VPA/FLEGT với EU, cam kết tất cả các mặt hàng gỗ xuất khẩu sang EU là hợp pháp và không gây mất rừng. Đặc biệt Việt Nam đã dừng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên từ năm 2014 và có những quy định về chuyển đổi đất rừng từ 2017.

Tuy nhiên còn một số khó khăn trước mắt mà các doanh nghiệp gặp phải bao gồm: (1) khó khăn trong việc thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm tại vườn trồng bởi vì hầu hết các sản phẩm được sản xuất từ các hộ nông dân với quy mô nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, diện tích chỉ dưới 0,5 ha/hộ. Mà thực tế với hàng trăm nghìn hộ nông dân trồng cao su theo hình thức tiêu điền và cung cấp gỗ cho các nhà máy gỗ thì việc phân định ranh giới giữa các hộ với nhau còn rất nhiều khó khăn và có đến khoảng 1/3 số hộ nông dân chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất mình đang sử dụng; (2) chuỗi cung ứng của các ngành hàng đều khá dài và phức tạp, nhiều khâu trung gian với liên kết lỏng lẻo, nhiều nông hộ tham gia sản xuất và ở quy mô nhỏ; và (3) từ hai thách thức nêu trên dẫn đến áp lực về chi phí, thực tế, chi phí đầu tư công nghệ để sản xuất đạt chuẩn vào châu Âu đã cao, giờ phải đầu tư thêm chi phí để việc đáp ứng các quy định này sẽ tạo nên gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp.

Với những chia sẻ của doanh nghiệp thì thách thức là không ít, nhưng doanh nghiệp Việt Nam vẫn buộc đáp ứng các tiêu chí, nếu không cũng không thể xuất bán hàng sang thị trường châu Âu, đồng nghĩa với việc tự loại mình ra khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này không chỉ gây thiệt thòi đối với các tác nhân dọc theo chuỗi cung ứng ngành hàng mà sẽ khiến cả doanh nghiệp và ngành hàng đó bị mất lợi thế cạnh tranh trên thị trường vì các nhà nhập khẩu sẽ chọn các nhà cung ứng khác đáp ứng các tiêu chuẩn này. Thêm vào đó, EUDR nêu rõ sẽ phân loại quốc gia hoặc vùng sản xuất cung cấp sản phẩm cho EU theo các nhóm “rủi ro cao”, “rủi ro trung bình” hay “rủi ro thấp” dựa trên các tiêu chí và bằng chứng mà EU thu thập được. Nếu các ngành hàng và doanh nghiệp không tuân thủ và vi phạm các quy định thì Việt Nam sẽ ở vị thế bất lợi nếu EU lấy mặt hàng có độ rủi ro về mất rừng cao nhất để làm cơ sở phân loại rủi ro quốc gia/vùng sản xuất. Các mặt hàng có mức độ rủi ro thấp nhưng thuộc phạm vi vùng/quốc gia với một mặt hàng có rủi ro cao thì cũng đối mặt với nguy cơ bị EU coi là mặt hàng có độ rủi ro cao. Khi đó, mức độ giám sát của EU đối với các sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam ngày càng chặt chẽ. Việc tuân thủ các quy định không chỉ đáp ứng các yêu cầu hiện tại mà còn là tiền đề cho việc đáp ứng các yêu cầu cao hơn liên quan đến giảm phát thải, công bằng xã hội với người trồng café và của nhiều quốc gia hơn trong tương lai.

Để đáp ứng với các tiêu chí đưa ra từ EU về EUDR thì doanh nghiệp cần thỏa mãn các điều kiện để chứng minh không gây ảnh hưởng vào nguy cơ mất rừng. Cụ thể các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa vào EU chỉ được phép lưu thông nếu đáp ứng ba điều kiện. Thứ nhất, sản phẩm nhập khẩu là hợp pháp. Hợp pháp ở đây có nghĩa các hoạt động sản xuất, chế biến, vận chuyển... diễn ra tại quốc gia sản xuất... đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu luật pháp tại quốc gia này. Thứ hai, quá trình sản xuất sản phẩm không gây mất rừng, với mốc thời gian mất rừng tính từ ngày 31/12/2020. Thứ ba, doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng này vào EU phải thu thập thông tin về chuỗi cung và dựa trên thông tin đó đánh giá rủi ro về các khía cạnh tuân thủ pháp luật của quốc gia sản xuất và về mất rừng, từ đó đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Thông tin về chuỗi cung ứng, về đánh giá rủi ro và đặc biệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro cần được doanh nghiệp công bố trong Cam kết thẩm định chuỗi cung ứng (Due Diligence Statement).

Vì thế, các doanh nghiệp của Việt Nam muốn xuất khẩu vào thị trường châu Âu phải đáp ứng đầy đủ các thông tin trên để cung cấp cho đối tác nhập khẩu hàng hóa của mình. Trong đó, liên quan đến điều kiện số 2, doanh nghiệp phải cung cấp thông tin truy xuất

nguồn gốc hàng hóa tới tận vị trí địa lý của mảnh đất nơi sản xuất ra sản phẩm cùng với các bằng chứng chứng minh hoạt động sản xuất không gây ra mất rừng trên các diện tích này. Theo Điều 2 của EUDR, định nghĩa “vị trí địa lý” (geolocation) của một thửa đất trồng trọt như sau: nếu nhỏ hơn 4 ha cần xác định tọa độ điểm; nếu diện tích trên 4 ha, cần phải cung cấp tọa độ địa lý của các điểm thuộc đường đa giác (polygon) mô tả ranh giới thực tế của thửa đất.

Do đó, trước những tiêu chí khắt khe này, Việt Nam đã có Khung kế hoạch hành động cụ thể để thích ứng với EUDR. Đơn cử như, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng đã nhanh chóng xây dựng Khung kế hoạch hành động thích ứng với EUDR và có văn bản số 5179/BNN-HTQT đề nghị UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW cùng đồng hành, bổ sung kế hoạch hoạt động của địa phương thích ứng với EUDR. Đây là hành động rất khẩn trương, trách nhiệm, nghiêm túc và kịp thời từ phía cơ quan quản lý cấp Bộ. Trong đó có một số nội dung trọng tâm gồm:

Thứ nhất, giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng xen kẽ rừng) đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, đặc biệt là cà phê.

Thứ hai, giao các cơ quan chuyên môn liên quan phối hợp với các đơn vị của Bộ, hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để (i) xây dựng và công nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về rừng tự nhiên và vùng trồng, (ii) rà soát, thống nhất, chia sẻ, cập nhật và số hóa dữ liệu bản đồ địa chính các vườn trồng và điều tra bổ sung đối với các vườn chưa có trên bản đồ địa chính; (iii) xác định các giải pháp phù hợp trong việc giám sát, bảo vệ và khôi phục rừng, thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững..., (iv) xây dựng và triển khai truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, (v) xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện việc chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng vào EU, (vi) hỗ trợ chuyển đổi, cải thiện sinh kế cho nông dân, đặc biệt người dân tộc ở khu xen kẽ rừng và tiếp giáp rừng để đáp ứng quy định EUDR, (vii) Tuyên truyền phổ biến quy định EUDR, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng,...

Thứ ba, thành lập hoặc kiện toàn Nhóm Công tác công tư cấp tỉnh; triển khai các hoạt động hợp tác công tư; thực hiện các hoạt động và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR; phối hợp với Nhóm công tác chung và nhóm

công tác các ngành hàng ở Trung ương; xây dựng các chương trình, dự án để kêu gọi đầu tư công, tư và tài trợ quốc tế để triển khai thực hiện các hoạt động trên.

Thứ tư, bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng cà phê, cao su, gỗ và sản phẩm gỗ thích ứng với EUDR.

3.2. Hướng dẫn sử dụng hệ thống TRON

TRON.tdi là một nền tảng điện tử đóng vai trò là điểm truy cập duy nhất cho hoạt động liên lạc điện tử giữa các bên quan tâm trong các vụ kiện Phòng vệ Thương mại và Ủy ban Châu Âu, Tổng cục Thương mại.

3.2.1. Chức năng của TRON.tdi

TRON.tdi được thiết kế để có bốn chức năng chính:

- Đăng ký web : đăng ký một trường hợp như một người quan tâm buổi tiệc
- Tư vấn trên web : tư vấn từ xa các tập tin mở để tư vấn bởi những người quan tâm đã đăng ký các bữa tiệc;
 - Thông báo trên web : thông tin liên lạc từ Ủy ban tới các bên quan tâm đã đăng ký về các tài liệu (mở và nhạy cảm) liên quan đến một tiến hành;
 - Gửi trên web : gửi tài liệu (mở và nhạy cảm) bởi các bên quan tâm trong quá trình tố tụng (tải lên tệp và biểu mẫu trực tuyến mô-đun).

3.2.2. Cách truy cập tới TRON.tdi?

Với điều kiện bạn là bên quan tâm (hoặc đại diện hợp pháp của bên quan tâm) đối với một trong các trường hợp có sẵn trong TRON, bạn được mời làm theo quy trình bên dưới.

Bước 1: Mở trang chủ

Kết nối với trang chủ của TRON.tdi :

The screenshot shows the top part of the TRON.tdi website. At the top left is the European Commission logo. To its right is the text 'TRADE | TRON.tdi'. Below this is a blue navigation bar with the text 'European Commission > Trade > TRON.tdi'. The main content area has a heading 'TRON.tdi' followed by a paragraph: 'TRON.tdi is an electronic platform serving as a single contact point for electronic communication between interested parties in Trade Defence proceedings and the European Commission, Directorate-General of Trade.' Below this, it states 'TRON.tdi proposes four main functionalities:' followed by a bulleted list:

- Web registration: registration to a case as an interested party
- Web consultation: remote consultation of the file open for consultation by interested parties
- Web notification: communication from the Commission to interested parties of documents (open and limited) pertaining to a proceeding;
- Web submission: submission of documents (open and limited) by interested parties in a proceeding.

It then says 'You can sign in with your EU Login account.' and 'If you do not have an EU Login account, please follow the instructions.' Below that is a section 'List of cases:' with a bulleted list:

- AD586 Tableware and kitchenware (ceramic)
- R572 Ferro-silicon
- R573 Biodiesel
- R574 Biodiesel
- R688 Bicycles
- R716 Sulphanilic acid
- R730 Aluminium foil (certain)
- R737 Ductile pipes (tubes and pipes of ductile cast iron)
- R738 Ring binder mechanisms
- SEP Complaint forms
- UT-48 Biodiesel

At the bottom of the page is a blue footer bar with links: 'Getting started | User's guide | Glossary | FAQ | Terms of use | Privacy statement | Cookies | EC legal notice'. Below the footer bar is the version number 'version: 5.0.0.18 (2021-11-11 11:48:29)' and a contact line: 'If you encounter any problem please contact the Service Desk by email (TRADE-SERVICE-DESK@ec.europa.eu) or by phone (+32.2/297.97.97)'.

Bước 2: Đăng nhập bằng thông tin đăng nhập EU

Bấm vào liên kết đăng nhập.

Trang Đăng nhập EU được hiển thị:

The screenshot shows the 'EU Login' authentication page. At the top left is the 'EU Login' logo with the tagline 'One account, many EU services'. To the right is a language selector showing 'English (en)'. The main heading is 'Tron requires you to authenticate' followed by 'Sign in to continue'. Below this is a white box containing a form with the following elements:

- A label 'Use your e-mail address' above an input field.
- A blue 'Next' button.
- A link 'Create an account'.
- The word 'Or' centered between two horizontal lines.
- The text 'Or use the eID of your country' above a green icon of a person and the text 'Select your country'.

At the bottom of the page, there is a promotional banner: 'Easy, fast and secure: download the ECAS app' with three icons: 'Download on the App Store', 'GET IT ON Google Play', and 'Get it from Microsoft'.

Đăng nhập EU là dịch vụ cho phép người dùng truy cập hầu hết các hệ thống kỹ thuật số được các tổ chức Châu Âu sử dụng.

Nếu bạn chưa có tài khoản Đăng nhập EU:

Nhấp vào liên kết Tạo tài khoản ở trang trên và tạo tài khoản của bạn.

Create an account

[Help for external users](#)

First name


Last name

E-mail

Confirm e-mail

E-mail language
English (en)

Enter the code



By checking this box, you acknowledge that you have read and understood the [privacy statement](#)

QUAN TRỌNG: Địa chỉ email được liên kết với tài khoản Đăng nhập EU của bạn phải là địa chỉ email chuyên nghiệp cá nhân mà bạn đang sử dụng cho mục đích gửi email với Tổng vụ Phòng vệ Thương mại.

Địa chỉ công việc cá nhân điển hình trông giống như firstname.lastname@yourcompany.com.

Các địa chỉ email như info@yourcompany.com hoặc export-dpt@yourcompany.com sẽ không được coi là địa chỉ cá nhân.

Nếu bạn đã có tài khoản Đăng nhập EU:

Nếu bạn đã có tài khoản Đăng nhập EU được liên kết với địa chỉ email công việc cá nhân của mình, vui lòng sử dụng tài khoản hiện có của bạn – không tạo tài khoản Đăng nhập.

Bạn nên đăng ký số điện thoại di động của mình trong tài khoản Đăng nhập EU càng sớm càng tốt vì số này được sử dụng để truy cập thông tin nhạy cảm thông qua xác thực kép. Bạn có thể tìm thấy hướng dẫn tại đây: <https://tron.trade.ec.europa.eu/tron/resources/documents/mobileRegistration.pdf>

Bước 3: Truy cập vào trang cá nhân của bạn

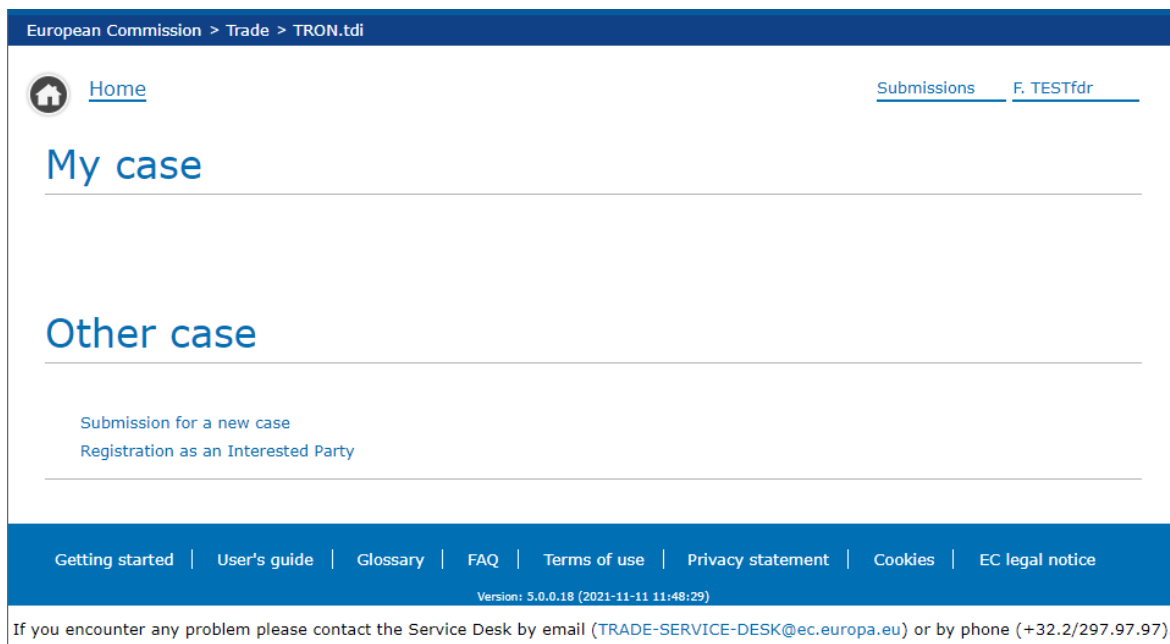
Nếu bạn đã được cấu hình đúng cách trong thư mục của chúng tôi về các bên:

Sau khi đăng nhập thành công, hệ thống sẽ hiển thị trang chủ cá nhân của bạn với danh sách các trường hợp và khả năng đăng ký cho bất kỳ trường hợp nào:

The screenshot displays the TRON.tdi user interface. At the top, there is a header with the European Commission logo and the text 'TRADE | TRON.tdi'. Below the header, there is a navigation bar with 'Home', 'Consultation', 'Submissions', and 'F. FDRTESTRON'. The main content area is titled 'My cases' and contains a grid of case cards. Each card lists a case ID, a description, and links for 'Consultation', 'Submission', and 'Contacts'. The cases shown are: AD586 Tableware and kitchenware (ceramic), R572 Ferro-silicon, R573 Biodiesel, R688 Bicycles, R716 Sulphanilic acid, R730 Aluminium foil (certain), and R737 Ductile pipes (tubes and pipes of ductile cast iron). Below the 'My cases' section is an 'Other case' section with links for 'Submission for a new case' and 'Registration as an Interested Party'. At the bottom, there is a footer with navigation links: 'Getting started', 'User's guide', 'Glossary', 'FAQ', 'Terms of use', 'Privacy statement', 'Cookies', and 'EC legal notice'. A small version number 'Version: 5.0.0.18 (2021-11-11 11:48:29)' is also visible. A contact information line at the very bottom states: 'If you encounter any problem please contact the Service Desk by email (TRADE-SERVICE-DESK@ec.europa.eu) or by phone (+32.2/297.97.97)'.

Nếu bạn chưa được cấu hình đúng cách trong thư mục của chúng tôi về các bên:

Sau khi đăng nhập thành công, hệ thống sẽ hiển thị trang chủ cá nhân của bạn với khả năng đăng ký cho mọi trường hợp:



The screenshot shows the user interface of the European Commission's Trade TRON.tdi portal. At the top, there is a navigation bar with 'European Commission > Trade > TRON.tdi'. Below this, there are links for 'Home', 'Submissions', and 'F. TESTfdr'. The main content area is divided into two sections: 'My case' and 'Other case'. Under 'Other case', there are links for 'Submission for a new case' and 'Registration as an Interested Party'. At the bottom, there is a footer with various links: 'Getting started', 'User's guide', 'Glossary', 'FAQ', 'Terms of use', 'Privacy statement', 'Cookies', and 'EC legal notice'. A version number 'Version: 5.0.0.18 (2021-11-11 11:48:29)' is also visible. A note at the bottom states: 'If you encounter any problem please contact the Service Desk by email (TRADE-SERVICE-DESK@ec.europa.eu) or by phone (+32.2/297.97.97).'

(Các) tên của (các) hộp thư chức năng được thông báo trong thông báo bắt đầu thủ tục tố tụng liên quan. Một hộp thư chức năng điển hình trông như thế này: [TRADE-ALUFOIL-AD610- DUMPING@ec.europa.eu](mailto:TRADE-ALUFOIL-AD610-DUMPING@ec.europa.eu) .

Bạn có thể tìm thấy tất cả các liên kết ấn phẩm về vụ việc trên trang sau: <http://trade.ec.europa.eu/tdi/>

3.3. Hướng dẫn trả lời bản câu hỏi Q&V

Như đã nêu ở trên, EU sẽ lựa chọn mẫu dựa trên các thông tin sẵn có, do đó có thể EU sẽ không ban hành Bản câu hỏi Q&V cho doanh nghiệp mà sẽ dựa trên số liệu hải quan có sẵn.

Trong trường hợp EU thu thập thông tin từ doanh nghiệp, cách trả lời tương tự như với vụ việc Hoa Kỳ.

3.4. Hướng dẫn trả lời các bản câu hỏi tiếp theo của EU

Thời gian để trả lời Bảng câu hỏi rất ngắn (trong khi các câu hỏi và các vấn đề liên quan thường rất phức tạp), vì vậy các doanh nghiệp xuất khẩu bị đơn cần phải biết thông tin về nội dung Đơn kiện và Bảng câu hỏi điều tra càng sớm càng tốt. Do đó, các doanh nghiệp (trực tiếp hoặc thông qua luật sư được ủy quyền) nên chủ động yêu cầu cán bộ điều tra cung cấp Đơn kiện và Bảng câu hỏi điều tra ngay khi có Bảng câu hỏi này (không nên đợi đến lúc Ủy ban gửi về cho mình).

Ngoài ra, dù về nguyên tắc các Bảng câu hỏi được thiết kế riêng cho từng vụ điều tra với các câu hỏi phù hợp với tình trạng nhập khẩu và đặc điểm sản xuất của loại sản phẩm bị điều tra (chủ yếu liên quan đến đặc tính sản phẩm và quy trình sản xuất sản phẩm), các nội dung của các Bảng câu hỏi tập trung vào việc thu thập các thông tin nhằm xác định các yếu tố phục vụ việc điều tra phá giá/trợ cấp và thiệt hại. Vì vậy các Bảng câu hỏi có những điểm giống nhau về cơ bản. EU cũng đã công khai Bảng câu hỏi mẫu trên website của Ủy ban châu Âu tại địa chỉ <http://trade.ec.europa.eu>. Do đó, các doanh nghiệp nên tiếp cận trước các nội dung của Bảng câu hỏi điều tra mẫu để có sự chuẩn bị tốt hơn.

Theo quy định, thời gian để các bên liên quan trả lời Bảng câu hỏi là 30 ngày tính từ ngày nhận được Bảng câu hỏi điều tra. Thời gian nhận được Bảng câu hỏi điều tra được suy đoán là khoảng 7 ngày sau khi Ủy ban gửi Bảng câu hỏi. Như vậy thời gian tối đa để các bên trả lời Bảng câu hỏi là 37 ngày (ví dụ nếu luật sư của doanh nghiệp bị đơn tiếp cận được ngay với Bảng câu hỏi và do đó không mất thời gian cho thư đi qua đường bưu điện từ Ủy ban châu Âu đến nước xuất khẩu).

Các thông tin trả lời trong Bảng câu hỏi điều tra phải đảm bảo chính xác và có căn cứ (có tài liệu chứng minh kèm theo).

Ủy ban châu Âu sẽ không sử dụng thông tin trong Bản trả lời Bảng câu hỏi (và thay thế bằng những thông tin sẵn có bất lợi) nếu:

- Bản trả lời câu hỏi gửi trễ hạn; hoặc

- Bản trả lời câu hỏi không đầy đủ, sai hoặc gian lận đến mức có thể ảnh hưởng hoặc cản trở việc điều tra.

Bản không mật của tất cả các bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra (tức là bản trả lời Bảng câu hỏi đã lược bỏ các thông tin được doanh nghiệp trả lời đánh dấu mật) sẽ được Ủy ban châu Âu công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận được.

Lưu ý đối với doanh nghiệp

Bảng câu hỏi điều tra thường dài và phức tạp. Trong khi đó các thông tin mà doanh nghiệp đưa ra trong Bản trả lời Bảng câu hỏi sẽ là dữ liệu quan trọng và cơ bản mà Ủy ban châu Âu sẽ sử dụng để điều tra và do đó có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả điều tra đối với doanh nghiệp. Vì vậy các doanh nghiệp cần thực hiện việc trả lời Bảng câu hỏi một cách cẩn trọng nhất có thể, đọc kỹ các hướng dẫn trước khi thực hiện (đặc biệt là hướng dẫn về cách trả lời các loại câu hỏi, cách đánh dấu thông tin mật...).

Trước khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra, doanh nghiệp cần chú ý làm rõ định nghĩa chính xác sản phẩm bị điều tra nhằm đảm bảo rằng:

- Các thông tin đưa ra khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra là thông tin về/của sản phẩm bị điều tra chứ không phải là thông tin về cả các sản phẩm khác (tránh đưa thông tin quá rộng)
- Các thông tin đưa ra khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra không bị bó hẹp riêng ở một nhóm mẫu/loại nào của sản phẩm bị điều tra (tránh đưa thông tin quá hẹp).

Việc trả lời Bảng câu hỏi điều tra cần chú ý đảm bảo:

- Trả lời đầy đủ và chính xác nhất có thể, kèm theo tất cả các tài liệu chứng minh liên quan (đặc biệt là chứng minh các số liệu đã nêu trong phần trả lời);
- Chỉ được bổ sung các thông tin có liên quan đến các câu hỏi trong Bảng câu hỏi điều tra;
- Trường hợp câu hỏi không liên quan đến doanh nghiệp mình thì cần giải thích rõ ràng tại sao không liên quan;
- Trường hợp câu trả lời cho câu hỏi là “Không” thì phải ghi rõ là “None” (chứ không được để trống, không trả lời);

- Đánh dấu theo đúng quy định các nội dung mà doanh nghiệp xem là thông tin mật (không công khai).

Trong quá trình trả lời Bảng câu hỏi, nếu có vấn đề gì chưa rõ doanh nghiệp có thể liên hệ với cán bộ Ủy ban phụ trách về vụ việc (tên và thông tin liên hệ được nêu rõ trên Bảng câu hỏi) để được giải thích hoặc hướng dẫn trả lời. Tuy nhiên, trên thực tế, hầu hết các công việc này sẽ được luật sư tư vấn hướng dẫn cụ thể và theo hướng có lợi cho doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có luật sư tư vấn riêng.

Chú ý là bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra sẽ được công khai cho tất cả các bên liên quan trong vụ điều tra tiếp cận (đặc biệt là bên nguyên đơn), vì vậy doanh nghiệp cần lưu ý các nội dung mật, không công khai để đánh dấu theo đúng yêu cầu (bởi nếu không cơ quan điều tra sẽ suy đoán đó là thông tin không mật và sẽ công khai).

Hộp 5. Một số điểm về kỹ thuật cần lưu ý khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra

1. Trả lời các câu hỏi theo trình tự trong Bảng câu hỏi. Các thông tin và bảng biểu phải tuân thủ hình thức chung và phải được ghi tên rõ ràng. Trường hợp không có đủ chỗ để đưa thông tin trong bảng câu hỏi, có thể bổ sung thêm phụ lục (nêu rõ phụ lục để bổ sung thông tin cho câu hỏi nào, phần nào);

2. Tất cả các bảng biểu được sử dụng làm nguồn để trả lời Bảng câu hỏi, đặc biệt là các bảng biểu liên quan đến các thông tin trong báo cáo kế toán tài chính, cần được lưu trữ theo hệ thống để có thể truy cập/xuất trình được khi Ủy ban châu Âu điều tra thực địa;

3. Mọi thông tin nêu trong Bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra đều phải đảm bảo có thể truy nguồn trong các tài liệu kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp;

4. Tất cả các tài liệu gửi trong hoặc kèm theo bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra nếu được viết bằng ngôn ngữ khác thì phải kèm theo một bản dịch tiếng Anh;

5. Các thông tin cần được nộp dưới dạng số hóa trên máy vi tính (bản mềm) phù hợp với các mẫu trong Mục H của Bảng câu hỏi điều tra. Chú ý để đảm bảo rằng các files thông tin không bị virus (việc nộp tài liệu chứa virus có thể bị xem là hành động làm ảnh hưởng/cản trở quá trình điều tra). Việc không nộp tài liệu được số hóa có thể bị xem là hành vi không hợp tác.

6. Bảng câu hỏi không chỉ liên quan đến doanh nghiệp xuất khẩu mà cả các chi nhánh, đơn vị trực thuộc hoặc công ty con của doanh nghiệp. Vì vậy:

- Nếu doanh nghiệp có chi nhánh, công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc tại EU có liên quan đến việc bán hoặc tiếp thị sản phẩm bị điều tra, mỗi đơn vị này sẽ phải trả lời một Bảng câu hỏi dành riêng cho họ (Phụ lục I Bảng câu hỏi điều tra);

- Nếu doanh nghiệp có chi nhánh, công ty con hoặc đơn vị phụ thuộc ngoài EU có liên quan đến việc bán hoặc tiếp thị sản phẩm liên quan tại thị trường nội địa nước xuất khẩu hoặc sang EU hoặc sản xuất sản phẩm bị điều tra, đơn vị đó phải trả lời Bảng câu hỏi này riêng rẽ/độc lập với doanh nghiệp liên quan.

7. Sử dụng các số liệu về tiền ghi trong sổ kế toán để trả lời các câu hỏi liên quan đến số liệu. Trường hợp số tiền không có trong sổ kế toán và cần được quy đổi thì sử dụng tỷ giá hối đoái trung bình như được nêu trong Phụ lục II của Bảng câu hỏi điều tra;

8. Xác định rõ các loại đơn vị đo và đơn vị tiền tệ sử dụng trong các bảng, danh mục hoặc tính toán;

9. Trừ các trường hợp khác biệt được nêu rõ, các số liệu khai báo phải nằm trong khoảng thời gian điều tra (như nêu tại trang đầu tiên của Bảng câu hỏi điều tra);

10. Nếu doanh nghiệp có đơn vị tư vấn (một hãng luật, hãng kế toán...) thì cần xuất trình Văn bản ủy quyền cho Ủy ban châu Âu theo đúng thủ tục và thời hạn.

3.5. Hướng dẫn thẩm tra tại chỗ

Thẩm tra tại chỗ là hoạt động điều tra tại trụ sở và/hoặc nhà máy của các bên liên quan nhằm xác minh tính chính xác, đầy đủ và căn cứ của các thông tin mà các bên liên quan đã cung cấp cho Ủy ban châu Âu trong bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra. Nói cách khác, trong điều tra thực địa, các cán bộ điều tra sẽ ráp nối các thông tin mà họ nhận được với số liệu trong sổ sách kế toán thực tế của doanh nghiệp xem đó có đúng là thông tin/số liệu thực không (hay là số liệu có lợi cho doanh nghiệp, được dựng lên/tạo ra phục vụ cho việc điều tra).

Thời gian điều tra thực địa

Việc điều tra được tiến hành sau khi cán bộ điều tra đã xử lý sơ bộ các thông tin từ bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra của các doanh nghiệp, xác định các vấn đề cần xác minh và hoàn thành các công việc chuẩn bị cho việc điều tra thực địa. Đây là một công việc có khối lượng tương đối lớn, vì vậy thường Thẩm tra tại chỗ chỉ được bắt đầu khoảng 3-4 tháng sau khi khởi xướng điều tra.

Hộp 6. Quy trình chuẩn bị Thẩm tra tại chỗ của cán bộ điều tra

Chuẩn bị trong nội bộ

- Lên danh sách các vấn đề cần thẩm tra (chủ yếu là các nội dung cơ bản phục vụ việc tính toán biên độ phá giá);
- Đánh giá hệ thống IT của doanh nghiệp sẽ tiến hành xác minh;
- Liệt kê các câu hỏi sẽ hỏi;
- Phân bổ công việc (mỗi cán bộ phụ trách xác minh một mảng)
- Quyết định trình tự điều tra thực địa
- Chuẩn bị hồ sơ + tài liệu để đem đến nơi thẩm tra
- Chọn mẫu (không phải tất cả các thông tin về một vấn đề đều sẽ được xác minh mà chỉ chọn một số).

Chuẩn bị thực tế

- Địa điểm công ty/địa điểm lưu trữ hồ sơ ghi chép của công ty (hồ sơ kế toán/doanh thu/sản xuất)
- Thỏa thuận ngày thẩm tra
- Phối hợp kiểm tra nhiều nơi
- Thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu
- Phiên dịch
- Gửi Công văn thông báo nội dung thẩm tra (bao gồm các tài liệu cần chuẩn bị)

Trình tự điều tra thực địa

Việc Thẩm tra tại chỗ sẽ được thực hiện đối với cả các doanh nghiệp nội địa EU (chủ yếu để xác định mức độ thiệt hại) và các doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài theo trình tự sau:

- Bước 1: Điều tra xác minh tại EU (Thẩm tra tại chỗ tại các nhà máy/trụ sở của các nhà nhập khẩu và các nhà sản xuất nội địa sản xuất sản phẩm tương tự của EU);

- Bước 2: Điều tra xác minh tại nước xuất khẩu bị điều tra (Thẩm tra tại chỗ tại trụ sở/nhà máy của các nhà sản xuất xuất khẩu nước ngoài bị điều tra).

Các hoạt động điều tra thực địa

i. Thông báo trước khi điều tra

Theo quy định, trước khi tiến hành điều tra thực địa, cơ quan điều tra sẽ phải thông báo cho doanh nghiệp bị đơn về việc Thẩm tra tại chỗ và phải được doanh nghiệp này đồng ý cho phép điều tra.

Tuy nhiên vì lợi ích của mình, các doanh nghiệp “phải” đồng ý cho phép Thẩm tra tại chỗ và “phải” hợp tác tốt (bằng cách cung cấp đầy đủ các tài liệu mà cán bộ điều tra yêu cầu nhanh nhất có thể). Lý do là nếu không đồng ý cho điều tra hoặc gây khó khăn cho quá trình điều tra, cán bộ điều tra có thể suy đoán là không hợp tác hay cố ý giấu diếm và sẽ áp dụng thông tin sẵn có bất lợi cho doanh nghiệp;

ii. Trong quá trình điều tra

Thời gian Thẩm tra tại chỗ thường là khoảng 2-4 ngày/doanh nghiệp (hoặc nhóm doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có các đơn vị phụ thuộc khác). Mặc dù cán bộ điều tra sẽ chỉ điều tra một phần các thông tin (không phải điều tra hết) nhưng khoảng thời gian 2-4 ngày vẫn là rất ngắn để xác minh được hết các vấn đề này. Vì vậy việc chuẩn bị trước để cuộc điều tra được tiến hành suôn sẻ, nhanh chóng và thuận lợi là rất quan trọng.

Ngay khi bắt đầu điều tra, cán bộ điều tra sẽ hỏi doanh nghiệp xem có cần thay đổi thông tin gì trong bản trả lời Bảng câu hỏi điều tra hay không. Và doanh nghiệp nên tranh thủ cơ hội này để “điều chỉnh” những thông tin trong bản trả lời của mình, nếu có (tuy nhiên, cũng không thể điều chỉnh lớn).

Sau đó trên cơ sở các vấn đề cần xác minh đã thông báo cho doanh nghiệp, cán bộ điều tra sẽ tiến hành đặt câu hỏi, xem xét và yêu cầu cung cấp các tài liệu cụ thể. Để có kết quả tốt nhất, doanh nghiệp cần hợp tác với cán bộ điều tra, cung cấp các tài liệu, chứng từ mà cán bộ điều tra yêu cầu theo cách thức nhanh nhất có thể. Ngoài ra, cán bộ điều tra có thể yêu cầu thẩm tra (hỏi trực tiếp) nhân viên hoặc người lao động của doanh nghiệp (chứ không phải luật sư). Vì vậy doanh nghiệp cần bố trí kịp thời để các nhân viên/người lao động này có thể nhanh chóng có mặt, được chuẩn bị tốt và trả lời câu hỏi của cán bộ điều tra.

Hộp 7. Các loại giấy tờ, chứng từ mà cán bộ điều tra có thể yêu cầu xuất trình

- Báo cáo tài chính kế toán (Bảng cân đối kế toán, phiếu tài khoản...)
- Các tài liệu công ty (sổ cái, ghi chép hàng ngày, hồ sơ sản xuất, hồ sơ hàng tồn kho, bảng lương, sổ sách ghi tài sản... báo cáo tài chính, biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị)
- Thông tin quản lý (báo cáo của Giám đốc, hệ thống kế toán chi phí, khác)
- Đồ thị kế toán
- Tài liệu giao dịch

Nếu cán bộ điều tra được cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết và các tài liệu này khớp với những gì doanh nghiệp đã cung cấp trong Bảng câu hỏi điều tra, tức là nếu doanh nghiệp thuyết phục được cán bộ điều tra rằng các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp là chính xác và đáng tin cậy thì doanh nghiệp có nhiều cơ hội hơn để nhận được kết quả điều tra có lợi (mức thuế thấp).

Ngược lại, nếu cuộc điều tra diễn ra lộn xộn, với nhiều thông tin không thể kiểm chứng hoặc việc cung cấp tài liệu chậm trễ, không hợp tác, cán bộ điều tra có thể quyết định sử dụng “thông tin sẵn có bất lợi” (những thông tin mà họ có thể tìm thấy từ các nguồn khác sẵn có, thường là từ đơn kiện của nguyên đơn, vì vậy thường bất lợi cho doanh nghiệp) để thay thế cho những thông tin doanh nghiệp cung cấp mà họ cho rằng không thể xác minh được.

Hộp 8. Phương pháp Thẩm tra tại chỗ của cán bộ điều tra

(i) Phương pháp tiếp cận

- Kiểm tra không định hướng:

Cán bộ điều tra sẽ tiến hành xem xét tính hợp lý của thông tin mà doanh nghiệp cung cấp; nếu phát hiện có bất hợp lý thì sẽ tiến hành điều tra tiếp về nội dung đó.

- Kiểm tra định hướng:

Cán bộ điều tra tiến hành kiểm tra xem thông tin doanh nghiệp khai báo có phải là nói quá (khai báo cao hơn mức thực tế) hay nói giảm/nói tránh (khai báo thấp hơn, hoặc không khai báo) không (phương pháp này thường áp dụng đối với các thông tin là số liệu)

- Kiểm tra nói quá:

Đối tượng: Thường sử dụng để xác minh các thông tin doanh nghiệp khai báo về giá xuất khẩu, phân bổ chi phí giá nội địa...

Phương pháp: Bắt đầu bằng số liệu mà doanh nghiệp cung cấp trong bản trả lời Bảng câu hỏi (thường các số liệu lớn bất thường sẽ bị chọn xác minh), cán bộ điều tra sẽ truy về sổ sách chứng từ xem có khớp không;

- Kiểm tra nói giảm, nói tránh:

Đối tượng: Thường sử dụng để xác minh các thông tin doanh nghiệp khai báo về giá nội địa, chi phí phân bổ cho giá xuất khẩu, chi phí phân bổ cho sản xuất...

Phương pháp: Cán bộ điều tra sẽ bắt đầu từ sổ sách chứng từ nội bộ của doanh nghiệp để kiểm tra ngược lên bản trả lời Bảng câu hỏi của doanh nghiệp xem bản trả lời có cố ý bỏ qua số liệu nào không, có ghi giảm số liệu nào không.

(ii) Phương pháp kiểm tra

Đối với từng giao dịch được lựa chọn điều tra, việc xác minh thường được cán bộ điều tra tiến hành như sau:

- Truy nguồn chứng từ, tài liệu: tìm kiếm tất cả các tài liệu liên quan đến giao dịch
- Xác minh tất cả các chứng từ theo hệ thống xuyên suốt của giao dịch: ví dụ kiểm tra đơn đặt hàng/hợp đồng, vận đơn, tài liệu hải quan, hóa đơn, sổ cái bán hàng, các số liệu kế toán, sổ cái chung, ghi chép hàng ngày, thanh toán (biên nhận tiền mặt, tài khoản ngân hàng)
- Kiểm tra các giao dịch liên quan: các giao dịch khác có liên quan đến giao dịch đang bị xác minh cũng có thể sẽ bị xem xét.

Kết quả của cuộc điều tra

Kết thúc điều tra thực địa, Cán bộ điều tra sẽ không đưa ra kết luận ngay mà sẽ tiến hành thêm một số công việc nữa khi đã trở về như:

1. Tóm tắt vấn đề chính yếu
2. Kiểm tra chéo các chứng cứ thu thập được
3. Liệt kê các tài liệu yêu cầu doanh nghiệp bổ sung thêm hoặc các hoạt động khác cần thực hiện tiếp theo đối với từng doanh nghiệp sau chuyến điều tra xác minh (chỉ khi thật cần thiết);
4. Yêu cầu doanh nghiệp bổ sung tài liệu hoặc làm rõ các vấn đề, nếu có và xử lý thông tin phản hồi từ doanh nghiệp;
5. Tiến hành rà soát lại tổng thể các vấn đề điều tra.

Sau khi thực hiện tất cả các hoạt động nêu trên, cán bộ điều tra sẽ lập Báo cáo kết quả điều tra xác minh, Ủy ban châu Âu sẽ quyết định thông tin nào doanh nghiệp cung cấp có thể được sử dụng, thông tin nào sẽ bị thay thế bằng thông tin sẵn có bất lợi để tính toán biên độ phá giá cho doanh nghiệp. Nói cách khác, sau khi điều tra thực địa, cơ quan điều tra sẽ quyết định sẽ sử dụng thông tin nào để tính toán theo một trong các hướng:

- Chấp nhận toàn bộ các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp: Đây là kết quả Thẩm tra tại chỗ có lợi nhất cho doanh nghiệp; hoặc
- Bác bỏ một phần các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp (và thay thế bằng thông tin sẵn có bất lợi); hoặc
- Bác bỏ toàn bộ các thông tin mà doanh nghiệp cung cấp (và sử dụng hoàn toàn các thông tin sẵn có bất lợi): Đây là kết quả Thẩm tra tại chỗ bất lợi nhất cho doanh nghiệp.

Lưu ý đối với doanh nghiệp

Thẩm tra tại chỗ có ý nghĩa rất quan trọng đối với kết quả vụ việc đối với từng doanh nghiệp (bởi thông qua điều tra thực địa, cơ quan điều tra sẽ quyết định sẽ sử dụng những thông tin nào mà doanh nghiệp cung cấp cho họ để tính toán biên độ phá giá).

Trong khi đó các cuộc Thẩm tra tại chỗ lại rất gấp gáp, với thời gian điều tra ngắn, thông tin cần thẩm tra lại nhiều nên kết quả điều tra phụ thuộc rất lớn vào sự chuẩn bị của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị các tài liệu cần thiết (theo Công văn thông báo nội dung điều tra đã được Ủy ban châu Âu gửi trước đó), sắp xếp có hệ thống, có thể xuất trình trong thời gian sớm nhất. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần chú ý đến cơ sở vật chất phục vụ hoạt động điều tra.

Ngoài ra, lưu ý rằng thành công của cuộc Thẩm tra tại chỗ đối với doanh nghiệp là ở chỗ doanh nghiệp có giành được sự tin cậy của cán bộ điều tra hay không. Vì thế, thái độ trung thực là đặc biệt cần thiết.

Hộp 9. Doanh nghiệp nên chuẩn bị như thế nào cho điều tra thực địa?

Việc chuẩn bị cho điều tra xác minh cần bắt đầu ngay khi doanh nghiệp được lựa chọn vào Nhóm Mẫu, theo từng bước sau đây:

Bước 1: Tính đến khả năng bị điều tra ngay khi trả lời Bảng câu hỏi điều tra. Nói cách khác, doanh nghiệp cần tính đến việc chứng cứ nào sẽ được sử dụng để chứng minh thông tin khi bị điều tra xác minh để lựa chọn thông tin trả lời và phải lưu giữ và sắp xếp thông tin

tương ứng. Làm được việc này, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được một khối lượng công việc khổng lồ trong giai đoạn điều tra xác minh sau đó;

Bước 2: Phân tích kỹ lưỡng Công văn thông báo các nội dung điều tra xác minh. Bản Công văn này (dù rất ngắn gọn và không đầy đủ) có thể cung cấp cho doanh nghiệp ít nhiều thông tin về những giao dịch hay vấn đề sẽ bị điều tra xác minh để từ đó doanh nghiệp có thể sơ bộ chuẩn bị (với sự tư vấn của luật sư);

Bước 3: Chuẩn bị các tài liệu, chứng từ dự đoán là sẽ bị cán bộ điều tra yêu cầu (dựa trên phân tích Công văn thông báo các vấn đề sẽ Thẩm tra tại chỗ và tư vấn của luật sư), đặc biệt là các chứng từ sổ sách kế toán;

Việc doanh nghiệp chậm trễ, mất nhiều thời gian vào việc nghĩ xem tài liệu mà cán bộ điều tra cần đang nằm ở đâu và làm thế nào để tìm ra có thể khiến cán bộ điều tra suy đoán rằng doanh nghiệp không muốn hợp tác hoặc không thể đưa ra chứng cứ chứng minh.

Việc sắp xếp trước các tài liệu cần thiết sẽ rất hữu ích bởi tài liệu được lưu trữ lại theo một hệ thống linh hoạt, dễ hiểu và phù hợp với mục tiêu điều tra và do đó:

- + Có thể xuất trình ngay khi được yêu cầu;
- + Có thể phát hiện các vấn đề tồn tại cần xử lý;
- + Chuẩn bị lập luận giải thích thích hợp với các trường hợp cần thiết.

Bước 4: Chuẩn bị các vấn đề logistics phục vụ hoạt động điều tra xác minh. Đây là những việc rất nhỏ nhưng lại có thể giúp việc điều tra tiến hành thuận lợi, suôn sẻ, tiết kiệm thời gian và không gây ấn tượng xấu cho cán bộ điều tra. Ví dụ, chuẩn bị sẵn một máy photocopy chỉ phục vụ cho việc photo các chứng từ mà cán bộ điều tra yêu cầu, tập trung các giấy tờ chứng từ cần thiết về một nơi nếu có thể, chuẩn bị các phòng làm việc đủ rộng để chứa các chứng từ cần thiết, có phòng riêng cho cán bộ điều tra làm việc, có phòng riêng để cán bộ doanh nghiệp và luật sư hội ý khi cần thiết...

Hộp 10. Bày điều “cắm kỵ” trong điều tra thực địa

(i) Đừng bao giờ trả lời gian dối: Cần phân biệt giữa một câu trả lời hạn chế (chỉ trả lời được một phần câu hỏi nhưng vẫn có giá trị) và câu trả lời gian dối (sẽ hủy hoại niềm tin của cán bộ điều tra vào doanh nghiệp);

(ii) Đừng bao giờ xuất trình một tài liệu giả hoặc đã được “chế biến lại”: Nếu việc này bị phát hiện (mà khả năng này là rất lớn bởi cán bộ điều tra có đủ kinh nghiệm ở rất nhiều cuộc điều tra khác), cán bộ điều tra sẽ mất lòng tin và doanh nghiệp không còn nhiều hy vọng qua được cuộc xác minh;

(iii) Đừng bao giờ xuất trình một tài liệu chưa được xem xét cẩn thận: Mọi tài liệu trước khi xuất trình phải được kiểm tra kỹ lưỡng (một tiêu đề trên tài liệu không phù hợp, một ghi chú lơ đãng bên rìa... có thể gây hại cho doanh nghiệp). Doanh nghiệp cần kiểm tra không phải để làm lại hay điều chỉnh tài liệu mà để chuẩn bị trước những lập luận hoặc giải thích liên quan;

(iv) Đừng bao giờ cho phép nhân viên doanh nghiệp phát ngôn với cán bộ điều tra mà không có sự chuẩn bị;

(v) Đừng bao giờ tự nguyện đưa các thông tin có thể có hại đến sự tin cậy của cán bộ điều tra đối với doanh nghiệp (ví dụ các thông tin về những khoản chi không chính thức, về những rắc rối liên quan đến tòa án... - những thông tin này nếu không được hỏi thì doanh nghiệp không nên tự tiết lộ cho cán bộ điều tra, ngay cả dưới hình thức nói đùa);

(vi) Đừng bao giờ trả lời ước đoán: Nếu không biết câu trả lời cho một câu hỏi nào đó, tốt nhất là không trả lời, bởi những câu trả lời không chắc chắn, ước đoán có thể gây hại (ít nhất là ở lòng tin của cán bộ điều tra). Nếu nhân viên của doanh nghiệp không chắc về một câu trả lời nào đó, tốt nhất họ nên tham khảo ý kiến của luật sư trước;

(vii) Đừng bao giờ từ chối cung cấp một tài liệu bất kỳ cho cán bộ điều tra: Việc từ chối cung cấp tài liệu (kể cả những tài liệu không quan trọng) sẽ khiến nguy cơ bị xem là không hợp tác và bị dùng “thông tin sẵn có” gia tăng. Nếu không thể hoặc không muốn cung cấp tài liệu được yêu cầu, doanh nghiệp có thể đề xuất cung cấp một tài liệu thay thế. Nếu

doanh nghiệp cố ý lờ đi, cũng có thể gặp may nếu sau đó cán bộ điều tra quên mất tài liệu đó, nhưng nếu họ nhắc lại về tài liệu đó thì doanh nghiệp không có

3.6. Hướng dẫn chuẩn bị các bản phản biện và lập luận

Trong quá trình điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp, các bên có quyền yêu cầu cán bộ điều tra mở các phiên điều trần để các bên được trực tiếp trình bày lập luận của mình.

Theo quy định, phiên điều trần được tiến hành theo yêu cầu của các bên liên quan, vì vậy việc lựa chọn thời điểm thích hợp để đề nghị mở phiên điều tra là rất quan trọng đối với doanh nghiệp, cụ thể:

- Một phiên điều trần tổ chức vào thời gian vụ điều tra mới bắt đầu có thể có ít tác động (bởi khi đó các bên chưa có nhiều thông tin của “đối thủ” để phản biện, cán bộ điều tra cũng chưa có quan điểm rõ ràng về các vấn đề để tiếp nhận, làm rõ các lập luận của các bên);

- Một phiên điều trần tổ chức quá muộn (khi cán bộ điều tra đã hầu như đi đến kết luận về vụ việc) thì khả năng xoay chuyển tình thế là rất thấp. Theo quan điểm của các chuyên gia thì một phiên điều trần tổ chức trong giai đoạn điều tra cuối cùng, trước khi cơ quan điều tra đi đến quyết định về việc sử dụng các yếu tố nào để quyết định kết quả vụ việc là thích hợp nhất.

3.7. Hướng dẫn tham gia cơ chế loại trừ

Điều 13(4) của Quy định AD của EU

Nếu được miễn thuế, có nghĩa là không phải nộp thuế gia hạn trong tương lai và việc đăng ký nhập khẩu bị chấm dứt mà không thu thuế hồi tố

- Mục đích: loại trừ các nhà hoạt động kinh tế không tham gia vào hành vi lẩn tránh thuế
- Được miễn trừ: nếu công ty được kết luận không lẩn tránh thuế (và không liên quan đến nhà sản xuất bị áp dụng biện pháp)
- Hàng nhập khẩu từ các nhà xuất khẩu được miễn thuế không phải chịu thuế AD khi nhập khẩu vào EU nếu:

- Kèm theo hóa đơn thương mại hợp lệ có đầy đủ các yếu tố cụ thể (ví dụ: tên công ty, mô tả chính xác về hàng hóa, chứng nhận của công ty rằng hàng hóa do công ty sản xuất)
- Tuân thủ chính xác rất quan trọng!

Miễn trừ dành riêng cho công ty

Việc miễn trừ có thể được yêu cầu bởi:

+ Nhà sản xuất xuất khẩu tại quốc gia ban đầu bị áp dụng biện pháp này hoặc quốc gia thứ ba bị điều tra, tùy từng trường hợp.

+ trong trường hợp lắp ráp tại EU - nhà nhập khẩu, nhà lắp ráp hoặc nhà sản xuất và trong trường hợp đặc biệt là thương nhân trên cơ sở kiểm soát việc sử dụng cuối cụ thể

Để được miễn trừ, doanh nghiệp cần:

- đăng ký với tư cách là bên quan tâm trong vòng 15 ngày kể từ ngày bắt đầu cuộc điều tra
- hoàn thành mẫu yêu cầu miễn trừ trong vòng 37 ngày, và
- Xác minh thành công tại chỗ
- Quyền miễn trừ có thể bị thu hồi.

3.8. Vận động hành lang

Nếu như Ủy ban châu Âu là cơ quan có thẩm quyền điều tra, chỉ ra các kết luận dựa trên các yếu tố kỹ thuật (căn cứ pháp lý và thực tiễn) và do đó về nguyên tắc hầu như không có vận động hành lang trực tiếp và chính thức đối với cơ quan này thì các cơ quan khác có vai trò trong việc áp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp chính thức lại là những “địa chỉ” vận động hành lang hiệu quả và rất có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp.

Vận động hành lang đối với Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại

Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại không có thẩm quyền ra quyết định áp thuế, cũng không có khả năng can thiệp trực tiếp vào việc ra quyết định này trong khuôn khổ vụ điều

tra chống bán phá giá/chống trợ cấp ở EU. Tuy nhiên cơ quan này có thể gây ảnh hưởng đối với quá trình ra quyết định áp thuế chính thức ở 02 góc độ:

Ý kiến tư vấn của Ủy ban là yếu tố mà Ủy ban châu Âu phải cân nhắc khi lập đề xuất về việc áp thuế chống bán phá giá. Ngoài ra, đại diện của các nước thành viên trong thành phần Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại thậm chí có thể gây sức ép bằng nhiều cách thức khác nhau đến quyết định của Ủy ban châu Âu.

Ý kiến tư vấn của Ủy ban (với các thành viên là đại diện của từng quốc gia EU và Chủ tịch Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại là Chủ tịch Ủy ban châu Âu) có thể có ảnh hưởng nhất định đến việc bỏ phiếu phản đối, nếu có, của các quốc gia thành viên đối với đề xuất áp thuế của Ủy ban châu Âu. Ý kiến của từng thành viên trong Ủy ban thậm chí có thể là sự phản ánh ý kiến chính thức của nước thành viên liên quan về việc áp thuế.

Vận động hành lang đối với các nước thành viên EU

Mỗi nước thành viên EU đều có một lá phiếu quyết định đối với việc áp đặt thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp chính thức ở EU. Vì thế việc vận động hành lang đối với các nước thành viên này thực tế là vận động trực tiếp đến chủ thể có quyền ra quyết định.

Lưu ý đối với doanh nghiệp

Với vai trò và khả năng gây tác động về mặt chính trị đến quyết định cuối cùng về việc áp thuế chống bán phá giá/chống trợ cấp của Ủy ban về công cụ phòng vệ thương mại và Hội đồng châu Âu mà không phụ thuộc vào kết quả điều tra về mặt kỹ thuật, việc vận động hành lang đối với các cơ quan này là rất quan trọng (đặc biệt khi doanh nghiệp không còn cơ hội để tự lập luận bảo vệ lợi ích của mình trước Ủy ban châu Âu do cơ quan này đã khép lại quá trình điều tra).

Việc vận động hành lang sẽ thực sự có hiệu quả nếu các doanh nghiệp xuất khẩu bị đơn, các hiệp hội (thậm chí cả Chính phủ nước xuất khẩu) chú ý các vấn đề sau:

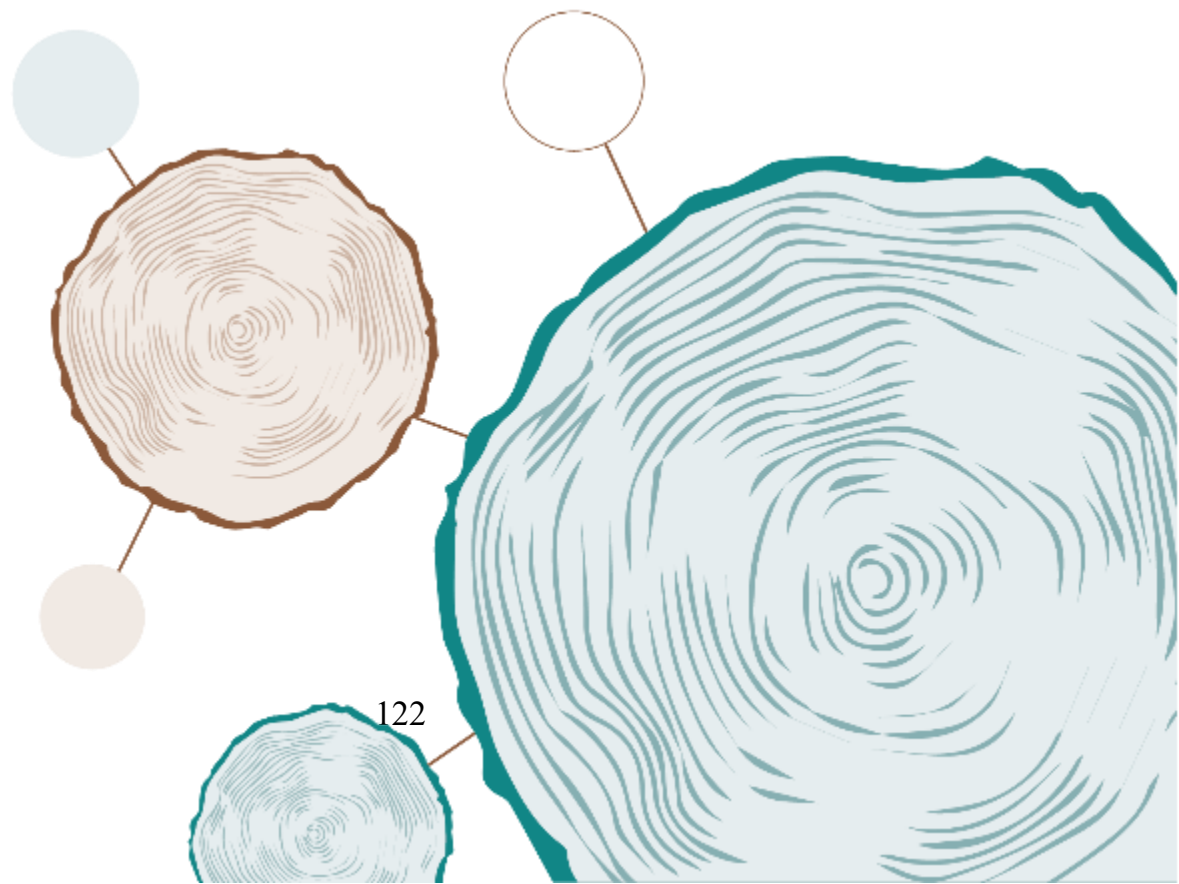
Theo dõi thường xuyên diễn tiến chính trị ở các nước thành viên EU có liên quan đến vụ điều tra chống bán phá giá/chống trợ cấp;

Có chiến lược vận động hành lang thống nhất và hài hòa với các đối tượng vận động với sự tư vấn của các luật sư/chuyên gia tư vấn;

Trực tiếp thực hiện hoạt động vận động hành lang (đặc biệt là từ phía các hiệp hội, cơ quan Chính phủ) với sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị vận động hành lang chuyên nghiệp (thông thường các luật sư tư vấn sẽ trực tiếp thực hiện việc này hoặc liên hệ, phối hợp với đơn vị vận động hành lang chuyên nghiệp nếu luật sư không thể đảm nhiệm).

CHƯƠNG III

Thị trường Nhật Bản



1. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Nhật Bản – Thuận lợi và thách thức

Theo số liệu thống kê của Tổng cục hải quan, và thống kê của Forest Trends, trong vòng 10 tháng đầu năm 2023 Nhật Bản, đạt 1,38 tỷ USD, giảm 11,3% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 12,92% giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam.

Tiềm năng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ sang thị trường Nhật Bản là rất lớn bởi Nhật Bản là thị trường có sức tiêu thụ lớn, với dân số gần 126 triệu người và thu nhập bình quân đầu người khoảng 43.000 USD/năm.

Mặt khác, theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, Nhật Bản đã trở thành một trong những thị trường năng lượng tái tạo lớn nhất thế giới, với tiềm năng tăng trưởng khả quan. Sự tập trung vào năng lượng tái tạo được tăng cường sau trận động đất và sóng thần tháng 3/2011 làm hư hại nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi. Các động thái đầu tư và quyết định đóng cửa hầu hết các lò phản ứng hạt nhân của Nhật Bản đã khiến việc phát triển năng lượng tái tạo tăng trưởng ổn định. Chính vì vậy, Nhật Bản có nhu cầu nhập khẩu lớn đối với mặt hàng dăm gỗ.

Mặc dù theo đuổi chính sách thương mại tự do cắt giảm thuế quan theo lộ trình từ các hiệp định thương mại, nhưng Nhật Bản vẫn áp dụng các cơ chế phi thuế quan nhằm bảo hộ ngành sản xuất trong nước.

Trong các rào cản như vậy, Chính phủ Nhật Bản thường lồng những lý do chính đáng như bảo vệ các ngành sản xuất trong nước trước những hành động thương mại không lành mạnh (chống bán phá giá, chống trợ cấp), bảo vệ an toàn sức khỏe con người, an toàn môi trường... Do đó, doanh nghiệp cần phải nắm bắt được nhu cầu, sản xuất sản phẩm có chất lượng tốt đáp ứng đúng các yêu cầu và quy định của thị trường Nhật Bản.

Đáng chú ý, nếu chất lượng của một sản phẩm đã được thị trường Nhật Bản chấp thuận thì sản phẩm đó hoàn toàn có thể cạnh tranh tốt được ở các thị trường khác. Bên cạnh đó, thị hiếu tiêu dùng của người Nhật Bản rất đa dạng, coi trọng chất lượng và tính tiện dụng của sản phẩm nhằm đáp ứng mọi nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy, các doanh nghiệp cần

nghiên cứu tìm hiểu rõ về thị hiếu của người tiêu dùng, từ đó đa dạng hóa mẫu mã, hình thức sản phẩm, cùng với việc tìm cách nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành.

2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng/môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ: Luật gỗ sạch 2016

Luật về gỗ hợp pháp của Nhật Bản sẽ có hiệu lực kể từ ngày 20/5/2017. Đây là một trong những văn bản luật quan trọng để các doanh nghiệp kinh doanh gỗ Nhật Bản, hoặc các nhà xuất khẩu nước ngoài hướng đến việc cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp.

Có hình phạt nào khi vi phạm luật không?

Vì luật về gỗ hợp pháp là luật khuyến khích nên không có hình phạt pháp lý. Nếu một người giải quyết các sản phẩm gỗ mà nghi ngờ bất hợp pháp và sau đó người đó chứng minh là gỗ khai thác trái phép thì cũng sẽ không có bất kỳ hình phạt nào. Tuy nhiên, nếu một người biết gỗ đang được thu hoạch bất hợp pháp, có khả năng kiểm tra, có lời khuyên kèm theo. Nếu một người có hành vi trái pháp luật, việc đăng ký sẽ bị hủy bỏ và tên người vi phạm sẽ được công khai.

Luật quy định cụ thể ‘gỗ’ gì?

Có nhiều loại sản phẩm từ gỗ tròn, gỗ xẻ, ván ép, vật liệu xây dựng, đồ gỗ và giấy. Trong đó, sẽ có một tiêu chuẩn nhất định bao nhiêu gỗ được sử dụng chế biến đồ nội thất. Nếu sử dụng gỗ ít hơn tiêu chuẩn thì nó không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật. Nếu các sản phẩm chủ yếu được làm từ gỗ tái chế như MDF, OSB và ván dăm, thì các sản phẩm này cũng không thuộc phạm vi điều chỉnh. Các sản phẩm như bê tông hình thành panel, giàn giáo và cọc ván, chỉ được sử dụng tại các điểm xây dựng không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật, nhưng các nguyên liệu thô hình thành lên các sản phẩm như gỗ dán và gỗ xẻ thì cần phải chứng minh tính hợp pháp.

“Xác nhận về tính hợp pháp” nghĩa là gì?

Các phương pháp chứng minh tính hợp pháp hiện nay là các chứng chỉ rừng như FSc, PEFC và SGEc, chứng nhận theo nhóm công nghiệp và hệ thống chứng nhận cá nhân như các công ty sản xuất giấy lớn sau đó có chứng nhận sản phẩm địa phương theo quận. Bản thân chứng chỉ rừng là đủ. các yếu tố được đề cập trong tuyên bố giao chứng nhận của nhóm có thể bị thay đổi hoặc việc đăng ký thu hoạch có thể được yêu cầu đính kèm. Đối với sản phẩm gỗ nhập khẩu, cần có tuyên bố xác minh sản phẩm phù hợp với hệ thống pháp luật của nước sản xuất. Nếu không có giấy chứng nhận đó thì có thể sử dụng chứng nhận thứ cấp như luật gỗ của liên minh châu âu hoặc Đạo luật lacey của Hoa Kỳ.

Nếu không chứng minh được tính pháp lý của sản phẩm gỗ, thì sẽ xử lý sản phẩm bị cấm như thế nào?

Ngay cả với sự nỗ lực không ngừng mà vẫn không chứng minh được tính hợp pháp, sản phẩm đó có thể bị xử lý riêng, tách biệt với các sản phẩm đã được chứng minh hợp pháp. mục đích của luật này là phải tiếp tục từng bước giảm thiểu các sản phẩm bất hợp pháp.

Sự khác nhau giữa doanh nghiệp được chứng nhận bởi chứng nhận nhóm với doanh nghiệp đã đăng ký theo luật về gỗ hợp pháp là gì?

Chứng nhận nhóm là một phương tiện để xác nhận tính hợp pháp và doanh nghiệp đã đăng ký được quyền sử dụng phương pháp này. các phương tiện xác nhận tính hợp pháp rất khác nhau như chứng nhận của quận. các doanh nghiệp đã đăng ký xác nhận tính pháp lý thông qua chứng chỉ rừng và chứng nhận nhóm tuyên bố sẽ chủ động xử lý các sản phẩm đó. một khi trở thành doanh nghiệp đã được đăng ký, điều đó không có nghĩa là một tổ chức hủy chứng nhận nhóm vì việc đăng ký không có nghĩa là có phương tiện chứng minh tính hợp pháp.

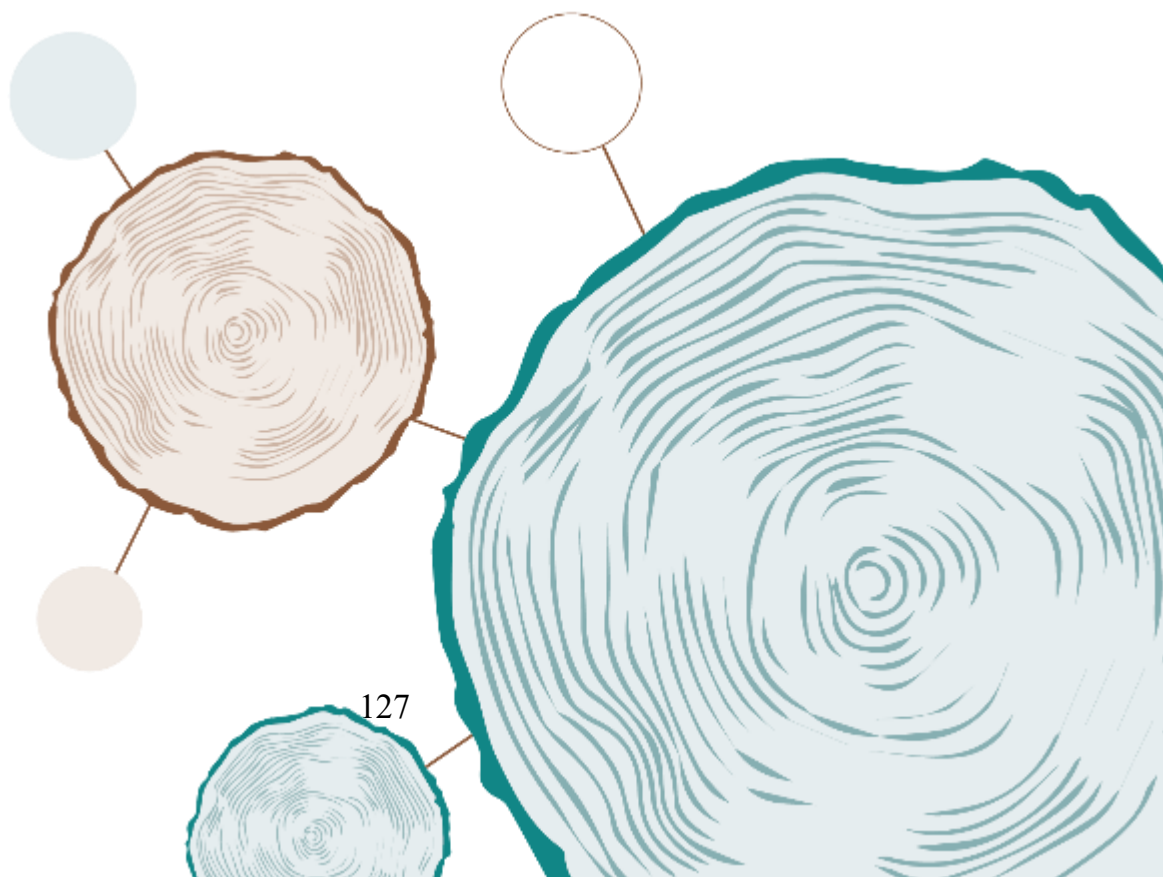
Các doanh nghiệp liên quan đến gỗ là ai?

Có hai nhóm. Nhóm thứ nhất là các doanh nghiệp nhận gỗ ban đầu như các đơn vị nhập khẩu gỗ tròn hoặc gỗ xẻ từ các nhà cung cấp nước ngoài và các thị trường đấu giá gỗ tròn

nhận gỗ trực tiếp từ những người khai thác gỗ. Nhóm thứ hai, nhận gỗ từ nhóm thứ nhất như các đơn vị chế biến gỗ, nhà phân phối gỗ và người sử dụng gỗ cùng như thợ xây nhà. các nhà máy xay xát, nhà máy gỗ dán và nhà máy xẻ gỗ nhận gỗ trực tiếp từ các nhà cung cấp gỗ, được phân loại là nhóm đầu tiên, nhưng nếu gỗ được cung cấp qua thị trường đấu giá thì đây là nhóm thứ hai. các chủ gỗ, nhà cung cấp gỗ, các nhà cung cấp sản phẩm gỗ ở nước ngoài, các cửa hàng DIY và các nhà bán lẻ không phải là chủ thể của luật.

CHƯƠNG IV

Thị trường Hàn Quốc



1. Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc – Thuận lợi và thách thức

Theo số liệu thống kê của Tổng cục hải quan, và thống kê của Forest Trends, Hàn Quốc chiếm vị trí thứ tư, với 666,53 triệu USD, giảm 17,8% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 6,25% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của cả nước.

2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy suất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng/môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ: Luật sử dụng gỗ bền vững 2018

Năm 2018 Hàn Quốc ban hành Đạo luật sử dụng gỗ bền vững (Act on the Sustainable Use of Wood) chính thức có hiệu lực vào tháng 3/2018.

Với quy định pháp lý này, Tổng cục Lâm nghiệp Hàn Quốc đã chính thức áp dụng cơ chế khai báo nhập khẩu đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Hàn Quốc nhằm hạn chế các giao dịch thương mại gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp từ ngày 01/10/2018. Nội dung sửa đổi chính gồm có: 1. Khai báo nhập khẩu; 2. Mặt hàng áp dụng; 3. Xử lý vi phạm; 4. Lưu trữ hồ sơ; 5. Đơn vị kiểm định.

Mục đích của Đạo luật này là nhằm đối phó với biến đổi khí hậu và góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế quốc gia bằng cách tăng cường chức năng hấp thụ carbon và các chức năng đa dạng khác của gỗ và sử dụng gỗ một cách bền vững. Triết lý cơ bản của Đạo luật này là thừa nhận rằng việc tạo ra một môi trường sống dễ chịu và tăng cường lưu trữ carbon thông qua việc sử dụng gỗ là những yếu tố thiết yếu trong việc nâng cao sức khỏe quốc gia, tận hưởng lối sống văn hóa và ứng phó với biến đổi khí hậu, để có thể hiện thực hóa về việc sử dụng gỗ bền vững, đồng thời, truyền việc sử dụng gỗ cho các thế hệ tương lai thông qua việc thúc đẩy văn hóa gỗ và tăng cường giáo dục về gỗ. Chính quyền Tiểu bang và địa phương sẽ nỗ lực thúc đẩy việc sử dụng

gỗ bền vững bằng cách thiết lập và thực hiện các biện pháp cần thiết để thúc đẩy văn hóa gỗ, tăng cường giáo dục về gỗ và cung cấp các sản phẩm gỗ một cách có hệ thống và ổn định.

Để sử dụng gỗ bền vững, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Hàn Quốc sẽ xây dựng và thực hiện kế hoạch toàn diện về sử dụng gỗ bền vững 5 năm một lần. Kế hoạch này bao gồm các vấn đề sau: Hiện trạng, triển vọng cung cấp và phân phối gỗ; Các kế hoạch thúc đẩy văn hóa gỗ và tăng cường giáo dục về gỗ; Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về cung, cầu gỗ và sản phẩm gỗ; Kế hoạch đầu tư trung và dài hạn nhằm nuôi dưỡng thị trường gỗ và ngành gỗ; Kế hoạch thúc đẩy sử dụng gỗ bền vững; Các dự án nghiên cứu và phát triển nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành gỗ; Các chương trình đẩy mạnh đào tạo kỹ thuật và đào tạo chuyên gia liên quan đến ngành gỗ; Các kế hoạch tăng cường cung cấp và sử dụng gỗ trong nước, v.v. Để tăng cường sử dụng gỗ bền vững, một ủy ban về sử dụng gỗ bền vững sẽ được thành lập.

Hình 16. Các loại gỗ thuộc phạm vi áp dụng của Luật sử dụng gỗ bền vững Hàn Quốc



Các nhà nhập khẩu phải chứng minh tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu trước khi nhập khẩu vào Hàn Quốc. Điều 4 của Đạo luật sử dụng gỗ bền vững quy định rằng “việc phân phối và sử dụng gỗ hoặc các sản phẩm gỗ được sản xuất (sau đây gọi là 'chặt hạ hợp pháp')” phải “tuân theo các đạo luật liên quan đến khai thác gỗ của Cộng hòa của Hàn Quốc hoặc nước xuất xứ” và các loại bằng chứng về tính hợp pháp được coi là chấp nhận được để thông quan nhập khẩu tập trung chủ yếu vào việc thu hoạch hợp pháp (được tóm tắt trong Bảng 2). Ngược lại, Quy định về Gỗ của Liên minh Châu Âu năm 2010 (EUTR) bao gồm định nghĩa rộng hơn về tính hợp pháp vì nó định nghĩa “khai thác hợp pháp” có nghĩa là được khai thác theo tất cả các luật hiện hành tại quốc gia khai thác. Phạm vi của luật “áp dụng” bao gồm các luật liên quan đến quyền khai thác, nhưng cũng bao gồm các khoản thanh toán cho quyền khai thác và gỗ, quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, quyền sử dụng và quyền sở hữu của bên thứ ba, cũng như các khoản thanh toán thương mại và hải quan. Đạo luật Lacey 1900 của Hoa Kỳ cũng quy định việc buôn bán các sản phẩm gỗ bị lấy, sở hữu, vận chuyển hoặc bán bất hợp pháp tại quốc gia xuất xứ của chúng là hành vi phạm tội, đồng thời cũng đề xuất một loạt các luật pháp quốc gia có liên quan.

Các tài liệu cần thiết để chứng minh gỗ được khai thác hợp pháp

1. Giấy phép khai thác gỗ được cấp theo quy định của nước xuất xứ.
2. Văn bản được quốc tế công nhận để chứng nhận gỗ hoặc sản phẩm gỗ được khai thác hợp pháp:
 - A. Giấy chứng nhận quản lý rừng hoặc giấy chứng nhận lâm sản bao gồm Giấy chứng nhận Chuỗi hành trình sản phẩm và Gỗ được kiểm soát do Hội đồng Quản lý Rừng (FSC) cấp;
 - B. Giấy chứng nhận quản lý rừng hoặc giấy chứng nhận lâm sản bao gồm Quy trình giám sát hành trình sản phẩm do Chương trình chứng thực chứng chỉ rừng (PEFC) công bố;
 - C. Giấy chứng nhận được công nhận lẫn nhau trên cơ sở tham vấn song phương giữa các quốc gia và PEFC; hoặc

D. Tài liệu được xuất bản theo hệ thống chứng nhận quốc tế, bao gồm chứng nhận của bên thứ ba theo sau bởi Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) 17065 về sử dụng sinh khối bền vững để xác minh xem gỗ hoặc sản phẩm gỗ có được khai thác hợp pháp hay không.

3. Một tài liệu do Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Hàn Quốc quy định và thông báo công khai, được các bên công nhận theo tham vấn song phương giữa Hàn Quốc và nước xuất xứ:

A. Giấy chứng nhận được cấp theo hệ thống chứng chỉ rừng của nước xuất khẩu, được các bên công nhận thông qua tham vấn song phương với Hàn Quốc.

4. Bất kỳ tài liệu nào khác do Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp Hàn Quốc quy định và thông báo công khai để xác minh rằng gỗ hoặc sản phẩm gỗ có liên quan đã được khai thác hợp pháp:

A. Giấy chứng nhận được cấp theo hệ thống quản lý của nước xuất khẩu được thiết lập theo Hiệp định Đối tác Tự nguyện, Quản trị và Thực thi Luật Lâm nghiệp (FLEGT-VPA) với Liên minh Châu Âu;

B. Giấy phép xuất khẩu xác minh rằng gỗ hoặc sản phẩm gỗ đã được khai thác hợp pháp theo Đạo luật và các quy định trực tiếp của nước xuất khẩu;

C. Văn bản có đóng dấu chính thức hoặc chữ ký của chính phủ nước xuất khẩu hoặc của cơ quan được chính phủ nước xuất khẩu ủy quyền xác minh rằng gỗ hoặc sản phẩm gỗ có liên quan đã được khai thác hợp pháp, bao gồm giấy phép vận chuyển và giấy phép vận chuyển. Bảng kê hàng hóa;

D. Văn bản do nhà xuất khẩu viết phù hợp với trường hợp nước xuất khẩu có luật và hệ thống hạn chế khai thác gỗ trái phép và các hoạt động thương mại liên quan; hoặc

E. Bất kỳ tài liệu nào khác để xác minh tính hợp pháp và tính bền vững của gỗ, với điều kiện tên của cơ quan cấp tài liệu và mẫu tài liệu phải được đưa vào “Mẫu hướng dẫn cụ thể của quốc gia” được công nhận lẫn nhau dựa trên tham vấn song phương giữa Hàn Quốc và nước xuất khẩu.

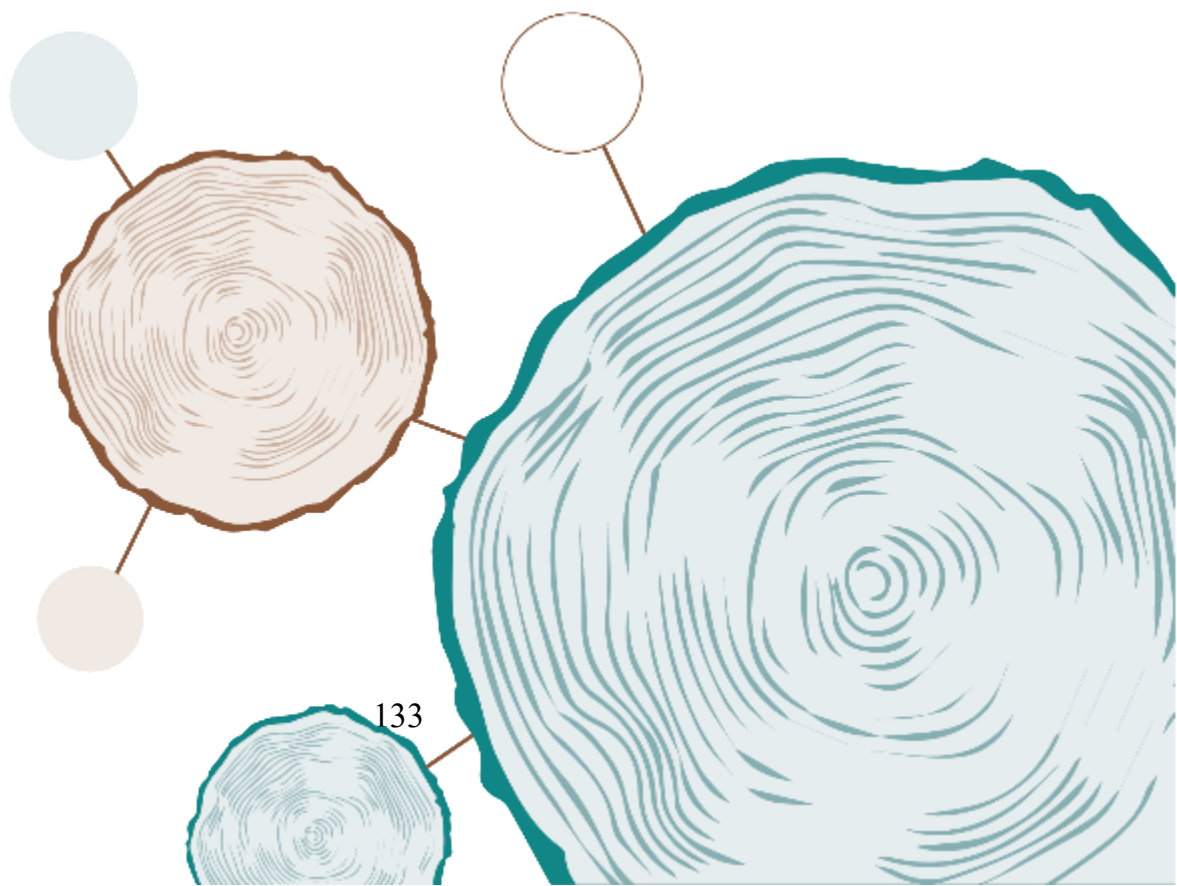
Thực thi và hình thức xử phạt

Chính phủ Hàn Quốc yêu cầu cơ quan kiểm tra, Viện Xúc tiến Lâm nghiệp Hàn Quốc (KFPI), xem xét bằng chứng tài liệu trước khi nhập khẩu và cho phép thông quan nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu. Nếu bằng chứng tài liệu được coi là không đầy đủ thì nhà nhập khẩu sẽ chịu trách nhiệm trả lại lô hàng về nước xuất xứ, nếu không lô hàng sẽ bị tiêu hủy. Nếu cần thêm thông tin để chứng minh tính hợp pháp thì được phép thông quan. Tuy nhiên, nhà nhập khẩu sẽ có nghĩa vụ pháp lý không được bán hoặc phân phối sản phẩm trước khi kết thúc đợt kiểm tra hồ sơ pháp lý tiếp theo. KFS chịu trách nhiệm điều tra mọi sản phẩm gỗ sau nhập khẩu nhưng dự kiến sẽ tập trung vào các quốc gia có nguồn gốc rủi ro cao.

Các doanh nghiệp sẽ phải lưu giữ các tài liệu liên quan để xác minh tính hợp pháp trong hồ sơ và nếu họ không làm như vậy, KFS đã giao cho chính quyền địa phương quyền thu hồi đăng ký sản phẩm gỗ hoặc đình chỉ giấy phép kinh doanh của họ. Trong trường hợp các nhà nhập khẩu bị phát hiện thường xuyên và cố ý nhập khẩu gỗ bất hợp pháp, họ có thể bị phạt lên tới 30.000 USD hoặc phạt tù tới ba năm.

CHƯƠNG IV

Thị trường Trung Quốc



1. Tình hình xuất khẩu gỗ sang Trung Quốc – Thuận lợi và thách thức

1.1. Kim ngạch xuất khẩu – Những con số đáng chú ý

- Tăng trưởng mạnh mẽ giai đoạn 2020–2024:

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc ghi nhận xu hướng tăng đều:

o 2020: khoảng 1,2 tỷ USD

o 2021: khoảng 1,489 tỷ USD

o 2022: khoảng 1,71 tỷ USD

o 2023: khoảng 1,72 tỷ USD

o Dự kiến 2024: đạt 1,88 tỷ USD

- Thị phần xuất khẩu gỗ nguyên liệu áp đảo: Trong năm 2023, xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu thuộc nhóm HS 44 (gỗ nguyên liệu), chiếm 97% tổng kim ngạch, chỉ khoảng 3% là sản phẩm gỗ chế biến (HS 94). Cụ thể, năm 2024, xuất khẩu dăm gỗ sang Trung Quốc đạt 1,75 tỷ USD, chiếm tỷ trọng lớn trong ngành

- Tăng mạnh trong nửa đầu năm 2024: Lũy kế nửa đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Trung Quốc đạt 1,059 tỷ USD, tăng 46,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Trung Quốc – thị trường xuất khẩu thứ 2 của Việt Nam: Theo Bộ Công thương, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam năm 2024 đạt 15,89 tỷ USD, trong đó thị phần sang Trung Quốc chiếm khoảng 9,8%.

- Xuất khẩu dăm gỗ – “gà đẻ trứng vàng”: Năm 2024, chỉ riêng mặt hàng dăm gỗ xuất sang Trung Quốc đã đạt 1,75 tỷ USD, tăng 21,7% về giá trị so với năm trước và chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng kim ngạch.

1.2. Thuận lợi

- i. Thị trường lớn và tăng trưởng ổn định: Trung Quốc tiếp tục là đối tác xuất khẩu gỗ hàng đầu của Việt Nam, bao gồm cả gỗ nguyên liệu (HS 44) và sản phẩm chế biến (HS 94), với nhu cầu cao đối với dăm gỗ phục vụ sản xuất công nghiệp.
- ii. Vị trí địa lý thuận lợi: Cận kề với Trung Quốc, Việt Nam tận dụng được lợi thế đường biên đường bộ, tiết kiệm chi phí vận chuyển và thời gian giao nhận.
- iii. Nguồn cung dồi dào và đa dạng: Doanh nghiệp Việt Nam cung cấp chủ yếu các loại gỗ nguyên liệu – dăm, ván bóc, gỗ xẻ – phù hợp với nhu cầu nhập khẩu trung gian của Trung Quốc.
- iv. Xu hướng tăng trưởng rõ rệt: Với mức tăng gần 50% trong nửa đầu năm 2024, rõ ràng ngành gỗ Việt Nam đang tận dụng tốt cơ hội từ thị trường Trung Quốc.
- v. Tính linh hoạt trong thương mại: Xuất khẩu gỗ nguyên liệu – nhất là dăm – mang tính đơn giản, giảm nhẹ rủi ro chất lượng đầu ra và yêu cầu kỹ thuật so với hàng chế biến cao.

1.3. Thách thức

- i. Phụ thuộc chủ yếu vào gỗ nguyên liệu: Khoảng 97% kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc đến từ nhóm HS 44, trong khi sản phẩm chế biến (HS 94) chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Điều này khiến giá trị gia tăng thấp, dễ bị ảnh hưởng khi giá nguyên liệu biến động
- ii. Yêu cầu pháp lý và tiêu chuẩn ngày càng khắt khe: Trung Quốc ban hành tiêu chuẩn bắt buộc GB 18584-2024 về giới hạn chất độc hại trong nội thất, buộc doanh nghiệp Việt cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh bị chặn xuất khẩu
- iii. Cạnh tranh từ các nguồn cung khác: Các quốc gia như Nga, châu Phi, Đông Nam Á cũng đẩy mạnh xuất khẩu gỗ nguyên liệu đến Trung Quốc, cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp Việt cả về giá và khối lượng

iv. Rủi ro do phân tán thị trường: Khi thị trường Trung Quốc chiếm đến gần 10% tổng kim ngạch ngành gỗ, biến động chính sách, kinh tế hay ngoại thương bên này sẽ tác động mạnh đến doanh nghiệp Việt.

v. Rào cản thương mại và logistic: Mặc dù vị trí địa lý thuận lợi, các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với rào cản phi thuế quan như thủ tục hải quan phức tạp, kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn – đặc biệt nếu xuất theo đường tiểu ngạch.

vi. Biến động giá và tỷ giá, thanh toán: Giá dăm gỗ từng giảm từ khoảng 183–185 USD/tấn xuống dưới 140 USD/tấn giữa năm 2023. Cộng với biến động tỷ giá và rủi ro thanh toán trễ, doanh nghiệp cần có chiến lược quản trị hiệu quả.

vii. Giá trị gia tăng thấp, hạn chế bền vững: Xuất khẩu gỗ nguyên liệu đem lại tỷ suất lợi nhuận thấp, khiến ngành khó phát triển bền vững nếu không chuyển hướng sang sản phẩm hoàn chỉnh, chế biến sâu và có thương hiệu.

Thị trường Trung Quốc đang là một trong những động lực chính thúc đẩy tăng trưởng ngành gỗ Việt Nam, đặc biệt trong mảng xuất khẩu gỗ nguyên liệu như dăm gỗ. Tuy nhiên, để phát triển bền vững và nâng cao giá trị trong chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp cần:

- Đẩy mạnh chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm (HS 94).
- Đáp ứng nghiêm ngặt các tiêu chuẩn nhập khẩu và pháp lý.
- Gia tăng xuất khẩu chính ngạch thay vì tiểu ngạch.
- Tăng cường quản trị rủi ro giá, tỷ giá và logistic.

2. Yêu cầu về gỗ hợp pháp, truy xuất nguồn gốc gỗ, bảo vệ rừng / môi trường có liên quan đến sản phẩm gỗ

Bắt đầu từ tháng 7/2020, Luật Lâm nghiệp của Trung Quốc chính thức có hiệu lực, đánh dấu lần sửa đổi đầu tiên trong hơn 20 năm. Luật đi kèm với một số cải tiến nhằm mục đích bảo vệ tốt hơn tài nguyên rừng, thúc đẩy phát triển bền vững và đóng góp vào chính sách quốc gia về xây dựng một nền văn minh sinh thái.

Luật Lâm nghiệp sửa đổi có một số thành phần mới. Luật làm rõ hơn quyền sở hữu rừng ở Trung Quốc và xác định các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, đó là nhà nước, tập thể (nhóm) và cá nhân. Như một phần của điều này, luật cho phép quyền sử dụng rừng, cây và rừng được chuyển nhượng, cho thuê và được định giá như vốn đầu tư.

Luật cũng nhấn mạnh đến việc bảo vệ rừng. Bằng cách phân loại rừng theo mục đích lợi ích công cộng hoặc mục đích thương mại, nó cho phép áp dụng các biện pháp quản lý khác nhau. Hơn nữa, luật kiểm soát chặt chẽ việc khai thác rừng tự nhiên trong nước và giới hạn sản lượng khai thác hàng năm với giấy phép và các quy định cụ thể.

Quan trọng hơn, Luật Lâm nghiệp sửa đổi bao gồm việc cấm mua, vận chuyển và/ hoặc chế biến gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp và yêu cầu các công ty chế biến phải thiết lập hồ sơ dữ liệu về nguyên liệu và sản phẩm (Điều 65).

Thiết lập một hệ thống quản lý sổ cái theo yêu cầu của luật để ghi chép đầu vào và đầu ra của nguyên liệu, cũng như sản phẩm gỗ có thể là cách hiệu quả để xác định nguồn gốc. Hệ thống này cũng nên được áp dụng cho gỗ nhập khẩu vào Trung Quốc, vì có tác động đáng kể đến việc truy xuất nguồn gốc. Tuy nhiên, nhiều nhà phân tích cho rằng, luật cần khám phá thêm một bước nữa trong chuỗi cung ứng gỗ, đặc biệt là về nghĩa vụ thẩm định.

Mặc dù luật sửa đổi quy định, “không người điều hành hoặc cá nhân nào có thể cố ý mua, chế biến hoặc vận chuyển gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp”, văn bản pháp lý này vẫn còn mơ hồ và do đó sẽ để lại kẽ hở nếu người điều hành tuyên bố thiếu thông tin. Do đó, việc thực thi mạnh mẽ là rất quan trọng và rất cần một hệ thống thẩm định có thể thực hiện được.

Hướng tới quản trị gỗ tốt hơn

Mặc dù phạm vi của Luật Lâm nghiệp nằm trong lãnh thổ Trung Quốc, nhưng các tác động tiềm tàng của Điều 65 có thể rất đáng kể và sâu rộng nếu được thực hiện một cách hiệu quả. Trung Quốc là nhà nhập khẩu và tiêu thụ gỗ hàng đầu trên thế giới, nhưng nhiều quốc gia cung cấp gỗ và lâm sản cho thị trường Trung Quốc có nguy cơ cao bị khai thác gỗ bất hợp pháp và chuyển đổi rừng rộng hơn do quản trị kém. Thực tế, nạn buôn bán gỗ bất hợp pháp là một trong những thị trường tội phạm béo bở nhất trên trái đất, với ước tính của INTERPOL, nó chiếm từ 15 - 30% tổng thị trường sản phẩm gỗ. Còn theo Ngân hàng Thế giới, khai thác gỗ bất hợp pháp có thể khiến doanh thu thuế toàn cầu mỗi năm mất 78 tỷ USD, trong khi số tiền này hoàn toàn có thể được các nước thu nhập thấp sử dụng để tài trợ cho nhiều nhu cầu công.

Do đó, các doanh nghiệp định hướng xuất khẩu ở Trung Quốc đang phải đối mặt với áp lực từ thị trường quốc tế, nơi ngày càng có nhiều quốc gia ban hành luật yêu cầu chỉ nhập khẩu gỗ khai thác hợp pháp. Bản thân các công ty gỗ Trung Quốc đang ngày càng lên tiếng về sự hỗ trợ cần thiết để bảo đảm sản phẩm của họ đáp ứng các yêu cầu của người mua quốc tế, những người cần tuân thủ các quy định về gỗ.

Nhiều người hy vọng, cùng với luật mới, nếu Trung Quốc thực hiện các biện pháp thiết thực và hiệu quả để bảo đảm gỗ và sản phẩm gỗ có nguồn gốc hợp pháp vào nước này, thì điều này sẽ góp phần rất lớn vào thương mại gỗ hợp pháp trên toàn thế giới. Khi thực hiện hành động quyết định chống khai thác gỗ bất hợp pháp và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên toàn cầu, Trung Quốc cũng sẽ hỗ trợ giảm thiểu biến đổi khí hậu và bảo tồn các điểm nóng đa dạng sinh học trên thế giới.

Chính vì vậy, Luật Lâm nghiệp sửa đổi của Trung Quốc là bước tiến tích cực đối với việc bảo vệ rừng và cải thiện quản trị rừng, có ý nghĩa với không chỉ nước này mà còn có ý nghĩa trên toàn cầu.

Phụ lục

1. Phụ lục 1 – EXPORTER CERTIFICATE

1. On 07/20/2023, Commerce published in the Federal Register a final circumvention determination that hardwood plywood completed in Vietnam using hardwood plywood inputs (face veneer, back veneer, and/or either an assembled core or individual core veneers) manufactured in China, or Chinese hardwood plywood inputs (assembled cores, multi-ply core panels, or individual core veneers) combined in Vietnam with other inputs (face and/or back veneers) manufactured in Vietnam or third countries, and subsequently exported to the United States are circumventing the antidumping and countervailing duty orders certain hardwood plywood products and veneered panels (hardwood plywood) from the People's Republic of China (China) (A-570-051, C-570-052) (07/20/2023, 88 FR 46740).

Specifically, inquiry merchandise is hardwood plywood that is exported to the United States that is produced under the following scenarios:

- 1.Face veneer, back veneer, and assembled core components (e.g., veneer core platforms) (see note below) manufactured in China and assembled in Vietnam;
- 2.Fully assembled veneer core platforms manufactured in China that are combined in Vietnam with face and/or back veneers produced in Vietnam or third countries;
- 3.Multi-ply panels of glued core veneers manufactured in China that are combined in Vietnam to produce veneer core platforms and combined with either a face and/or back veneer produced in China, Vietnam, or a third country;
- 4.Face veneer, back veneer, and individual core veneers produced in China and assembled into hardwood plywood in Vietnam; and
- 5.Individual core veneers manufactured in China and processed into a veneer core platform in Vietnam and combined with a face and/or back veneer produced in Vietnam or other third country.

Note to CBP: A veneer core platform is defined as two or more wood veneers that form the core of an otherwise completed hardwood plywood product (i.e., a hardwood plywood product to which the outer (face and back) veneers have not yet been affixed).

On 07/20/2023, concurrently with this circumvention determination, Commerce issued a final scope ruling that hardwood plywood assembled in Vietnam under production scenarios 1-3 identified above, and exported to the United States, is not covered by the scope of the AD and CVD orders on hardwood plywood from China and is, instead, circumventing the AD and CVD orders on hardwood plywood from China. Because the final circumvention determination now covers these three

scenarios, in addition to scenarios 4-5, merchandise produced under any of the five production scenarios identified above should remain suspended. In addition, merchandise NOT produced under these five production scenarios should also remain suspended if certifications are not provided.

2. In the final circumvention determination, Commerce determined that inquiry merchandise is covered by the scope of the AD and CVD orders on certain hardwood plywood products from China because hardwood plywood from China is undergoing minor assembly or finishing in Vietnam prior to exportation to the United States 3. This final circumvention determination is applicable on a country-wide basis, regardless of foreign producer, exporter, or importer.

4a. Continue to suspend liquidation of entries of inquiry merchandise already subject to the suspension of liquidation under the antidumping and countervailing duty orders on hardwood plywood from China at the cash deposit rate(s) in effect on the date of entry in accordance with messages 2220409, 2255409, and 2335408 (CIRC) dated 08/08/2022, 09/12/2022, and 12/01/2022, respectively, and 2220401, 2255410, and 2335409 (SCO) dated 08/08/2022, 09/12/2022, and 12/01/2022, respectively.

4b. For all entries of inquiry merchandise not already subject to the suspension of liquidation, CBP should suspend liquidation of shipments entered, or withdrawn from warehouse, for consumption on or after 06/17/2020 (date of publication of the notice of initiation of the circumvention inquiry). CBP shall require, for such entries, a cash deposit at the applicable rate(s) in effect on the date of entry.

4c. Entries of products covered by subparagraph(s) 4a and 4b should not be liquidated until specific liquidation instructions are issued.

5. Certification requirements

If an importer imports hardwood plywood from Vietnam and claims that the hardwood plywood was assembled in Vietnam using a production scenario other than those identified in paragraph 1 above, the importer and exporter are required to meet the certification and documentation requirements described below in order for no cash deposit to be required pursuant to the AD and CVD orders at issue.

5a. Eligibility for Certification

5a.(i) Except for the companies listed in paragraph 5a(ii), importers and exporters of hardwood plywood from Vietnam are eligible for the certification process detailed below and in the Final Determination (88 FR 46740).

5a.(ii) The companies listed below are currently not eligible to certify that their hardwood plywood is assembled in Vietnam using a production scenario other than those identified in paragraph 1 above.
Arrow Forest International Co., Ltd.

BAC Son Woods Processing Joint Stock Company
Bao Yen MDF Joint Stock Company
BHL Thai Nguyen Corp.
BHL Vietnam Investment and Development
Cam Lam Joint Stock Company
Dong Tam Production Trading Company Limited

Eagle Industries Company Limited
Golden Bridge Industries Pte. Ltd.
Govina Investment Joint Stock Company
Greatriver Wood Co., Ltd.
Groll Ply and Cabinetry
Hai Hien Bamboo Wood Joint Stock Company
Her Hui Wood (Vietnam) Co., Ltd.
Hoang LAM Plywood Joint Stock Co.
Huong Son Wood Group Co., Ltd.
Innovgreen Thanh Hoa Co., Ltd.
Lechenwood Viet Nam Company Limited
Linwood Vietnam Co., Ltd
Long LUU Plywood Production Co., Ltd.
Long Phat Construction Investment and Trade Joint Stock Company
Plywood Sunshine Ltd. Co.
Quang Phat Woods JSC
Quoc Thai Forestry Import Export Limited Company
Rongjia Woods Vietnam Company Limited
Sumeo Huongson Wood Group Co., Ltd.
Tan Tien Co., Ltd.
TEKCOM Corporation
Thang Long Wood Panel Company Ltd.
Thanh Hoa Stone Export Company
TL Trung Viet Company Limited
Truong Son North Construction JSC
Vietind Co. Ltd.
Vietnam Golden Timber Company Limited
VVAT Company Limited

Win Faith Trading

Zhongjia Wood Company Limited

Note to CBP: Commerce made certain changes to the list of ineligible companies.

The following companies are now eligible to participate in the certification program:

An An Plywood Joint Stock Company

Greatwood Company Limited

Greatwood Hung Yen Joint Stock Company

The following companies are now ineligible to participate in the certification program:

Cam Lam Joint Stock Company

TL Trung Viet Company Limited

VVAT Company Limited

Zhongjia Wood Company Limited

Entries from these ineligible companies should remain suspended until further instructions from Commerce. Any entries made by these ineligible companies that were accompanied by certifications should be converted to Type 03 entries and should remain suspended until further instructions from Commerce.

5b. Certification Requirements for Importers and Exporters

5b.(i) For entries of hardwood plywood from Vietnam entered, or withdrawn from warehouse, for consumption on or after 06/17/2020 for which the importer claims that the hardwood plywood was assembled in Vietnam using a production scenario other than those identified in paragraph 1 above, the importer and exporter are required to meet the certification and documentation requirements detailed in the certification below in order for no suspension of liquidation and no cash deposit to be required for such entries.

5b.(ii) The exporter is further required to provide the importer a copy of the exporter certification, and the importer is required to maintain a copy of the exporter certification.

5b.(iii) The importer and third-country exporter are required to maintain sufficient documentation supporting the importer and third-country exporter certifications (e.g., production records, invoices, etc.). The importer and exporter are required to maintain the certification and supporting documentation for the later of (1) a period of five years from the date of entry or (2) a period of three years after the conclusion of any litigation in United States courts regarding such entries.

5b.(iv) Although the importer will not be required to submit the certification or supporting documentation to CBP as part of the entry process, the importer and the exporter will be required to present the certification and supporting documentation to Commerce and/or CBP, as applicable, upon request by the respective agency.

5b.(v) Agents of the importer, such as brokers, are not permitted to make this certification. Where the importer uses a broker to facilitate the entry process, it should obtain the entry number and date of entry from the broker.

5b.(vi) The exporter certification should be completed by the party selling the merchandise manufactured in Vietnam to the United States, which may not necessarily be the producer of the product.

5b.(vii) The claims made in the importer and exporter certifications and any supporting documentation are subject to verification by Commerce and/or CBP.

5c. Further, if CBP determines that the certification and/or documentation requirements identified have not been met (i.e., CBP determines the certification and/or documentation is deficient or otherwise unacceptable), for all entries of inquiry merchandise entered, or withdrawn from warehouse, for consumption on or after 06/17/2020, CBP shall suspend liquidation of all such entries as subject to the AD and CVD orders, and shall require the importer to post applicable AD and CVD cash deposits.

5d. Certification Timing and Format Requirements

5d.(i) For hardwood plywood (1) shipped and/or (2) entered, or withdrawn from warehouse, for consumption during the period 06/17/2020 through 08/28/2022 (from the date of initiation of these inquiries through 30 days after the Preliminary Determination was published) for which certifications are required, importers and exporters have the option to complete: (a) a blanket certification covering multiple entries, (b) individual certifications for each entry, or (c) a combination thereof. Importer and exporter certifications for these entries should be completed, signed, and dated no later than 08/13/2023 (within 30 days of signing of the Final Determination).

Accordingly, the relevant bullet in the certification should be edited to reflect that the certification was completed within this time frame. For example, the bullet in the importer certification that reads, "This certification was completed by the time of filing the entry summary," could be edited as follows: "The imports referenced herein entered before 08/28/2022, thirty days after Commerce published notice of its preliminary scope and circumvention findings in the Federal Register. This certification was completed on mm/dd/yyyy, within 30 days of the signature date of the Final Determination."

Similarly, exporters should complete the language in paragraph E in the exporter certification that reads: "The shipments/products referenced herein shipped before 08/28/2022, thirty days after Commerce published notice of its preliminary scope and anti-circumvention findings in the Federal Register. This certification was completed on mm/dd/yyyy, within 30 days of the signature date of the Final Determination."

Additionally, the exporter must provide the importer a copy of the exporter certification and supporting documents by 8/13/2023.

5d.(ii) For subject merchandise (1) shipped and/or (2) entered, or withdrawn from warehouse, for consumption on or after 08/28/2022, for which certifications are required:

-- the importer certification must be completed, signed, and dated by the time of filing of the entry summary for the relevant importation; and

-- the exporter certification must be completed, signed, dated and provided to the importer by the time of shipment.

Note: For merchandise shipped by 07/20/2023 that was previously ineligible for certification and that is now eligible for certification as a result of the Final Determination, the certification requirements should be met as soon as practicable, but no later than 8/13/2023, 30 days after the signature date of the Final Determination.

5d.(iii) For unliquidated entries (and entries for which liquidation has not become final) of merchandise entered as non-AD/CVD type entries (e.g., type 01) that were (1) shipped and/or (2) entered, or withdrawn from warehouse, for consumption during the period 06/17/2020 through 08/28/2022, for which a conversion from non-AD/CVD to AD/CVD type is required; importers should file a Post Summary Correction with CBP (in accordance with CBP's regulations) using case number A-552-006-000/C-552-007-000. Similarly, the importer should pay cash deposits on those entries consistent with the regulations governing post summary corrections that require payment of additional duties.

EXPORT CERTIFICATION

I hereby certify that:

(A) My name is {COMPANY OFFICIAL'S NAME} and I am an official of {NAME OF EXPORTING COMPANY}, located at {ADDRESS OF EXPORTING COMPANY}.

(B) I have direct personal knowledge of the facts regarding the production and exportation in the Customs territory of the United States of the hardwood plywood identified below. "Direct personal knowledge" refers to facts the certifying party is expected to have in its own books and records. For example, an exporter should have "direct personal knowledge" of the producer's identity and location;

(C) The hardwood plywood completed in Vietnam was not produced under any of the following production scenarios:

1.Face veneer, back veneer, and assembled core components (e.g., veneer core platforms (see note below) manufactured in China and assembled in Vietnam;

2.Fully assembled veneer core platforms manufactured in China that are combined in Vietnam with face and/or back veneers produced in Vietnam or third countries;

3.Multi-ply panels of glued core veneers manufactured in China that are combined in Vietnam to produce veneer core platforms and combined with either a face and/or back veneer produced in China, Vietnam, or a third country;

4.Face veneer, back veneer, and individual core veneers produced in China and assembled into hardwood plywood in Vietnam; and

5.Individual core veneers manufactured in China and processed into a veneer core platform in Vietnam and combined with a face and/or back veneer produced in Vietnam or other third country;

Note: A veneer core platform is defined as two or more wood veneers that form the core of an otherwise completed hardwood plywood product (i.e., a hardwood plywood product to which the outer (face and back) veneers have not yet been affixed).

(D)This certification applies to the following sales to {NAME OF U.S. CUSTOMER}, located at {ADDRESS OF U.S. CUSTOMER} (repeat this block as many times as necessary):

Foreign Seller's Invoice # to U.S. Customer:

Foreign Seller's Invoice to U.S. Customer Line item #:

Producer's Invoice # to Foreign Seller: (If the foreign seller and the producer are the same party, put NA here.)

Name of core veneers/veneered panel/veneer core platform producer:

(E) The hardwood plywood products covered by this certification were shipped to {NAME OF U.S. PARTY TO WHOM MERCHANDISE WAS SHIPPED}, located at {U.S. ADDRESS TO WHICH

MERCHANDISE WAS SHIPPED}.

(F) I understand that {NAME OF EXPORTING COMPANY} is required to maintain a copy of this certification and sufficient documentation supporting this certification (i.e., documents maintained in the normal course of business, or documents obtained by the certifying party, for example, production records, invoices, etc.) for the later of: (1) a period of five years from the date of entry; or (2) a period of three years after the conclusion of any litigation in the United States courts regarding such entries;

(G) I understand that {NAME OF EXPORTING COMPANY} must provide this Exporter Certification to the U.S. importer by the time of shipment.

(H) I understand that failure to maintain the required certification and supporting documentation, failure to substantiate the claims made herein, and/or failure to allow CBP and/or Commerce to verify the claims made herein, may result in a de facto determination that all entries to which this certification applies are within the scope of the antidumping (AD)/countervailing duty (CVD) orders on hardwood plywood from China. I understand that such a finding will result in:

(i) suspension of all unliquidated entries (and entries for which liquidation has not become final) for which these requirements were not met;

(ii) the requirement that the importer post applicable AD and/or CVD cash deposits (as appropriate) equal to the rates as determined by Commerce; and

(iii) the revocation of {NAME OF EXPORTING COMPANY}'s privilege to certify that future imports of hardwood plywood are not produced under any of the production scenarios subject to these certifications.

(I) This certification was completed at time of shipment or within 45 days of the date on which Commerce published notice of its preliminary scope and anti-circumvention findings in the Federal Register;

(J) I am aware that U.S. law (including, but not limited to, 18 U.S.C. Section 1001) imposes criminal sanctions on individuals who knowingly and willfully make material false statements to the U.S. government.

Signature

{NAME OF COMPANY OFFICIAL}

{TITLE}

{DATE}

2. Phụ lục 2 – IMPORT CERTIFICATE

I hereby certify that:

(A) My name is {IMPORTING COMPANY OFFICIAL'S NAME} and I am an official of {NAME OF IMPORTING COMPANY}, located at {ADDRESS OF IMPORTING COMPANY}.

(B) I have direct personal knowledge of the facts regarding the importation into the Customs territory of the United States of the hardwood plywood completed in Vietnam that entered under entry summary number(s), identified below, and are covered by this certification. "Direct personal knowledge" refers to facts the certifying party is expected to have in its own records. For example, the importer should have "direct personal knowledge" of the importation of the product (e.g., the name of the exporter) in its records;

(C) I have personal knowledge of the facts regarding the production of the imported products covered by this certification. "Personal knowledge" includes facts obtained from another party, (e.g., correspondence received by the importer (or exporter) from the producer regarding the source of the hardwood plywood inputs used to produce the imported products);

(D) This certification applies to the following entries (repeat this block as many times as necessary):

Entry Summary #:

Entry Summary Line Item #:

Foreign Seller:

Foreign Seller's Address:

Foreign Seller's Invoice #:

Foreign Seller's Invoice Line Item #:

Country of Origin of core veneers/veneered panels/veneer core platforms:

(E) The hardwood plywood completed in Vietnam was not produced under any of the production scenarios subject to these certifications:

1. Face veneer, back veneer, and assembled core components (e.g., veneer core platforms (see note below)) manufactured in China and assembled in Vietnam;
2. Fully assembled veneer core platforms manufactured in China that are combined in Vietnam with face and/or back veneers produced in Vietnam or third countries;
3. Multi-ply panels of glued core veneers manufactured in China that are combined in Vietnam to produce veneer core platforms and combined with either a face and/or back veneer produced in China, Vietnam, or a third country;
4. Face veneer, back veneer, and individual core veneers produced in China and assembled into hardwood plywood in Vietnam; and

5. Individual core veneers manufactured in China and processed into a veneer core platform in Vietnam and combined with a face and/or back veneer produced in Vietnam or other third country;
Note: A veneer core platform is defined as two or more wood veneers that form the core of an otherwise completed hardwood plywood product (i.e., a hardwood plywood product to which the outer (face and back) veneers have not yet been affixed).

(F) I understand that {IMPORTING COMPANY} is required to maintain a copy of this certification and sufficient documentation supporting this certification (i.e., documents maintained in the normal course of business, or documents obtained by the certifying party, for example, certificates of origin, production records, invoices, USDA Plant and Plant Product Declaration Form etc.) for the later of (1) a period of five years from the date of entry or (2) a period of three years after the conclusion of any litigation in the United States courts regarding such entries;

(G) I understand that {IMPORTING COMPANY} is required to provide this certification and supporting records, upon request, to U.S. Customs and Border Protection (CBP) and/or the Department of Commerce (Commerce);

(H) I understand that {IMPORTING COMPANY} is required to maintain a copy of the exporter's certification (attesting to the production and/or export of the imported merchandise identified above) and supporting documentation, for the later of (1) a period of five years from the date of entry or (2) a period of three years after the conclusion of any litigation in United States courts regarding such entries;

(I) I understand that {IMPORTING COMPANY} is required to maintain and provide a copy of the exporter's certification and supporting documentation, upon request, to CBP and/or Commerce;

(J) I understand that the claims made herein, and the substantiating documentation, are subject to verification by CBP and/or Commerce;

(K) I understand that failure to maintain the required certification and supporting documentation and/or failure to substantiate the claims made herein and/or failure to allow CBP and/or Commerce to verify the claims made herein, may result in a de facto determination that all entries to which this certification applies are within the scope of the antidumping/countervailing duty orders on hardwood plywood from China. I understand that such finding will result in:

- (i) suspension of liquidation of all unliquidated entries (and entries for which liquidation has not become final) for which these requirements were not met;
- (ii) the requirement that the importer post applicable antidumping duty and/or countervailing duty cash deposits (as appropriate) equal to the rates determined by Commerce; and
- (iii) the revocation of {NAME OF IMPORTING COMPANY}'s privilege to certify that future imports of hardwood plywood are not produced under any of the production scenarios subject to these

certifications.

(L) I understand that agents of the importer, such as brokers, are not permitted to make this certification;

(M) This certification was completed by the time of filing the entry summary or within 45 days of the date on which Commerce published notice of its preliminary scope and anti-circumvention findings in the Federal Register; and

(N) I am aware that U.S. law (including, but not limited to, 18 U.S.C. Section 1001) imposes criminal sanctions on individuals who knowingly and willfully make material false statements to the U.S. government.

Signature

{NAME OF COMPANY OFFICIAL}

{TITLE}

{DATE}

3. Phụ lục 3 – CERTIFICATE OF ACCURACY

COMPANY CERTIFICATION:*

I, **(PRINTED NAME AND TITLE)**, currently employed by **(COMPANY NAME)**, certify that I prepared or otherwise supervised the preparation of the attached submission of **(IDENTIFY THE SPECIFIC SUBMISSION BY TITLE)** due on **(DATE)** OR filed on **(DATE)** pursuant to the **(INSERT ONE OF THE FOLLOWING OPTIONS IN { }): {THE (ANTIDUMPING OR COUNTERVAILING) DUTY INVESTIGATION OF (PRODUCT) FROM (COUNTRY) (CASE NUMBER)}** or **{THE (DATES OF PERIOD OF REVIEW) (ADMINISTRATIVE OR NEW SHIPPER) REVIEW UNDER THE (ANTIDUMPING OR COUNTERVAILING) DUTY ORDER ON (PRODUCT) FROM (COUNTRY) (CASE NUMBER)}** or **{THE (SUNSET REVIEW OR CHANGED CIRCUMSTANCE REVIEW OR SCOPE RULING OR CIRCUMVENTION INQUIRY) OF THE (ANTIDUMPING OR COUNTERVAILING) DUTY ORDER ON (PRODUCT) FROM (COUNTRY) (CASE NUMBER)}**). I certify that the public information and any business proprietary information of **(CERTIFIER'S COMPANY NAME)** contained in this submission is accurate and complete to the best of my knowledge. I am aware that the information contained in this submission may be

subject to verification or corroboration (as appropriate) by the U.S. Department of Commerce.

I am also aware that U.S. law (including, but not limited to, 18 U.S.C. 1001) imposes criminal sanctions on individuals who knowingly and willfully make material false statements to the U.S. Government. In addition, I am aware that, even if this submission may be withdrawn from the record of the AD/CVD proceeding, the U.S. Department of Commerce may preserve this submission, including a business proprietary submission, for purposes of determining the accuracy of this certification. I certify that a copy of this signed certification will be filed with this submission to the U.S. Department of Commerce.

Signature: _____

Date: _____

* For multiple person certifications, all persons should be listed in the first sentence of the certification and all persons should sign and date the certification. In addition, singular pronouns and possessive adjectives should be changed accordingly, e.g., “I” should be changed to “we” and “my knowledge” should be changed to “our knowledge.”

4. Phụ lục 4 – CERTIFICATE OF PUBLIC SERVICE

CERTIFICATE OF SERVICE

I, _____, hereby certify that a copy of the

(name of certifying official)

foregoing submission on behalf of _____,

(company name)

dated _____, was served by first class mail or by hand delivery (circle the method

used) on the following parties:

(Public Service List)

(Signature of Certifying Official)

5. Phụ lục 5 – CERTIFICATE OF APO SERVICE LIST

CERTIFICATE OF SERVICE

I, _____, hereby certify that a copy of the
(name of certifying official)

foregoing submission on behalf of _____,
(company name)

dated _____, was served by first class mail or by hand delivery (circle the
method

used) on the following parties:

(APO Service List)

(Signature of Certifying Official)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Thương mại Hoa Kỳ: <http://trade.gov>
2. Cổng thông tin điện tử ACCESS: <http://access.trade.gov>
3. Ủy ban thương mại quốc tế Hoa Kỳ: <http://usitc.gov>
4. Forest Trends: <http://www.forest-trends.org>
5. European Commission: <http://policy.trade.ec.europa.edu/enforcement-and-protection>

Dự án “Hỗ trợ thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Địa chỉ

P032, Tầng 3, Tòa nhà CoCo International
14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại

+84 (0) 24 39 34 49 51

Website

<https://snrd-asia.org/vpa-flegt/>

